

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

DỰ THẢO



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bình Thuận, tháng 6 năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH LUẬT KINH TẾ
(Giai đoạn: 2020-2024)

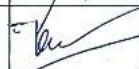
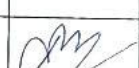
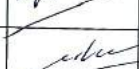
**(Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo ban hành về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
các trình độ của giáo dục đại học)**

Tài liệu lưu hành nội bộ của Trường Đại học Phan Thiết và sử dụng phục vụ
hoạt động đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Trường.

Bình Thuận, tháng 6 năm 2025

Danh sách thành viên Hội đồng Tự đánh giá:

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH LUẬT KINH TẾ
(Kèm theo Quyết định số 68 /QĐ-ĐHPT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Võ Khắc Thường	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	TS. Nguyễn Phước Quý Quang	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	TS. Phạm Ngọc Thắng	Trưởng Khoa Luật Kinh tế (LKT)	Phó Chủ tịch	
4	NCS. ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng	Phó Trưởng Khoa LKT	Thành viên	
5	ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế (KT-ĐBCL-TT&PC)	Thành viên - Thư ký	
6	NCS. ThS. Phạm Thị Hồng Tâm	Phó trưởng bộ môn, Khoa LKT	Thành viên	
7	ThS. Võ Mỹ Duyên	Phó Trưởng phòng Quản lý Sau đại học (QLSDH)	Thành viên	
8	ThS. Lê Anh Linh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC)	Thành viên	
9	TS. Trần Tình	Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)	Thành viên	
10	ThS. Nguyễn Như Trường	Trưởng phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (CTCTSV&HTDN)	Thành viên	
11	CN. Vũ Quang Huy	Đại diện Học viên ngành Luật Kinh tế	Thành viên	

(Danh sách gồm có 11 người).

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Phần I. KHÁI QUÁT	6
1. Đặt vấn đề	6
2. Tổng quan chung	10
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1	17
Tiêu chí 1.2	19
Tiêu chí 1.3	24
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	27
Tiêu chuẩn 2	28
Mở đầu	28
Tiêu chí 2.1	28
Tiêu chí 2.2	31
Tiêu chí 2.3	33
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	35
Tiêu chuẩn 3	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 3.1	36
Tiêu chí 3.2	41
Tiêu chí 3.3	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	47
Tiêu chuẩn 4	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 4.1	49
Tiêu chí 4.2	51
Tiêu chí 4.3	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	56
Tiêu chuẩn 5	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 5.1	58
Tiêu chí 5.2	63
Tiêu chí 5.3	66
Tiêu chí 5.4	69
Tiêu chí 5.5	71
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	74

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chuẩn 6	75
Mở đầu	75
Tiêu chí 6.1	75
Tiêu chí 6.2	79
Tiêu chí 6.3	82
Tiêu chí 6.4	86
Tiêu chí 6.5	89
Tiêu chí 6.6	94
Tiêu chí 6.7	99
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	102
Tiêu chuẩn 7	104
Mở đầu	104
Tiêu chí 7.1	104
Tiêu chí 7.2	108
Tiêu chí 7.3	110
Tiêu chí 7.4	113
Tiêu chí 7.5	117
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	121
Tiêu chuẩn 8	122
Mở đầu	122
Tiêu chí 8.1	123
Tiêu chí 8.2	126
Tiêu chí 8.3	129
Tiêu chí 8.4	132
Tiêu chí 8.5	135
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	137
Tiêu chuẩn 9	138
Mở đầu	138
Tiêu chí 9.1	139
Tiêu chí 9.2	143
Tiêu chí 9.3	147
Tiêu chí 9.4	150
Tiêu chí 9.5	154
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	159
Tiêu chuẩn 10	160
Mở đầu	160
Tiêu chí 10.1	161
Tiêu chí 10.2	164
Tiêu chí 10.3	166

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 10.4	169
Tiêu chí 10.5	172
Tiêu chí 10.6	175
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	176
Tiêu chuẩn 11	177
Mở đầu	178
Tiêu chí 11.1	178
Tiêu chí 11.2	182
Tiêu chí 11.3	185
Tiêu chí 11.4	189
Tiêu chí 11.5	193
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	197
Phần III. KẾT LUẬN	198
1. Tóm tắt những điểm mạnh	198
2. Tóm tắt những điểm tồn tại	203
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến	205
4. Tổng hợp kết quả TĐG	211
Phần IV. PHỤ LỤC	212

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Ý nghĩa thay thế
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	BLQ	Bên liên quan
3	CBGVNV	Cán bộ, giảng viên, nhân viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CDR	Chuẩn đầu ra
6	CLB	Câu lạc bộ
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CSVČ	Cơ sở vật chất
9	CTDH	Chương trình dạy học
10	CTĐT	Chương trình đào tạo
11	CVHT	Cổ vấn học tập
12	ĐCCT	Đề cương chi tiết
13	ĐH	Đại học
14	GDDH	Giáo dục đại học
15	GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
16	GTCL	Giá trị cốt lõi
17	GV	Giảng viên
18	HĐT	Hội đồng trường
19	HĐKH-ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo
20	HP	Học phần
21	HSV	Hội sinh viên
22	HV	Học viên
23	KHCL	Kế hoạch chiến lược
24	KTX	Ký túc xá
25	MTCL	Mục tiêu chất lượng
26	NCKH	Nghiên cứu khoa học
27	NCS	Nghiên cứu sinh
28	NNL	Nguồn nhân lực
29	NV	Nhân viên
30	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
31	P. CTCTSV&HTDN	Phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp
32	PGS, GS	Phó giáo sư, Giáo sư
33	P.KH-TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính
34	P. KT-ĐBCL-TT&PC	Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế
35	PPDH	Phương pháp dạy học

STT	Ký hiệu viết tắt	Ý nghĩa thay thế
36	P. QLKH&HTQT	Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế
37	P. QLSDH	Phòng Quản lý sau đại học
38	P. TC-HC	Phòng Tổ chức - Hành chính
39	PVCD	Phục vụ cộng đồng
40	P. QLĐT	Quản lý đào tạo
41	ThS	Thạc sĩ
42	TKB	Thời khoá biểu
43	LKT	Luật Kinh tế
44	TĐG	Tự đánh giá
45	THPT	Trung học phổ thông
46	TTTT&QTM	Thông tin truyền thông và quản trị mạng
47	SV	Sinh viên
48	UPT	University of Phan Thiết – Tên giao dịch viết tắt của Trường Đại học Phan Thiết

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT

Khoa LKT tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT thạc sĩ ngành Luật Kinh tế theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT. Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT thạc sĩ ngành Luật Kinh tế thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Cục quản lý chất lượng về tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT là công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT thạc sĩ ngành Luật Kinh tế bao gồm 04 phần.

Phần I. Khái quát: Là phần tóm tắt cấu trúc, nội dung chính của báo cáo tự đánh giá, mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ đánh giá và mô tả ngắn gọn về UPT và Khoa Luật Kinh tế.

Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Gồm 50 tiêu chí/11 tiêu chuẩn theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT. Mỗi tiêu chuẩn được trình bày đầy đủ theo cấu trúc nội dung như sau:

Tiêu chuẩn...

Mở đầu:...

Tiêu chí.....: Mỗi tiêu chí được trình bày theo 5 nội dung:

1. *Mô tả hiện trạng:...*

2. *Điểm mạnh:...*

3. *Điểm tồn tại:...*

4. *Kế hoạch hành động:...*

5. *Tự đánh giá:...*

Kết luận về tiêu chuẩn

Phần III. Kết luận: Là phần tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại, kế hoạch hành động cải tiến chất lượng CTĐT, tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

Phần IV. Phụ lục: Gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng của CTĐT, Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Kế hoạch TĐG, Danh mục minh chứng.

Báo cáo TĐG CTĐT thạc sĩ ngành LKT có Danh mục minh chứng đi kèm, được để riêng ở một phụ lục. Trong Danh mục minh chứng, các tiêu chí/ tiêu chuẩn đều có một hệ thống minh chứng đi kèm. Cách mã hóa thông tin, minh chứng trong Báo cáo tự đánh giá CTĐT thạc sĩ ngành LKT như sau:

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi gồm 11 ký tự: theo công thức sau: ***Hn.ab.cd.ef***. Trong đó:

H: viết tắt của “Hộp minh chứng”

n: số thứ tự của Hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 của các tiêu chuẩn viết 01).

ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí gồm 2 chữ số.

Ví dụ: **[H1.01.01.02]** - Minh chứng thứ 02 của tiêu chí 1, thuộc tiêu chuẩn 1, ở hộp 1.

Trong file Danh mục minh chứng của Báo cáo TĐG CTĐT thạc sĩ ngành LKT có đính kèm đường link Hồ sơ minh chứng online thạc sĩ ngành LKT. Trong đó, mỗi tiêu chuẩn được tổ chức thành một tệp, bên trong tệp Tiêu chuẩn có các tệp Tiêu chí, trong mỗi tệp Tiêu chí có các tệp hoặc file minh chứng riêng, được đặt tên theo đúng Mã minh chứng trong Danh mục minh chứng.

b) Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

- Mục đích tự đánh giá

Giúp Khoa LKT tự xem xét, nghiên cứu các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GDĐT ban hành, tự rà soát mọi hoạt động, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện CTĐT, các yếu tố tác động đến chất lượng đào tạo thạc sĩ ngành LKT của Khoa. Trong quá trình tự xem xét, đánh giá, Khoa nhận định được những điểm mạnh và phát hiện được điểm tồn tại, từ đó đưa ra kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT thạc sĩ ngành LKT, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan. Đây cũng là cơ sở để Khoa đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng

CTĐT thạc sĩ ngành LKT. Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ đối với Nhà trường, với xã hội và các bên liên quan.

- Quy trình tự đánh giá CTĐT

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau:

- + Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- + Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- + Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- + Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;
- + Bước 5: Công bố nội bộ dự thảo BCTĐG và tiếp tục hoàn thiện BCTĐG;
- + Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá như: Lưu trữ và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động cải tiến chất lượng trong Báo cáo tự đánh giá; Báo cáo Cục QLCL - Bộ GDĐT;

Và tiếp tục đăng ký đánh giá ngoài để kiểm định chất lượng CTĐT theo chỉ đạo của lãnh đạo Trường.

- Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 và theo hướng dẫn của công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019; các tài liệu quy định và hướng dẫn khác như Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng và công văn 774 /QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

- Phương pháp và quá trình tổ chức triển khai tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành LKT được thành lập gồm có 11 thành viên (*gồm đại diện BGH, lãnh đạo và giảng viên Khoa LKT, đại diện các phòng ban, đoàn thể và đại diện học viên ngành Luật Kinh tế*). Giúp việc cho Hội đồng TĐG

là Ban thư ký gồm 14 thành viên (gồm GVCBNV của Khoa LKT, một số CBNV Phòng QLSDH, Phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Thư viện, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng QLKH&HTQT,...) được tổ chức thành 4 nhóm chuyên trách tham gia chính vào quá trình viết báo cáo TĐG. Báo cáo TĐG các phiên bản luôn được thông qua ý kiến của Hội đồng TĐG, các bên liên quan trong Trường, phiên bản cuối được công khai đến các bên liên quan, người học của Trường góp ý.

+ Nhóm 1: phụ trách các tiêu chuẩn 1, 2, 3 (về mục tiêu, CĐR, bản mô tả, cấu trúc và nội dung CTĐT) do TS. Phạm Ngọc Thắng – Trưởng khoa LKT làm Trưởng nhóm; có sự tham gia của Phó trưởng phòng QLSDH;

+ Nhóm 2: phụ trách các tiêu chuẩn 4, 5, 10 (về phương pháp tiếp cận trong dạy và học, đánh giá KQHT của người học, nâng cao chất lượng) do NCS, ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng – Phó Trưởng khoa LKT làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng QLSDH, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC;

+ Nhóm 3: phụ trách các tiêu chuẩn 6, 7 (Đội ngũ GV, nghiên cứu viên, đội ngũ nhân viên, CSVC và trang thiết bị) do NCS, ThS. Phạm Thị Hồng Tâm – Phó trưởng bộ môn khoa LKT làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Phòng QLKH&HTQT;

+ Nhóm 4: phụ trách các tiêu chuẩn 8, 9, 11 (Người học và hoạt động hỗ trợ người học, kết quả đầu ra) do ThS. Võ Mỹ Duyên – Phó Trưởng phòng làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên QLSDH, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC; Thư viện;

Khoa LKT đã lập kế hoạch chi tiết để tổ chức đánh giá CTĐT thạc sĩ ngành Luật Kinh tế, tiến hành họp toàn Khoa và các thành viên các nhóm chuyên trách để phổ biến kế hoạch và phân công công việc cụ thể như: Phân công thư ký phụ trách đầu mối tập hợp tình hình thực hiện của các nhóm, mỗi nhóm phân công cá nhân phụ trách chính mỗi tiêu chuẩn; Phân tích tìm hiểu tiêu chí; các thành viên hỗ trợ thu thập minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn; sau đó Lãnh đạo Khoa rà soát lại và viết dự thảo báo cáo tổng hợp để Hội đồng tự đánh giá có ý kiến và phê duyệt dự thảo báo cáo và triển khai các bước tiếp theo. Quá trình tự đánh giá CTĐT thạc sĩ ngành Luật Kinh tế được thực hiện từ tháng 02/2025 đến tháng 7/2025. Báo cáo sẽ tiếp tục được cập nhật, bổ sung sau khi thẩm định để đăng ký đánh giá ngoài CTĐT thạc sĩ ngành Luật

Kinh tế.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Phan Thiết (UPT)

Trường Đại học Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ và được giao nhiệm vụ đào tạo đa ngành và đa trình độ nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trí tuệ, bản lĩnh, sáng tạo cho vùng Nam trung bộ nói riêng và cả nước nói chung. Trường Đại học Phan Thiết (tên tiếng Anh là University of Phan Thiet, tên giao dịch viết tắt là UPT) là trường đại học duy nhất hiện nay của tỉnh Bình Thuận, có diện tích đất hiện nay là 119.875,9 m², tại khu phố 5, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Website: <http://www.upt.edu.vn>.

Sứ mạng:

Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước. Xúc tiến các hoạt động xã hội PVCD trong tỉnh Bình Thuận và cả nước.

Tầm nhìn:

UPT phấn đấu đến năm 2030 trở thành đại học có uy tín, chất lượng và sáng tạo; được kiểm định chất lượng quốc gia và khu vực; có mạng lưới quan hệ hợp tác rộng rãi, đa ngành trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

Giá trị cốt lõi của Trường là: "Nhân văn – Hội nhập – Phát triển bền vững".

Mục tiêu:

Trường xác định mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp với triết lý giáo dục “Thực học - Thực nghiệp - Học suốt đời để làm việc suốt đời”, đa dạng các lĩnh vực đào tạo. Mục tiêu giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến 2040 của Trường với các nội dung chính là: Đẩy mạnh công tác tuyển sinh và đào tạo, mở thêm đa dạng các ngành

học mới hệ đại học và thạc sĩ, phấn đấu mở được ngành đào tạo tiến sĩ; tăng quy mô đào tạo; kết hợp phương thức đào tạo Elearning; Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học (NCKH) trong GV và SV: 100% GV cơ hữu tham gia NCKH, đảm bảo mỗi GV có ít nhất 2 bài báo trong 1 năm học, các sản phẩm về KHCN có khả năng ứng dụng và triển khai, có hiệu quả về mặt kinh tế-xã hội, xây dựng và phát triển tạp chí khoa học của Trường; Có các đối tác hợp tác lâu dài ở địa phương, trong và ngoài nước; Xây dựng và phát triển được đội ngũ CBGVNV có năng lực và trình độ cao; Có hệ thống CSVC, kỹ thuật đồng bộ và hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH; Các nguồn lực tài chính được phát triển trên cơ sở tự chủ tài chính, đảm bảo để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra.

Sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, UPT hiện nay đang có 9 Khoa chuyên môn, tổ chức đào tạo tổng cộng 15 ngành ở trình độ đại học gồm đa dạng các lĩnh vực như: Nhân văn, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Máy tính và công nghệ thông tin, Kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Sức khỏe, Du lịch, khách sạn; và 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Luật kinh tế; Quy mô đào tạo là tính đến 25/6/2025 là 2217 SV và 91 HV; Đội ngũ GV cơ hữu có 195 người, trong đó có 6,1% GS, PGS, 23,03% TS, 63,03% ThS, 7,84% ĐH; Đã xuất bản được Tạp chí khoa học UPT; đã phát triển được các đối tác hợp tác quốc tế; có mạng lưới hợp tác hơn 100 doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động; Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp đạt trên 93%, tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với SV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị đạt trên 85%.

Các chính sách và hoạt động bảo đảm chất lượng

UPT cam kết kiểm soát chặt chẽ hệ thống ĐBCL bên trong, thường xuyên rà soát và cải tiến mọi mặt hoạt động nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt và ngày càng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan, cụ thể:

- Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý và cán bộ hành chính có đủ số lượng, trình độ, phẩm chất và năng lực theo quy định của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội: Hằng năm, Phòng TC-HC hướng dẫn các đơn vị làm báo cáo rà soát, đánh giá tình hình và nhu cầu về tuyển dụng và bồi dưỡng đào tạo nhân sự. Nhà Trường vẫn đang tăng cường tuyển dụng

và tạo điều kiện để CBGVNV tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước;

- Đào tạo đáp ứng CDR theo Quy định của Bộ GDĐT, của Nhà trường và yêu cầu của các bên liên quan, nhất là Nhà tuyển dụng: Nhà trường định kỳ rà soát, cập nhật yêu cầu của nhà tuyển dụng và cập nhật các quy định của Bộ GDĐT để xây dựng các CDR và nội dung các CTĐT theo hướng tăng thực hành, thực tế và ngày càng đáp ứng hơn yêu cầu của các bên liên quan; Nhà trường tổ chức cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/1 lần vào năm 2022, 2024 một cách hệ thống. CTĐT từ khóa 2019 rút ngắn thời gian đào tạo còn 3,5 năm. Bộ CTĐT từ năm 2022 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 được Nhà trường xây dựng phù hợp với Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài. CTĐT 2024 tiếp tục được cập nhật, chỉnh sửa định kỳ, áp dụng cho khóa 2024-2028 cho phù hợp với nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội và của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động và người học.

- Lấy người học làm trung tâm, luôn luôn quan tâm và tạo môi trường thuận lợi để người học tự do phát triển năng lực sáng tạo của mình: Trường tổ chức Hội nghị dạy tốt – Học tốt định kỳ hằng năm cho GV và SV; GV thường xuyên cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực chuyên môn và các kỹ năng của người học;

- Đầu tư đảm bảo CSVC, tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy – học và quản lý đào tạo hướng đến tiếp cận và thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0, tiếp cận với giáo dục khu vực và thế giới;

- Đẩy mạnh các hoạt động NCKH, PVCD trong SV và GV, trong đó GV là lực lượng nòng cốt: Nhà trường đang tích cực đẩy mạnh hoạt động NCKH như tăng cường kinh phí, cải tiến quy định về hoạt động NCKH cho GV và SV, với những chỉ tiêu cụ thể được giao, đồng thời có cơ chế giám sát và thúc đẩy, khuyến khích GV, SV tham gia NCKH;

- Tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác là các cơ sở giáo dục, tổ chức đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức NCKH trong và ngoài nước;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với hoạt động đào

tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường để không ngừng cải tiến chất lượng;

- Phát triển văn hóa chất lượng, xây dựng ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể, phát huy tiềm năng và sự cống hiến của mọi cá nhân, đơn vị thuộc Trường;

- Thực hiện tự đánh giá và KĐCLGD cấp Trường và cấp CTĐT theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành, theo định kỳ, hướng tới KĐCLGD trong khu vực và quốc tế: UPT đã đạt kiểm định chất lượng CSGD theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành 2 chu kỳ, lần 1 năm 2019 và lần 2 vào ngày 10/01/2025 do Trung tâm KĐCLGD – ĐHQG Hà Nội công nhận; Đã đạt kiểm định chất lượng 8 CTĐT theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2021-2022 (*các CTĐT trình độ đại học Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn, Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh, Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành, Tài chính – Ngân hàng, Luật kinh tế, và CTĐT trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh*) do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

2.2. Giới thiệu về Khoa Luật Kinh tế

Khoa Luật Kinh tế được thành lập vào năm 2015 theo quyết định số 124/QĐ-ĐHPT ngày 19/05/2015 của Chủ tịch HĐQT trường Đại học Phan Thiết. Khoa LKT hiện đang đào tạo 03 ngành là Luật Kinh tế, Luật trình độ đại học và Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ và tiếp tục phát triển các CTĐT. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa tính đến 25/6/2025 có 19 CBGV cơ hữu, trong đó có 1 PGS, 6 Tiến sĩ, 12 ThS. Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về lĩnh vực Luật học, Luật Kinh tế tại TP. HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa.

Khoa LKT thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách như:

- Rà soát, đánh giá và phát triển đội ngũ nhân lực của Khoa hằng năm, đảm bảo đáp ứng số lượng và chất lượng GV giảng dạy các CTĐT và đội ngũ cán bộ quản lý, CVHT hỗ trợ người học; Tạo điều kiện để CBGVNV của Khoa tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ;

- Định kỳ rà soát, cập nhật, phát triển các CTĐT của Khoa quản lý theo kế hoạch chung của Trường; chú trọng tham khảo các yêu cầu của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để xây dựng các CTĐT theo hướng tăng cường thực hành, thực tế, cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực luật, luật kinh tế; 01 CTĐT thạc sĩ Luật Kinh tế của Khoa đã được xây dựng, vận hành từ năm 2022, chưa qua các lần cập nhật CTĐT của Trường. CTĐT từ khóa 2019 rút ngắn thời gian đào tạo còn 3,5 năm. CTĐT từ năm 2024 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2024 được Nhà trường xây dựng theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT;

- Tổ chức các chương trình sinh hoạt học thuật của Khoa, tham gia chương trình Day tốt – Học tốt của Trường, giúp cho GV đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và phát triển năng lực tự học, sáng tạo của người học; cập nhật các phần mềm thực hành mới nhất từ các ngân hàng, doanh nghiệp để giảng dạy cho người học; Thực hiện đánh giá và cải tiến hình thức, phương pháp, đề thi kiểm tra đánh giá hằng năm theo kết quả học tập của người học;

- Cải tiến, biên soạn giáo trình tài liệu giảng dạy phục vụ cho các ngành đào tạo của Khoa, đáp ứng tốt hơn về tài liệu học tập cho người học;

- Khuyến khích các hoạt động NCKH đối với GV và SV trong Khoa. GV phải thực hiện tốt quy định của Trường về tiết nghĩa vụ NCKH và tích tham gia hướng dẫn SV thực hiện NCKH;

- Thực hiện các hoạt động cố vấn học tập, hỗ trợ người học trong suốt khóa học;

- Tăng cường hợp tác với các đơn vị, các doanh nghiệp, ngân hàng trong và ngoài Tỉnh và tổ chức các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập cho người học trong mỗi khóa học và giới thiệu việc làm cho SV;

- Định kỳ thực hiện sinh hoạt Khoa, sinh hoạt cố vấn học tập lấy ý kiến người học, trao đổi với các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức... phối hợp với các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan do Trường tổ chức để không ngừng cải tiến chất lượng CTĐT và các hoạt động của Khoa, nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa đáp ứng sự hài lòng các bên liên quan;

- Thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng các CTĐT của Khoa theo quy định của Bộ GDĐT và của Trường. Khoa đã đạt kiểm định chất lượng 01 CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ đại học theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2022 do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành LKT trình độ thạc sĩ Trường ĐHPT được xây dựng dựa trên sự phù hợp tới tầm nhìn - sứ mệnh của Nhà Trường, các quy định của Luật Giáo dục Đại học, đồng thời, đáp ứng được những kỹ năng - kiến thức cần thiết với nhu cầu hiện tại của xã hội và các BLQ. Để xây dựng mục tiêu và CĐR có hiệu quả cao, việc lên kế hoạch kiểm tra định kỳ, rà soát, điều chỉnh luôn được thực hiện thường xuyên và công bố công khai. Quy trình này là nền tảng giúp cho mục tiêu và CĐR được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT thạc sĩ ngành LKT được đào tạo tại UPT từ năm 2022 [H1.01.01.01]. Đến nay khoa LKT đã xây dựng và triển khai kế hoạch điều chỉnh CTĐT thạc sĩ ngành LKT lần 1 [H1.01.01.02], mục tiêu CTĐT được xây dựng theo hướng bám sát mục tiêu GDĐH quy định trong Luật GDĐH. Căn cứ vào các mục được quy định trong Luật Giáo dục và khung trình độ quốc gia, cùng với các ý kiến/kết quả khảo sát của các bên liên quan [H1.01.01.03] và kết quả đối sánh của các CTĐT từ các cơ sở trong và ngoài nước [H1.01.01.04], CTĐT hướng tới xác định các mục tiêu cụ thể gắn liền với kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi tốt nghiệp chương trình. Bên cạnh đó, CTĐT thạc sĩ LKT được xây dựng nhằm hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược và sứ mệnh của Nhà trường; bám sát và cụ thể hoá giá trị cốt lõi: “Nhân văn – Hội nhập – Phát triển bền

vững” và triết lý giáo dục: “Thực học – Thực nghiệp” của Nhà trường thông qua các mục tiêu của CTĐT [H1.01.01.05]. Để mục tiêu đào tạo bám sát các nhu cầu thị trường việc làm và xu hướng phát triển nghề nghiệp của xã hội, mục tiêu đào tạo được xây dựng trên cơ sở khảo sát nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành nghề mà SV có thể làm sau khi ra trường.

Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ ngành LKT được xác định rõ ràng qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT. Mục tiêu chung ngành thạc sĩ LKT được xác định phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Điều 5 của Luật GDĐH “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*” [H1.01.01.05].

Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; năng động và thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực luật kinh tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc. Mục tiêu này được thể hiện qua cấu trúc của CTĐT [H1.01.01.06].

Trên cơ sở mục tiêu chung của CTĐT, các mục tiêu cụ thể và CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành LKT được thiết kế để từ đó xây dựng các mục tiêu cụ thể và CĐR của các môn học thuộc CTĐT. Mục tiêu cụ thể thể hiện mong muốn của Trường về những nội dung mà CTĐT có thể mang lại cho người học gồm cả kiến thức, kỹ năng, thái độ [H1.01.01.07], được cập nhật theo nhu cầu của xã hội, thể hiện qua nội dung CTĐT qua các thời kỳ.

Mục tiêu cụ thể:

+ *Về kiến thức:*

Có sự hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực Khoa học cơ bản và kiến thức chung về khối ngành kinh tế.

Thạc sĩ LKT được trang bị hệ thống kiến thức và nghiệp vụ pháp lý về các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp nhằm hỗ trợ chủ doanh nghiệp trong công tác: điều hành, lãnh đạo DN; xây dựng và chọn được mô hình quản trị chiến lược, mô hình quản trị nhân sự, mô hình quản trị hiệu quả dự án kinh doanh,...

Về kỹ năng:

HV có khả năng nghiên cứu, phân tích và xử lý có căn cứ khoa học các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động thực tế SXKD của doanh nghiệp; có kỹ năng vận dụng các công cụ thống kê, các kỹ thuật phân tích định lượng vào hoạt động thực tiễn vận dụng pháp lý tại doanh nghiệp.

HV có kỹ năng lãnh đạo, giao tiếp và truyền đạt tri thức thuyết phục dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác trong môi trường đa văn hóa. Có khả năng đảm nhận các vị trí trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội, cơ quan quản lý nhà nước có yêu cầu ngành luật. Đủ trình độ học bậc nghiên cứu viên chuyên ngành LKT và các ngành liên quan tại các trường trong và ngoài nước. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

+ Về thái độ:

HV thích nghi với môi trường luôn thay đổi, tự định hướng và hướng dẫn người khác hoàn thành mục tiêu của tổ chức. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực LKT để tư vấn cho DN thực hiện chiến lược khác biệt, tiên tiến mang lại hiệu quả. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động quản trị hệ thống kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ ngành LKT đã cụ thể hóa tầm nhìn của Nhà trường "Trường Đại học Phan Thiết phấn đấu đến năm 2030 trở thành đại học có uy tín, chất lượng và sáng tạo; được kiểm định chất lượng quốc gia và khu vực; có mạng lưới quan hệ hợp tác rộng rãi, đa ngành trong nước và quốc tế" và Sứ mạng của Đại học Phan Thiết là "đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp,

tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước. Xúc tiến các hoạt động phục vụ cộng đồng trong tỉnh Bình Thuận và cả nước” [\[H1.01.01.08\]](#).

Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ ngành LKT được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như thông qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa để cho HV, cựu HV, GV và các nhà tuyển dụng có thể tiếp cận như trên website Trường/Khoa, trong buổi sinh hoạt công dân đầu khóa học/năm học của Khoa [\[H1.01.01.09\]](#).

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu đào tạo đã được xây dựng rõ ràng gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với các quy định của Luật GDĐH, triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng của Trường. CDR thạc sĩ ngành LKT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

Chưa thực hiện đối sánh sâu các nội dung của CTĐT với các CTĐT trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đối sánh với các CTĐT trong nước và nước ngoài nhằm hoàn thiện CTĐT của ngành đảm bảo tính phát triển bền vững phù hợp với điều kiện hiện có.	Khoa LKT; P.QLSDH	Theo định kỳ cập nhật CTĐT (2026)	
2	Phát huy	Định kỳ, tiến hành rà soát, cập nhật mục tiêu đào tạo phù hợp với các quy định hiện hành, triết lý	Khoa LKT	Theo chu kỳ cập nhật CTĐT	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng của Trường.		(2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng:

CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành LKT được xây dựng phù hợp với sứ mạng tầm nhìn Nhà trường, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và xác định rõ ràng những kiến thức, kỹ năng và những phẩm chất, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà người học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT. Trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT khoa LKT đã tiến hành lấy ý kiến của các BLQ như CBGV, NH, CNH, Khoa LKT cùng phòng QLSDH lấy ý kiến về nhu cầu SDLĐ, xem xét và đưa vào xây dựng CĐR và CTĐT ngành LKT trình độ thạc sĩ theo hướng nâng cao năng lực của NH, đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03].

CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành LKT sau khi được phê duyệt, ban hành được công bố rộng rãi đến rãi tới các CBGV, NH, và NSDLĐ thông qua website của Nhà trường, Phòng QLSDH và Khoa; sổ tay học viên [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06].

CĐR của CTĐT cử nhân ngành Kế toán được mô tả rõ ràng trong CTĐT: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, triển vọng việc làm trong tương lai, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định được mục tiêu trong suốt quá trình giảng dạy và học tập. Các CĐR của CTĐT đều được kiểm soát thông qua ma trận đáp ứng CĐR của từng HP trong CTĐT [H1.01.02.03].

Bảng 1.2.1 Mô tả mối quan hệ giữa các mục tiêu và CĐR của CTĐT

Mục tiêu cụ thể (Goals)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (POs)
Kiến thức G1. Trang bị kiến thức chuyên sâu về luật trong lĩnh vực kinh tế, hướng đến mục tiêu người học có năng lực tư duy pháp lý sâu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu hình thành ý tưởng khoa học, khám phá và thử nghiệm kiến thức, có khả năng phản biện – nhận thức đa chiều để tự tìm ra giải pháp ứng phó trước các vấn đề kinh tế - xã hội trên quan điểm công bằng, tôn trọng pháp luật. G2. Trên cơ sở ứng dụng luật để giải quyết vấn đề thực tiễn về đầu tư, kinh doanh tại doanh nghiệp, trong môi trường cạnh tranh và hội nhập mang tính quốc tế. G3. Có sự hiểu biết về vai trò của pháp luật và luật kinh tế trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời đại số. G4. Có kiến thức chuyên sâu về phương pháp thiết kế nội dung và kiến thức công nghệ thông tin để hỗ trợ các chiến lược của doanh nghiệp thông qua nhiều nền tảng kỹ thuật số.	Kiến thức LO1. Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành LKT như: các nguyên lý cơ bản và học thuyết về Triết học, phương pháp nghiên cứu luật học, nguyên tắc cốt lõi của pháp LKT, triết lý kinh doanh, quyền tự do kinh doanh. LO2. Kiến thức liên ngành có liên quan như luật dân sự, luật hành chính, luật hình sự, luật thương mại quốc tế. LO3. Kiến thức chung về quản trị và quản lý trong các doanh nghiệp. Nắm vững kiến thức để phân tích các sự kiện pháp lý để xây dựng các quy trình vận hành mang tính pháp lý trong những hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp như: Kiến thức về thủ tục thành lập, góp vốn, sáp nhập, chia, tách, hợp nhất doanh nghiệp; Quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, hành vi hạn chế cạnh tranh; giải thể và phá sản doanh nghiệp.
Kỹ năng	Kỹ năng LO4. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về lĩnh vực pháp luật kinh tế để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học như soạn thảo

G5. Người học biết, nắm vững và vận dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản trong hoạt động xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật, xét xử, tư vấn pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng; có phương pháp và kỹ năng phân tích, tranh luận, trình bày các ý kiến, lập luận pháp lý trong môi trường hành nghề pháp luật.

Người học biết cách tương tác, phối hợp trong làm việc nhóm hoặc có khả năng làm việc độc lập khi thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

các hợp đồng, giao dịch, tư vấn pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh tế.

LO5. Kỹ năng truyền đạt tri thức về khoa học pháp lý trong lĩnh vực pháp luật kinh tế dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. Khả năng phát triển ý tưởng nhóm, soạn thảo văn bản, đàm phán, ký kết các hợp đồng, thoả thuận mang tính ràng buộc pháp lý, áp dụng pháp luật trong xét xử, phán quyết Trọng tài và hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng.

LO6. Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến, nhất là kỹ năng phân tích, lập luận, bình luận, lựa chọn các giải pháp đối với vấn đề pháp lý phát sinh; Tham gia phân tích pháp lý, có phê phán, đưa ra quyết định lựa chọn hợp lý trong các giải pháp, suy nghĩ sáng tạo để giải quyết các vấn đề pháp lý, làm việc độc lập, có năng lực khái quát hoá các hành vi ứng xử pháp luật thích hợp.

LO7. Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp, áp dụng công nghệ 4.0 để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thương mại điện tử trong nước và quốc tế; như giao dịch pháp lý trong các Sản giao dịch thương

	mại điện tử, chứng khoán, sàn bất động sản, ứng dụng thương mại điện tử trên các thiết bị di động. LO8. Có năng lực ngoại ngữ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, Kỹ năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong việc tìm kiếm tài liệu bằng tiếng Anh trên mạng, có thể đọc và hiểu được các ý chính một tài liệu tham khảo (văn bản luật, các bài báo, bài luận, hợp đồng viết bằng tiếng Anh), sử dụng tiếng Anh để diễn đạt một số tình huống pháp luật thông thường, có thể viết bài báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến pháp luật.
Thái độ G6. Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ năng lực và trách nhiệm tốt với công việc và nhận diện được vấn đề đạo đức hoặc văn hóa nảy sinh trong mối quan hệ pháp luật. Có tinh thần tự học, và tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo. Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước.	Năng lực tự chủ và trách nhiệm LO9. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật trong lĩnh vực kinh tế. LO10. Khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, cập nhật kiến thức pháp lý mới về kinh tế và khả năng học tập suốt đời.
Đạo đức nghề nghiệp G7. Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.	Năng lực tự chủ và trách nhiệm LO11. Khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

	LO12. Khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu về pháp luật kinh tế.
Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp Người tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành đào tạo luật theo định hướng ứng dụng có thể tham gia thực hiện công việc chuyên môn ở các vị trí: - Các chức danh tư pháp (luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên, công chức viên, chấp hành viên, thừa phát lại...) - Hành nghề tư vấn pháp luật. - Công tác pháp luật tại các cơ quan nhà nước như Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp.	Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp Người tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành đào tạo luật theo định hướng ứng dụng có thể tham gia thực hiện công việc chuyên môn ở các vị trí: - Công tác pháp chế tại các Bộ, ngành. - Luật sư nội bộ, cố vấn pháp lý, chuyên viên pháp lý tại các doanh nghiệp; tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp.

CĐR của CTĐT được cụ thể hóa thành CĐR của từng học phần trong CTĐT, tăng tính khả thi của các CĐR của CTĐT cũng như lý giải được giá trị của mỗi CĐR. Các CĐR này cũng được tổ chức dưới dạng các nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp vào việc thực hiện CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận kỹ năng trong CTĐT [\[H1.01.02.03\]](#), [\[H1.01.02.07\]](#).

2. Điểm mạnh:

CĐR thạc sĩ ngành Luật Kinh tế được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

CĐR chưa phản ánh kịp thời, đầy đủ các yêu cầu từ các nhà tuyển dụng do chưa khảo sát được tất cả các nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện công cụ khảo sát về CĐR của CTĐT để tiến hành khảo sát định kỳ với quy mô toàn diện hơn khi thực hiện rà soát điều chỉnh CĐR.	Khoa LKT, P.KT-ĐBCL-TT&PC	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ thực hiện rà soát CĐR của CTĐT bám sát các yêu cầu của khung trình độ quốc gia, các ý kiến đóng góp của các BLQ.	Khoa LKT; P. QLSDH	Định kỳ 2 năm 1 lần (2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng:

Khi xây dựng CĐR và CTĐT, Khoa LKT thực hiện theo đúng các bước của Quy trình xây dựng CĐR và CTĐT. Nhằm đảm bảo CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của Nhà trường và các BLQ, Khoa LKT tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ, đặc biệt là nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành LKT qua 2 giai đoạn: (1) khảo sát khi xây dựng CĐR, CTĐT và (2) khảo sát khi CTĐT đang triển khai áp dụng để cập nhật, cải tiến [H1.01.03.01], [H1.01.03.02].

Trên cơ sở đó, Ban xây dựng CĐR, Khoa LKT và Phòng QLSDH đã tiếp thu ý kiến của các BLQ và kịp thời điều chỉnh CTĐT. CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm đạt được sau quá trình đào tạo. Dựa trên CĐR đã nêu, CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT hoàn toàn có đủ điều kiện trang bị cho người học những năng lực được xã hội và các BLQ mong đợi về một thạc sĩ chuyên ngành LKT.

Khi xây dựng CĐR và CTĐT, Khoa tiến hành khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực trình độ thạc sĩ theo ngành đào tạo (*Quy hoạch phát triển nhân lực tại Phan Thiết, Kế*

hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHPT). Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa LKT và Phòng QLSDH đã tiến hành khảo sát và thu thập ý kiến của HV, cựu HV, NTD về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục hệ thống CDR, cấu trúc CTĐT được dự kiến bởi các Nhà khoa học, các chuyên gia nổi tiếng đầu ngành lĩnh vực LKT. CDR được kết cấu dựa trên quá trình hệ thống hoá quan điểm của các bên liên quan sau khi khảo sát nhằm đưa ra một bảng danh mục CDR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như tính chất chuyên môn của lĩnh vực pháp luật trong kinh tế. CDR được kết cấu dựa trên quá trình hệ thống hoá quan điểm của các bên liên quan sau khi khảo sát nhằm đưa ra một bảng danh mục CDR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như tính chất chuyên môn của lĩnh vực pháp lý, luật kinh tế. Việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng được Khoa triển khai bằng nhiều hình thức như: phỏng vấn nhà tuyển dụng, phát phiếu khảo sát thông qua các ngày hội việc làm, qua các đợt liên hệ cho HV đi kiến tập, thực tập, ... Ngoài ra còn một số ý kiến đóng góp như: có kỹ năng thuyết trình các mảng công việc tài chính; có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực Kế toán, có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau,... Đây là những ý kiến được Khoa tham khảo để điều chỉnh CDR trong các CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng, tăng cơ hội việc làm cho SV tốt nghiệp **[H1.01.03.02]**, **[H1.01.03.03]**, **[H1.01.03.04]**.

Việc rà soát, điều chỉnh CDR và nâng cao chất lượng CTĐT thạc sĩ ngành LKT được thực hiện định kỳ thông qua việc lấy ý kiến của các BLQ, sau đó họp HĐKH của Khoa đề xuất điều chỉnh cho HĐKH-ĐT Trường để có những hiệu chỉnh phù hợp **[H1.01.03.05]** theo quy định 2 năm 1 lần. Nhà trường và khoa LKT đã xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT thạc sĩ ngành LKT năm 2025 **[H1.01.03.07]**.

Ngoài ra, trong mỗi học kỳ, Khoa LKT đều lấy ý kiến đánh giá của người học đối với việc giảng dạy theo mẫu chung của Nhà trường. Kết quả thu được cho thấy phần lớn đều vượt mức điểm trung bình của Nhà trường. Các ý kiến của người học về CTĐT, nội dung và PPGD của các học phần sau khi kết thúc khóa học hoặc học phần là cơ sở quan trọng để Khoa LKT có những điều chỉnh về nội dung và PPGD nhằm tăng sự tương thích giữa CDR của mỗi học phần với kỳ vọng của người học.

Theo kết quả điều tra gần đây nhất, các NTD trả lời là hài lòng với chất lượng đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT [H1.01.03.05]. Các NTD đều bày tỏ ý kiến đồng tình cao đối với những tiêu chí về kỹ năng nghề nghiệp của CTĐT đưa ra. CTĐT được xây dựng hướng đến mục tiêu đào tạo NNL có trình độ cao, không chỉ có kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo mà còn được trang bị các kỹ năng thực hành theo yêu cầu của xã hội. CTĐT được thiết kế hướng đến CDR về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm phù hợp, qua đó đáp ứng được mục tiêu đào tạo chung của Trường ĐHTP và những yêu cầu đặt ra của TTLĐ. Căn cứ trên nhu cầu của xã hội và các BLQ, chương trình trọng tâm không chỉ đào tạo các kiến thức lý thuyết về ngành LKT mà còn tập trung rèn luyện cho NH các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng hỗ trợ thiết yếu cho NH. Tuy nhiên dù đã tiếp cận, nhưng CDR vẫn chưa bắt kịp hoàn toàn với xu hướng đào tạo tiên tiến nhất theo định hướng chuyên ngành.

CDR và CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT sau khi điều chỉnh đã được hội đồng chuyên môn cấp Khoa, cấp Trường thông qua, nghiệm thu và được Trường phê chuẩn, ra quyết định thực hiện và được công bố công khai trên Website của Trường, của Khoa LKT, của Phòng SĐH [H1.01.03.06].

2. Điểm mạnh:

CDR của CTĐT thạc sĩ ngành LKT được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện định kỳ theo quy định của Trường, trong đó có tiếp thu các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, cựu HV, các chuyên gia, và có tham khảo, đối sánh với các CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực của ngành Kế toán.

CDR của CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT được phổ biến rộng rãi chủ yếu thông qua website chung của Nhà trường và website của Khoa, P.QLSĐH.

3. Điểm tồn tại:

CDR của CTĐT LKT trình độ thạc sĩ mặc dù đã tiếp cận, nhưng vẫn chưa bắt kịp hoàn toàn với xu hướng đào tạo tiên tiến nhất theo định hướng chuyên ngành. Việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ trong quá trình xây dựng CDR vẫn còn hạn chế về số lượng, nội dung khảo sát và hình thức tiếp cận.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa LKT tiếp tục hoàn thiện công tác nghiên cứu nhu cầu của thị trường lao động, lấy ý kiến của các BLQ khi thiết kế CTĐT để đảm bảo cho CTĐT của Khoa đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.	K.LKT; P.CTCTSV &QHDN	Từ năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ thực hiện rà soát CDR của CTĐT bám sát các yêu cầu của khung trình độ quốc gia, các ý kiến đóng góp của các BLQ. Truyền thông đến các bên liên quan về nội dung của CDR.	K.LKT; P. QLSDH; Ban TTTT &QTM	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu CTĐT thạc sĩ ngành LKT xác định rõ ràng theo hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực luật kinh tế; được xây dựng phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của GDDH.

CTĐT thạc sĩ ngành LKT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện định kỳ theo quy định của Trường, trong đó có tiếp thu các ý kiến phản hồi các BLQ và có tham khảo, đối sánh với các CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực của thạc sĩ ngành LKT.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

CDR chưa phản ánh kịp thời, đầy đủ các yêu cầu từ các nhà tuyển dụng do sự tham

gia của cựu người học và các nhà tuyển dụng trong việc xây dựng CĐR còn hạn chế. Khoa LKT đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng hiệu quả còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu:

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành LKT được xây dựng theo quy định, gồm hai phần chính: Mô tả CTĐT và Mô tả chương trình giảng dạy, cung cấp thông tin đầy đủ từ mục tiêu đến phương pháp đánh giá. Đồng thời, Nhà trường và Khoa cũng đã triển khai kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT thạc sĩ ngành LKT định kỳ 2 năm 1 lần vào năm 2025 theo quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT và của Trường, phù hợp với mục tiêu chiến lược của Trường/ Khoa. Bản mô tả CTĐT xây dựng dựa trên nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực của xã hội và công bố công khai, giúp các BLQ dễ tiếp cận. Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành LKT là tài liệu cung cấp các thông tin về cơ sở đào tạo; CTĐT; mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo; cơ sở pháp lý và thực tiễn về chương trình; mục tiêu; CĐR; điều kiện tốt nghiệp; vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp; cấu trúc chương trình; nội dung; kế hoạch giảng dạy; ma trận thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần; các ĐCHP cũng như các thông tin chi tiết về PPDH, phương pháp KTĐG của từng học phần cụ thể. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được cập nhật thường xuyên và công bố công khai cho các BLQ qua Website Trường, Khoa.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ theo Kế hoạch số 125/KH-ĐHPT ngày 17/02/2025 của Trường ĐHPT về việc điều chỉnh chương trình đào tạo ngành LKT trình độ thạc sĩ [H2.02.01.01]; Căn cứ vào biên bản tập huấn v/v rà soát, xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của Trường ĐHPT; báo cáo kết quả đối sánh [H2.02.01.02], Khoa LKT đã thiết

kế bản mô tả CTĐT đầy đủ nội dung, bao hàm đầy đủ thông tin và luôn được cập nhật và điều chỉnh theo quy chế đào tạo của Bộ GDĐT [H2.02.01.03].

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành LKT có đầy đủ nội dung và thông tin gồm: tên cơ sở đào tạo; tên CTĐT; mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo; cơ sở pháp lý và thực tiễn của CTĐT; mục tiêu và CĐR; đối tượng tuyển sinh; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; cấu trúc của CTĐT; phương pháp giảng dạy và học tập; tiến trình đào tạo; quy trình đào tạo; điều kiện tốt nghiệp; nội dung chương trình; số lượng tín chỉ từng học phần và toàn bộ CTĐT; mô tả chi tiết các học phần có trong CTĐT năm 2022 [H2.02.01.04]; ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của chương trình [H2.02.01.05].

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh 2 năm một lần, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực luật kinh tế. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính chất thực hành của các kiến thức được đào tạo [H2.02.01.04].

CTĐT thạc sĩ ngành LKT và các ĐCHP được công bố rộng rãi cho các HV, GV, nhà tuyển dụng và các đối tượng có quan tâm thông qua Website của Trường [H2.02.01.06] và của Phòng SĐH [H2.02.01.07]. Các nội dung của bản mô tả CTĐT gồm: Tên chương trình tiếng Việt; Tên chương trình tiếng Anh; Trình độ đào tạo; Ngành đào tạo tiếng Việt; Ngành đào tạo tiếng Anh; Mã ngành; Thời gian đào tạo; Loại hình đào tạo; Số tín chỉ; Văn bằng tốt nghiệp; Ngôn ngữ giảng dạy; Mục tiêu đào tạo; Chuẩn đầu ra... [H2.02.01.04].

Ban xây dựng chương trình của Khoa phối hợp cùng Phòng QLSDH tổ chức xin ý kiến góp ý của các chuyên gia (gồm GV đang trực tiếp giảng dạy, cán bộ quản lý, các chuyên gia thuộc lĩnh vực ngành đang xây dựng đến từ các Doanh nghiệp, ...) về dự thảo CTĐT, CĐR và ĐCHP. Sau đó, chỉnh sửa và tổng hợp lại nội dung dự thảo để đáp ứng được những góp ý từ các bên liên quan [H2.02.01.08], [H2.02.01.09].

Để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của các bên liên quan về thông tin trong bản mô tả CTĐT, Khoa LKT cũng đã triển khai kế hoạch rà soát, cập nhật và chỉnh sửa bản mô tả CTĐT vào 2025. Phòng QLSDH phối hợp với Trưởng Khoa thường xuyên tổ chức họp về việc rà soát CTĐT, CĐR nhằm phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và xu

hướng phát triển của thế giới để có kế hoạch xây dựng, điều chỉnh bản mô tả CTĐT mới cập nhật [H2.02.01.10]. Sau đó, báo cáo kết quả về việc rà soát CTĐT [H2.02.01.11] và trình lên HĐKH Trường xem xét, đánh giá góp ý cho Khoa chỉnh sửa nếu có và quyết định ban hành điều chỉnh CTĐT [H2.02.01.12], [H2.02.01.13]. Mục đích của việc này nhằm đem đến cho NH một CTĐT chất lượng cao, có tính ứng dụng thực tế, và đáp ứng đúng nhu cầu nhân lực của xã hội trong thời điểm hiện tại.

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành LKT bố cục rõ ràng, đầy đủ thông tin, và thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CDR rất rõ ràng. Bản mô tả CTĐT luôn được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo định kỳ đáp ứng tốt nhất nhu cầu NH và xu hướng phát triển của xã hội.

3. Điểm tồn tại:

Quá trình cập nhật điều chỉnh thông tin trong bản mô tả CTĐT được triển khai một cách khoa học, tuy nhiên tiến trình đào tạo được mô tả trong bảng mô tả CTĐT chưa được linh động, vì vậy chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của NH.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các học phần thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành, đặc biệt là chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo hướng hỗ trợ thời gian nhiều hơn cho người học có thể học vượt, học sớm theo nhu cầu.	P. QLSĐH; K.LKT	Định kỳ	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ, tiếp tục cập nhật thông tin của ngành vào bản mô tả CTĐT nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của các BLQ.	K.LKT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

ĐCCT học phần là tài liệu do GV biên soạn và được phê duyệt ban hành để cung cấp cho NH các thông tin về học phần và được triển khai đến từng HV vào buổi học đầu tiên của học phần. Toàn bộ ĐCCT của các học phần trong CTĐT thạc sĩ ngành LKT thể hiện đầy đủ các thông tin sau: (1) tên học phần; (2) mã học phần; (3) trình độ đào tạo; (4) số tín chỉ; (5) đơn vị quản lý học phần; (6) danh sách dự kiến giảng viên giảng dạy; (7) mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra của học phần; (8) mô tả tóm tắt nội dung học phần; (9) nội dung chi tiết học phần – kế hoạch giảng dạy dự kiến; (10) phương pháp đánh giá; (11) danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Trong nội dung chi tiết học phần, ứng với từng chương, mục; có ghi rõ số tiết lý thuyết, số tiết thực hành, tài liệu học tập chính, tài liệu tham khảo của học phần, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp đánh giá bao gồm điểm đánh giá quá trình [H2.02.02.01].

Toàn bộ ĐCCT các học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung theo kế hoạch chung của Nhà trường [H2.02.02.02]. Việc cập nhật ĐCCT học phần ngành LKT trình độ thạc sĩ được tiến hành thường xuyên, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, chuẩn đầu ra, danh mục tài liệu học tập [H2.02.02.03], [H2.02.02.04]. Để kịp thời chuẩn bị cho năm học mới, tất cả GV trong Khoa đều phải thực hiện rà soát, cập nhật bổ sung nội dung học tập, đề cương và giáo trình căn cứ trên ý kiến của người sử dụng lao động trong các đợt khảo sát, hội thảo, gặp gỡ trao đổi; các ý kiến đóng góp của cựu HV, HV năm cuối và các nhân viên, GV trong Khoa LKT; các thông tin cập nhật từ các cơ quan liên quan. Từ đó, Hội đồng khoa học Khoa tổ chức rà soát, đánh giá,

lựa chọn những nội dung cập nhật phù hợp nhất trình BGH phê duyệt và công bố đến toàn thể HV và các cá nhân/ tổ chức có nhu cầu tìm hiểu qua kênh thông tin điện tử của Khoa [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], [H2.02.02.07].

Toàn bộ ĐCHP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung theo kế hoạch chung của Nhà trường. Việc cập nhật ĐCHP được tiến hành thường xuyên, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu học tập. Để kịp thời chuẩn bị cho năm học mới, tất cả GV trong Khoa đều phải thực hiện rà soát, cập nhật bổ sung nội dung học tập, đề cương và giáo trình căn cứ trên ý kiến của người sử dụng lao động trong các đợt khảo sát, hội thảo, gặp gỡ trao đổi; các ý kiến đóng góp của cựu HV; HV năm cuối; nhân viên, GV trong Khoa; các thông tin cập nhật từ các cơ quan liên quan. Từ đó, HĐKH Khoa tổ chức rà soát, đánh giá, lựa chọn những nội dung cập nhật phù hợp nhất trình BGH phê duyệt và công bố đến toàn thể SV và các cá nhân/tổ chức có nhu cầu tìm hiểu qua kênh thông tin điện tử của Khoa [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05].

Việc cập nhật ĐCCT giúp việc giảng dạy và học tập được hiệu quả hơn, đặc biệt giúp người học cập nhật các kiến thức mới, phù hợp với thời đại với yêu cầu của thị trường lao động, giúp HV thích ứng nhanh với công việc và làm việc hiệu quả hơn khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh:

Đề cương của các học phần được chuẩn hóa, liên tục được cập nhật và điều chỉnh theo quy định của trường và cung cấp đầy đủ thông tin cho người học và các bên liên quan, đáp ứng tốt yêu cầu của người học và các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại:

Các ý kiến đóng góp của Nhà tuyển dụng và cựu HV cho việc cải tiến cập nhật chỉ mới tập trung cho CTĐT và CĐR, việc góp ý cho cải tiến, cập nhật ĐCCT học phần còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng thêm các kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp từ các Nhà tuyển dụng về ĐCCT học phần để cập nhật, hiệu chỉnh ĐCCT học phần ngày càng hiệu quả hơn.	P.QLSDH Khoa LKT	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến viết đề cương học phần giảng dạy cả về nội dung lẫn hình thức nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan	Phòng SDH; Khoa LKT	Định kỳ (2025)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng:

Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT được Nhà trường phê duyệt [H2.02.03.01], [H2.02.03.02] đồng thời được công bố công khai qua nhiều hình thức phong phú khác nhau và rất dễ tiếp cận như Website Nhà trường [H2.02.03.03], Website Phòng QLSDH [H2.02.03.04]. Các bên liên quan: cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, HV, cựu HV đều có thể dễ dàng tiếp cận tất cả các bản mô tả CTĐT một cách thuận tiện thông qua kênh thông tin của Trường và Phòng QLSDH. Ngoài ra, trong các buổi sinh hoạt đầu khóa, buổi học đầu tiên, GV luôn chú trọng triển khai ĐCCT các học phần và sự quan trọng của học phần.

Đối với HV, Trường /Khoa đã tận dụng các kênh thông tin khác nhau để đảm bảo HV luôn tiếp cận được với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần; giúp HV có được cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, tiếp cận và nắm được CDR của thạc sĩ ngành LKT. Ngay từ buổi học đầu tiên, tất cả GV phải phổ biến ĐCCT học phần đến HV trong lớp

học. Mặt khác, trong suốt quá trình học, CTĐT và ĐCCT các học phần được công bố công khai, rõ ràng và đầy đủ thông qua GV đảm nhận giảng dạy học phần cung cấp và từ Phòng QLSDH, qua đó HV luôn được hướng dẫn và tiếp cận đầy đủ thông tin, giúp cho HV nắm được các học phần trong học kỳ tới.

Đối với GV, Phòng QLSDH đã sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần đã ban hành để gửi đến từng GV, giúp GV chuẩn bị kế hoạch giảng dạy cũng như nắm được nội dung giảng dạy của các bộ môn khác để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các học phần, giữa các năm học **[H2.02.03.05]**.

Đối với các bên liên quan khác, bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần được phản biện bởi các chuyên gia trong và ngoài trường, được thông qua hội đồng khoa học của Khoa. Vì vậy, CTĐT đi kèm bản mô tả chương trình và các ĐCCT học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu HV, HV năm cuối **[H2.02.03.06]**, **[H2.02.03.07]**. Thông qua việc thu thập ý kiến này, nội dung của bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành LKT được phổ biến tới các bên liên quan. Ngoài ra, các bên liên quan khác như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất bằng cách truy cập vào Website của Phòng QLSDH để xem đặc điểm của CTĐT và các học phần. Từ đó, nhà quản lý có thể kiểm soát, hoặc có thể tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và các doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng các yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần thạc sĩ ngành LKT được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại:

Các thông tin chi tiết về CTĐT và ĐCCT học phần chưa được cập nhật đầy đủ thông tin trên các tờ rơi về tuyển sinh và trong sổ tay HV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Cập nhật thêm thông tin để mọi đối tượng có nhu cầu có thể tra cứu và tìm hiểu thêm về CTĐT và ĐCCT học phần.	P.QLSDH	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2.	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao chất lượng công khai thông tin bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đến các bên liên quan theo hướng ngày càng tốt hơn.	P.QLSDH; K.LKT	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT được bố cục rõ ràng, đầy đủ thông tin, và thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CĐR rất rõ ràng. Bản mô tả CTĐT luôn được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo định kỳ đáp ứng tốt nhất nhu cầu người học và xu hướng phát triển của xã hội.

Đề cương của các học phần được chuẩn hóa, liên tục được cập nhật và điều chỉnh theo quy định của trường và cung cấp đầy đủ thông tin cho HV và các bên liên quan, đáp ứng tốt yêu cầu của người học và các bên liên quan.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành LKT được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Những điểm tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Các thông tin chi tiết về CTĐT và ĐCCT học phần chưa được công bố hết trên các tài liệu quảng bá về tuyển sinh.

Các ý kiến đóng góp của Nhà tuyển dụng và cựu HV cho việc cải tiến cập nhật chỉ mới tập trung cho CTĐT và CĐR, việc góp ý cho cải tiến, cập nhật ĐCCT học phần còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu:

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học ngành LKT trình độ thạc sĩ Trường ĐHPT được xây dựng dựa trên CĐR của ngành học. CTDH của ngành có cấu trúc và trình tự logic; nội dung mang tính cập nhật và có tính tích hợp. Bên cạnh đó, sự đóng góp của mỗi học phần phải luôn xác định rõ ràng và phù hợp. Đây là cơ sở cho CĐR của ngành LKT trình độ thạc sĩ Trường ĐHPT được hoàn thiện và mang tính hiệu quả cao.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên Chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng:

Sau khi xây dựng xong CĐR, việc thiết kế CTDH thạc sĩ ngành LKT được Khoa LKT triển khai theo các bước của Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR (QT01) và dựa trên các yêu cầu CĐR của chương trình. Qua đó, Khoa LKT xây dựng bản dự thảo của CTDH: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT; xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi tốt nghiệp [\[H3.03.01.01\]](#), [\[H3.03.01.02\]](#), [\[H3.03.01.03\]](#), [\[H3.03.01.04\]](#).

Để có cơ sở thực tiễn xây dựng CTDH, Khoa cũng tiến hành tham vấn, lấy ý kiến các BLQ về CTĐT nhằm phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương cũng như nhu cầu

chung của xã hội.

Để đạt được mục tiêu đề ra là cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Kế toán, có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, tất cả các học phần trong CTDH ngành Kế toán đã xác định rõ kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học. CTDH được xây dựng dựa các quyết định ban hành về CDR, CTĐT và ĐCCT cho trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT được ban hành bởi Trường ĐHPT [H3.03.01.05] và Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT [H3.03.01.06]. Theo đó, CTDH được thiết kế phải đảm bảo được các tiêu chí sau:

Khung CTĐT có đủ ba khối kiến thức gồm kiến thức chung, cơ sở và chuyên ngành (được chia thành ba lĩnh vực: hành chính công, quản trị chung, kỹ năng – nghiên cứu. Các môn học trong CTDH phải được sắp xếp theo trình tự hợp lý, các môn học thuộc các khối ngành đan xen với nhau tạo ra những hệ thống kiến thức thống nhất và theo trình tự logic, giúp học viên dễ dàng xuyên chuỗi và liên kết kiến thức của các môn học hiệu quả hơn trong quá trình học [H3.03.01.07].

Kiến thức: Có sự hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; Có kiến thức và nghiệp vụ pháp lý về các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác điều hành, xây dựng và chọn được các mô hình quản trị chiến lược, nhân sự,...Thạc sĩ ngành LKT được trang bị hệ thống kiến thức nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ pháp lý về các lĩnh vực LKT, được trải nghiệm thực tập thực tế giúp người học có kinh nghiệm, có thực tế, có trí tuệ, có tầm nhìn để thay đổi các kiến thức giải quyết tình huống khoa học hơn, sáng tạo, trí tuệ hơn.

Kỹ năng: HV có khả năng nghiên cứu, phân tích và xử lý có căn cứ khoa học các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động thực tế SXKD của doanh nghiệp; Có kỹ năng vận dụng các công cụ thống kê, các kỹ thuật phân tích định lượng vào hoạt động thực tiễn vận dụng pháp lý tại doanh nghiệp; Có khả năng tham gia các hoạt động phân tích, hoạch định chính sách cho các cơ quan, đơn vị; Kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực luật kinh tế; Kỹ năng làm việc theo nhóm; Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; Kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Có thể tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến

quan trọng để giải quyết những tình huống thực tiễn trong các hoạt động LKT, thích nghi với môi trường luôn thay đổi, tự định hướng và hướng dẫn người khác hoàn thành mục tiêu của tổ chức; Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực LKT để tư vấn cho doanh nghiệp thực hiện chiến lược khác biệt, tiên tiến mang lại hiệu quả; Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động quản trị hệ thống kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

**Bảng 3.1: Bảng thống kê CDR và CTDH ngành LKT trình độ thạc sĩ
Trường ĐHPT năm 2022**

Học phần	Số tín chỉ	CDR		
		Kiến thức (LO1 → LO3)	Kỹ năng (LO4 → LO8)	Thái độ/mức tự chủ và trách nhiệm (LO9 → LO12)
Khối kiến thức đại cương	2 học phần 6 TC	LO1, LO2	LO4, LO5	LO9, LO10
Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	Kiến thức cơ sở ngành 8 học phần 16 TC	LO1, LO2, LO3	LO4, LO5	LO11, LO12
	Kiến thức chuyên ngành 12 học phần 24 TC	LO1, LO2, LO3	LO4, LO5, LO6	LO9, LO10, LO11, LO12
Đề án	14 TC			

- Số lượng môn học và số tín chỉ được thiết kế phải theo quy định về số lượng tín chỉ cho chương trình đào tạo thạc sĩ của Bộ GDĐT [H3.03.01.07], cụ thể: có 23 học phần và một đề án tốt nghiệp, số tín chỉ cho cả ngành học là 60 TC, không tính các chứng chỉ tiếng Anh và tin học. Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho học viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập [H3.03.01.07]. Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ sau đại học 1,5 năm.

- Nội dung môn học phải đa dạng, mang tính cập nhật các kiến thức và nghiên cứu trong nước và quốc tế, đáp ứng được các nhu cầu và xu hướng phát triển của xã hội,

đồng thời hướng tới định hướng đa dạng hóa chuyên ngành để giúp NH đáp ứng nhanh vị trí việc làm sau khi ra trường [\[H3.03.01.08\]](#), [\[H3.03.01.09\]](#).

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo yêu cầu của CDR của CTĐT, cụ thể như sau:

CDR	Giải thích
LO9	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật trong lĩnh vực kinh tế.
LO10	Khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, cập nhật kiến thức pháp lý mới về kinh tế và khả năng học tập suốt đời.
LO11	Khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật kinh tế;
LO12	Khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu về pháp luật kinh tế.

Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của tất cả các HP đều dựa trên quy định của Trường ĐHPT và Bộ GDĐT. Chiến lược dạy học và Phương pháp đánh giá thông qua các rubrics [\[H3.03.01.04\]](#) như mô tả trong Bản mô tả CTĐT thể hiện CTDH đã được thiết kế dựa trên CDR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo tính tương tác, thời gian cho phép thực hiện được quy định trong kế hoạch học tập và kiểm tra đánh giá của Nhà trường [\[H3.03.01.09\]](#). Trong đó, định hướng phương pháp dạy học gồm: Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho học viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập; Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ sau đại học 1.5 năm. Định hướng đánh giá gồm: Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp; Môn Kỹ năng học tập và các môn học chuyên đề Kỹ năng được đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10, được tính vào điểm trung bình chung tích lũy; Tổ chức thi kết thúc môn học theo hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên; Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của nhà trường.

Nhà Trường luôn có các kế hoạch và chính sách phát triển nguồn lực [\[H3.03.01.10\]](#) để đảm bảo chất lượng tốt cho CTDH của thạc sĩ ngành LKT. Nhà trường luôn có các

chính sách chỉ tiêu hợp lý cho các hoạt động đào tạo sau đại học đặc biệt là CHVC và nguồn nhân lực [H3.03.01.11], [H3.03.01.12]. Hằng năm, CSVC phục vụ đào tạo luôn được sửa chữa, phòng học đáp ứng các quy chuẩn về diện tích, cung cấp đầy đủ trang thiết bị và tạo môi trường học tập thoải mái cho việc dạy và học [H3.03.01.13]. Giảng viên được tuyển có lý lịch khoa học rõ ràng, học vị từ tiến sĩ trở lên, có chuyên môn cao, kỹ năng sư phạm và khả năng nghiên cứu tốt. Cán bộ hỗ trợ có thái độ phục vụ nhiệt tình, và phải nắm vững một số kiến thức bắt buộc liên quan đến đào tạo [H3.03.01.14].

Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức khảo sát ý kiến của chuyên gia và các BLQ [H3.03.01.15] về chất lượng CTĐT của ngành LKT trình độ thạc sĩ. Kết quả cho thấy sự hài lòng của đối tượng khảo sát tăng đều qua các năm, trên 80% về mức độ từ hài lòng đến rất hài lòng với chương trình dạy học của chương trình đào tạo thạc sĩ của trường, ngoài ra, các ý kiến góp ý thường liên quan đến các khía cạnh về giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho học viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập và khối lượng kiến thức của các học phần trong chương trình dạy học [H3.03.01.16]. Điều này đồng nghĩa với sự cải tiến về CTDH tương đối phù hợp với yêu cầu chung của các BLQ, CĐR đáp ứng được kỳ vọng của người học cũng như nhu cầu thị trường lao động theo từng giai đoạn phát triển. Bên cạnh đó, việc đối sánh CTĐT cũng được chú trọng thực hiện nhằm xác định và điều chỉnh toàn bộ CĐR mới, xây dựng và cải tiến CTĐT đáp ứng được yêu cầu bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo và yêu cầu của các BLQ [H3.03.01.17], [H3.03.01.18].

2. Điểm mạnh:

CTDH trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT Trường ĐHPT được xây dựng dựa trên các CĐR của CTĐT. Bên cạnh đó, CTDH luôn được rà soát, điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với những quy định, quy chế mới của Nhà Trường, Bộ GDĐT cũng như những góp ý của các BLQ. Nội dung về CTDH trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT luôn mang tính cập nhật và tính tức thời đáp ứng các nhu cầu hiện tại của xã hội. Các phương pháp giảng dạy, học tập, PP kiểm tra, đánh giá KQHT của tất cả các HP được thể hiện rõ ràng, cụ thể, khoa học và phù hợp với nội dung CTĐT, góp phần đạt được CĐR phù hợp.

3. Điểm tồn tại:

Chương trình dạy học được thiết kế thiếu một số cơ sở đánh giá hiệu quả, chưa có tính cập nhật cao, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ và hình thức giảng dạy. Đồng thời, việc Khảo sát chuyên gia và các BLQ ở những năm đầu còn thiếu nguồn nhân lực thực hiện, dễ dẫn tới thiếu tính chuyên nghiệp, chưa khai thác được nhiều thông tin giúp xây dựng chương trình dạy học hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các mối liên hệ với doanh nghiệp nhằm tăng vai trò, hiệu quả phản hồi của doanh nghiệp khi tham gia vào xây dựng CTDH nhằm tăng hiệu quả đạt được CĐR của CTĐT.	Khoa LKT, Phòng QLSDH	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện CTDH theo định kỳ, cập nhật bám sát CĐR của CTĐT, và ý kiến phản hồi của các BLQ để ngày càng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.	Khoa LKT, Phòng QLSDH	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH trình độ thạc sĩ ngành LKT có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của chương trình. Các khối kiến thức được xây dựng theo trình tự từ khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là hành chính công và quản trị

chung; cuối cùng là khối kiến thức kỹ năng nghiên cứu và thực hiện luận văn. Các học phần được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao.

Các học phần trong CTĐT thể hiện được sự đóng góp cụ thể (các kiến thức cụ thể, kỹ năng thực hành, kỹ năng tư duy, phát triển chuyên môn, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà NH phát triển, học hỏi, hoặc làm chủ ở mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR [H3.03.02.01]. Khi xây dựng danh mục CĐR của CTĐT, mỗi CĐR đều được thiết kế gắn với các học phần tương ứng nhằm đạt được CĐR đó. Sự gắn kết giữa CĐR của mỗi học phần với CĐR của ngành được thể hiện rõ thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần của CTĐT [H3.03.02.02]. Việc bố trí các học phần trong Bảng ma trận học phần thể hiện các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

Tất cả các học phần trong CTDH đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá để đạt được CĐR. Từng học phần đều có ĐCCT học phần, các hình thức kiểm tra, thi được thể hiện cụ thể trong ĐCCT và được giảng viên công bố trực tiếp trong lớp học [H3.03.02.03]. Đề cương chi tiết học phần có mục tiêu và CĐR rõ ràng, tương ứng với CĐR nào của CTĐT; mỗi bài học phải đáp ứng CĐR nào của học phần. Việc đánh giá học viên được thực hiện bằng nhiều phương pháp nhằm mục đích đạt được CĐR của CTĐT. Cụ thể, ở mỗi học phần điểm đánh giá học viên được thực hiện thông qua 2 thành phần: đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần.

Ngoài ra, trong từng phương pháp đánh giá học viên, giảng viên phải ghi rõ đáp ứng với CĐR nào của học phần và có đáp án rõ ràng [H3.03.02.04].

Trong giai đoạn từ 2022, Trường ĐHPT đã cập nhật, chỉnh sửa ĐCCT các học phần, hoàn thiện bộ giáo trình, tài liệu học tập cho học viên, tạo điều kiện cho người học cập nhật kiến thức mới một cách liên tục, đáp ứng nhu cầu trong công tác chuyên môn cho người học ở hiện tại và tương lai [H3.03.02.05].

Việc thường xuyên lấy ý kiến các bên liên quan hàng năm để cải tiến nội dung học phần là không thể thiếu được, nhất là ý kiến của GV – những người trực tiếp giảng dạy. Giai đoạn từ 2022 đến nay, Phòng QLSDH đã tổ chức cập nhật, chỉnh sửa đề ĐCCT các học phần, tài liệu tham khảo, tạo điều kiện cho người học cập nhật kiến thức mới

một cách liên tục, đáp ứng nhu cầu trong công tác chuyên môn cho người học ở hiện tại và tương lai [\[H3.03.02.06\]](#), [\[H3.03.02.07\]](#).

ĐCHP cùng các quy định, quy chế của Trường về đánh giá HV được Phòng SDH phổ biến rộng rãi, công khai tới các GV và HV. Đối với GV, Phòng SDH thông báo cho từng GV qua địa chỉ email của họ cung cấp cho Phòng. Ngoài ra, GV có thể tìm hiểu những thông tin này qua website của Phòng. Đối với HV, thông qua website của Phòng hoặc thông qua sổ tay HV, thông qua hoạt động đánh giá cuối mỗi học phần của Phòng KT-ĐBCL-TT&PC để phản hồi ý kiến về các môn học [\[H3.03.02.08\]](#).

2. Điểm mạnh:

Tổ hợp các phương pháp dạy và học tích cực được tổ chức phù hợp, phương pháp kiểm tra, đánh giá của các học phần hỗ trợ nhau để đạt CĐR.

CTDH và CĐCT học phần đào tạo thạc sĩ ngành LKT được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của giảng viên, chương trình đào tạo thạc sĩ ngành LKT đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại:

Các phương pháp đánh giá của các học phần còn chưa phong phú. Các học phần trong chương trình học có thay đổi theo khảo sát đối với các bên liên quan, tuy nhiên, tính cập nhật chưa cao, các học phần cần thay đổi chưa nhiều theo sự thay đổi của các chuẩn đầu ra.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng QLSDH kết hợp với các đơn vị liên quan sẽ cập nhật đầy đủ hơn nữa sự phản hồi của các bên liên	Khoa LKT; P.QLSDH	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		quan về việc đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR.		(Từ năm 2025-2026)	
		Các học phần cần thay đổi cùng với tính cập nhật cao và phù hợp với sự thay đổi của các chuẩn đầu ra.	Khoa LKT; P.QLSDH	Từ năm 2021-2022	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy, điều chỉnh cũng như xây dựng CTDH với các học phần có CĐR phù hợp, rõ ràng.	Khoa LKT; P.QLSDH	Chu kỳ rà soát CTĐT (năm 2025)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng:

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ LKT được xây dựng theo định hướng ứng dụng, giúp đỡ người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, công trình trong các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào các công việc phức tạp tại nơi làm việc, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức hay đơn vị Luật Kinh tế; có khả năng làm việc một mình hay trong bất kỳ nhóm nào, có khả năng giao tiếp, đối thoại và thương lượng với bất kỳ ai, có thái độ ứng xử phù hợp trong mọi tình huống và có đạo đức trong Luật Kinh tế.

Nhằm đạt được mục tiêu đào tạo trên, Nhà trường dựa trên tiêu chuẩn năng lực theo khung trình độ quốc gia, tổ chức dự thảo CĐR, mục tiêu CTĐT, cấu trúc CTĐT, khối lượng kiến thức cần thiết theo quy định đáp ứng CĐR và mục tiêu CTĐT, đồng thời khảo sát CTĐT cùng ngành của các trường trong nước và ngoài nước, hoàn thiện

CTĐT và đề cương học phần, sau khi đã trình duyệt thì Trường tổ chức thực hiện với một kế hoạch rõ ràng để kết hợp các khối kiến thức, các kỹ năng đảm bảo có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp **[H3.03.03.01]**.

Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng.

+ Phần kiến thức tự chọn: Học viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

+ Cấu trúc của CTDH có 60 tín chỉ gồm các môn kiến thức đại cương: 6 tín chỉ (TC), chiếm 10% chương trình đào tạo; các môn cơ sở ngành và chuyên ngành: 40 TC, chiếm 66,7% chương trình đào tạo. Trong đó phần kiến thức bắt buộc là 32 TC, chiếm 80% và phần tự chọn là 8 TC, chiếm 20% chương trình đào tạo. Đề án thạc sĩ: 14 TC, chiếm 23,3% chương trình đào tạo **[H3.03.03.02]**. Tất cả các môn học/ HP được bố trí hợp lý với CDR của CTĐT như đào tạo kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân; Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, phẩm chất đạo đức và nghề nghiệp.

+ Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên quy định nhằm giúp học viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết.

+ Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn đã in sẵn cung cấp cho học viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

Phương pháp dạy học:

+ Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho học viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập.

+ Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ sau đại học 1.5 năm. **[H3.03.03.03]**.

Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.

+ Môn Kỹ năng học tập và các môn học chuyên đề Kỹ năng được đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10, được tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

+ Tổ chức thi kết thúc môn học theo hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

+ Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của nhà trường.

+ Tốt nghiệp: Học viên thực hiện luận văn tốt nghiệp.

Mỗi học phần thể hiện rõ thời lượng, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành/thực tập. Việc bố trí qua 03 học kỳ trên bảng ma trận môn học thể hiện rõ các môn học điều kiện, tiên quyết, học phần học trước, học phần được học ở học kỳ tiếp theo, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho SV sắp xếp lịch học linh động, chủ động để tốt nghiệp trước hạn. Các học phần giữa các khối kiến thức của CTĐT có sự hỗ trợ lẫn nhau, có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển có tính hệ thống của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng.

Việc rà soát và cập nhật CTDH thạc sĩ ngành LKT được tiến hành định kỳ hàng năm (*với những thay đổi, cập nhật nhỏ*) và định kỳ 2 năm một lần theo quy định chung của Trường **[H3.03.03.04]**. Quá trình rà soát, điều chỉnh, Khoa LKT dựa trên các mục tiêu cụ thể từ thực tiễn đặt ra, từ sự phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTDH của các trường ĐH uy tín quốc tế trong và ngoài nước, cập nhật những kiến thức mới nhất trong chuyên ngành nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhà sử dụng lao động.

CTDH được xây dựng theo hướng phân bổ hợp lý về thời lượng lý thuyết và thực hành. SV được kết hợp giữa việc học tập trên giảng đường với thực hiện các hoạt động thực hành, kiến tập, thực tập, nghiên cứu, rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp,...

2. Điểm mạnh:

CTDH thạc sĩ ngành LKT có cấu trúc hợp lý, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. CTDH thạc sĩ ngành LKT cũng đảm bảo tính tích hợp và tính cập nhật của nội dung chương trình. Việc rà soát, điều chỉnh cũng thông qua thu thập ý kiến cựu học viên, doanh nghiệp và tham khảo CTĐT của các cơ sở giáo dục có các chương trình thạc sĩ Luật Kinh tế khác trong nước và nước ngoài. Nhìn chung CTDH trong thời gian qua được NH và xã hội đánh giá ở mức độ tốt là tiền đề giúp nhà trường cập nhật CTDH phù hợp hoàn toàn với nhu cầu của NH và xã hội trong thời gian tới.

3. Điểm tồn tại:

Việc điều chỉnh CTDH có tham khảo các CTĐT tiên tiến nhưng chưa có báo cáo và đối sánh cụ thể làm căn cứ cho việc sửa đổi, bổ sung.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch tổ chức điều chỉnh, cập nhật CTDH một cách định kỳ có sự tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, từ đó đưa ra CTDH với nội dung có ý nghĩa thiết thực đáp ứng tốt kỳ vọng của NH.	Khoa LKT, P.QLSDH	Từ năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ rà soát, điều chỉnh cũng như xây dựng CTDH với các học phần có CDR phù hợp, rõ ràng.	Khoa LKT, P.QLSDH	Theo chu kỳ điều chỉnh	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

CTDH trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT của Trường ĐHPT được xây dựng dựa trên các CDR của CTĐT. Bên cạnh đó, CTDH luôn được rà soát, điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với những quy định, quy chế mới của Nhà Trường, Bộ GDĐT cũng

như những góp ý của các BLQ. Nội dung về CTDH trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT luôn mang tính cập nhật và tính tức thời đáp ứng các nhu cầu hiện tại của xã hội.

CTDH và CĐCT học phần đào tạo thạc sĩ ngành LKT được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của giảng viên, chương trình đào tạo thạc sĩ ngành LKT đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR.

CTDH được thiết kế có cấu trúc theo một trình tự logic. Mỗi quan hệ các học phần cơ sở, chuyên ngành được xây dựng dựa trên trình tự logic đảm bảo cho NH có được kiến thức nền trước khi học các môn chuyên ngành phù hợp với CĐR, giúp NH phát triển năng lực nghề nghiệp, có khả năng thích nghi với nhiều mảng công việc của ngành LKT cũng như thích nghi với nhu cầu thay đổi liên tục của xã hội.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Việc lấy ý kiến của các BLQ về đề cương học phần và cấu trúc chi tiết của CTDH đã được thực hiện khá tốt nhưng chưa trên diện rộng. Việc tham khảo các CTĐT tiên tiến cũng còn khá hạn chế. Do đó, Nhà trường và Khoa LKT và Phòng QLSDH có kế hoạch tham khảo đa dạng CTĐT tiên tiến của cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước, theo định hướng ứng dụng, giúp đỡ người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Xây dựng và triển khai đồng bộ, có tính hệ thống việc thu thập ý kiến các BLQ về mức độ đạt được CĐR của các học phần.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu:

Quán triệt triết lý giáo dục “Thực học – Thực nghiệp” của Nhà trường, Khoa LKT luôn đặt mục tiêu đào tạo gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp, chú trọng phát triển năng lực toàn diện cho người học. Với phương châm “Lấy người học làm trung tâm”, đội ngũ giảng viên của Khoa đã áp dụng triệt để các phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận

năng lực, giúp học viên chủ động, sáng tạo và có khả năng vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn công việc. Đồng thời, Nhà trường và Khoa thường xuyên rà soát, cập nhật nội dung và phương pháp đào tạo để phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động, từ đó giúp học viên sau khi tốt nghiệp có thể thích ứng nhanh chóng, làm việc hiệu quả và cạnh tranh tốt trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng:

Năm 2019 Nhà trường đã được ban hành chính thức triết lý giáo dục “Thực học- Thực nghiệp” trong KHCL phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2040. **[H4.04.01.01]**. Triết lý giáo dục của Trường được xác định rõ ràng và phù hợp với mục tiêu cụ thể của GDĐH được ban hành trong Luật GDĐH, mục tiêu giáo dục và sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường **[H4.04.01.02]**. Trong chiến lược phát triển Nhà trường định hướng đến năm 2040, Trường ĐHPT trở thành đại học có uy tín, chất lượng và sáng tạo; được kiểm định chất lượng quốc gia và khu vực; có mạng lưới quan hệ hợp tác rộng rãi, đa ngành trong nước và quốc tế **[H4.04.01.03]**.

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được thể hiện rõ trong “Tầm nhìn – Sứ mệnh – Văn hóa” của Trường, cụ thể là “Đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp theo phương châm “Thực học - Thực nghiệp - Học suốt đời (lifelong learning) để làm việc suốt đời” ở các lĩnh vực Công nghệ, Khoa học xã hội, Sức khỏe và Ngôn ngữ”.

Sứ mạng của Nhà trường: “Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho DN, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu khoa học luật và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng pháp luật nhằm phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước”. Mục tiêu và sứ mạng của Trường ĐHPT được tất cả cán bộ, GV, người học của Trường hiểu rõ và thực hiện; được hiện thực hóa thông qua CDR các ngành đào tạo của Trường và được điều chỉnh theo định kỳ **[H4.04.01.02]**. CDR xác định rõ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ/tự chủ và tự chịu trách nhiệm, vị trí công việc, cơ hội học tập của SV sau khi tốt nghiệp và phù hợp với triết lý giáo dục “Thực học - Thực nghiệp”.

Thực học, thực nghiệp là người dạy và người học hiểu đúng mục đích của việc dạy và học, dạy và học thực chất; kết quả thi, kiểm tra phản ánh đúng, thực chất chất lượng giáo dục; đồng thời, giáo dục gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động, lấy hiệu quả, chất lượng công việc của người học làm thước đo; sau khi tốt nghiệp người học có đủ năng lực và phẩm chất cần thiết để sống và làm việc.

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường cũng được phổ biến đến các bên liên quan (BLQ) dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú: đăng trên websites Trường ĐHPT, websites Phòng QL Sau đại học, Sổ tay HV, trên các giảng đường lớn, hội trường, phòng họp, trong khuôn viên Nhà trường ..., email thông qua việc khảo sát lấy ý kiến của các BLQ dù phạm vi tuyên truyền, khảo sát chưa lan tỏa đến các tỉnh khác. Bằng những hình thức phổ biến đa dạng, triết lý giáo dục đã được tất cả các GV, NV và cán bộ hiểu rõ và thực hiện nghiêm túc. Bên cạnh đó, Khoa LKT cũng đã thực hiện cụ thể hóa mục tiêu giáo dục của ngành là đào tạo ra những Thạc sĩ Luật kinh tế có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng, nền tảng kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành tốt, có kỹ năng phù hợp đáp ứng yêu cầu của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp [H4.04.01.04]. Với mục tiêu giáo dục đó, bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đều nêu rõ những kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy và học tập để đạt được CDR, bám sát nhu cầu thực tiễn của xã hội [H4.04.01.05].

Nhà trường đã ban hành văn bản giao nhiệm vụ/quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH, các văn bản quy định/hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học đánh giá kết quả học tập của HV [H4.04.01.06], [H4.04.01.07]. Trong khi xây dựng mục tiêu này Nhà trường và Khoa LKT đã tổ chức lấy ý kiến của các BLQ. Kết quả khảo sát cho thấy mục tiêu giáo dục của chương trình Thạc sĩ ngành LKT được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đào tạo người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề pháp lý [H4.04.01.07]. Mục tiêu giáo dục được công bố trên website của Nhà trường, sổ tay HV, để GV, người học, nhà tuyển dụng, cựu người học dễ dàng tiếp cận [H4.04.01.08], [H4.04.01.09].

2. Điểm mạnh:

Văn bản về triết lý giáo dục của Trường, mục tiêu giáo dục của Khoa LKT được xây dựng và tuyên bố rõ ràng, được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan trong và ngoài trường.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo với sự tham gia của đông đảo cơ quan nhà nước, cơ quan tư pháp, nhà tuyển dụng nên việc phổ biến cũng như lấy ý kiến góp ý về mục tiêu giáo dục của Nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng QLSDH (kể từ năm 2025 là sáp nhập với Phòng QLĐT) thực hiện định kỳ công tác truyền thông về triết lý giáo dục cho Nhà tuyển dụng, các bên liên quan hiểu rõ hơn về mục tiêu giáo dục thông qua các kênh như website, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh, hội thảo khoa học.	- P.QLĐT; - K.LKT; - Ban TTTT	Thường xuyên	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Văn bản về triết lý giáo dục của Trường, mục tiêu giáo dục của Khoa và thực hiện theo đúng nội dung đã tuyên bố với người học.	Khoa LKT; Phòng QLĐT	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR

1. Mô tả hiện trạng:

Để đảm bảo NH đạt được CDR theo đúng triết lý giáo dục của Nhà trường, các giảng viên trong Khoa LKT đã chủ động xác định và áp dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp với từng môn học. Các phương pháp được lựa chọn được thể hiện rõ trong CTĐT và ĐCCT. Các hoạt động giảng dạy học tập được thiết kế khá đa dạng và linh hoạt để đạt được CDR [H4.04.02.01]. Phương pháp giảng dạy và hoạt động học tập hiện hành đã được rà soát, điều chỉnh và cải tiến để phù hợp với CDR và được đánh giá định kỳ 2 năm 1 lần [H4.04.02.02].

Nhà trường và các đơn vị chuyên môn đặc biệt là các cán bộ quản lý lớp thạc sĩ LKT luôn chú trọng cho HV tuân thủ các phương pháp học tập tích cực của NH, lấy NH làm trung tâm và NH chủ động trong hoạt động học tập qua các buổi trao đổi chuyên đề [H4.04.02.03]. Công nghệ được sử dụng trong hoạt động dạy và học thể hiện rất rõ qua việc GV có websites hỗ trợ làm việc đăng tải toàn bộ từ Kế hoạch giảng dạy, Bài giảng, Bài tập chuyên đề, Đề cương chi tiết Học phần, Tương tác nhóm, Phương pháp học Sau đại học, ... hỗ trợ NH toàn diện thông qua với hệ thống wifi phủ sóng toàn trường [H4.04.02.04].

Các HP cơ sở ngành và chuyên ngành, HP bổ trợ và chuyên ngành sau đã được bố trí thời lượng trải nghiệm thực tiễn và thực hành khá nhiều so với thời lượng lý thuyết (2/3TC) [H4.04.02.05]. Các học phần dạy học trên lớp cung cấp những kiến thức lý thuyết chuyên sâu trên nền tảng những kiến thức cơ bản đã được học ở CTĐT cử nhân; các hoạt động ngoại khóa như tham dự hội thảo, hội nghị, các chuyên đề nâng cao kỹ năng hành nghề pháp luật... được tổ chức để HV trải nghiệm thực tế về các kỹ năng xây dựng pháp luật, tư vấn và vận dụng pháp luật sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ, rèn luyện kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng dự báo các quy phạm pháp luật (sẽ được phát triển trong tương lai); hoạt động trải nghiệm thực tế giúp HV hình thành nhận thức về công việc, đồng thời luyện tập tác phong làm việc chuyên nghiệp, tận tụy, khả năng chịu áp lực cao. Hoạt động thảo luận nhóm để giúp HV làm sáng tỏ vấn đề vận dụng vào thực tiễn đảm bảo đạt được CDR.

HV ngay từ đầu khóa học đã được tiếp xúc lần đầu tiên với hoạt động nghiên cứu qua việc Khoa LKT và Nhà trường phổ biến về phương pháp học SDH và NCKH [H4.04.02.06], cùng những chuyên đề mà P.QLKH-HTQT tổ chức nhằm giúp HV thực

hiện đạt yêu cầu các đề tài NCKH để HV có thể tự nghiên cứu và học tập suốt đời như Triết lý giáo dục đã thể hiện rõ [H4.04.02.07]. Bên cạnh đó, Khoa LKT còn thiết kế chương trình dạy học có HP Phương pháp nghiên cứu khoa học luật nhằm mục đích giúp cho HV hiểu sâu hơn, nâng cao hơn chuyên môn trong việc khuyến khích NCKH trong HV [H4.04.02.08]. Ngoài ra, các kết quả khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của giảng viên cũng thể hiện rõ CTĐT được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR và NH đều hài lòng với những phương pháp giảng dạy của GV [H4.04.02.09].

Nhà trường cùng với Khoa LKT luôn khuyến khích, đẩy mạnh hoạt động NCKH của HV thông qua viết các bài báo, NCKH đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, sau đó phát triển thành những Đề án tốt nghiệp trước Hội đồng bảo vệ Thạc sĩ của Trường ĐHPT [H4.04.02.10].

Kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến HV về mức độ hài lòng đối với mỗi học phần, phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng của sinh viên với phương pháp giảng dạy luôn đạt trên 90% và có xu hướng tăng qua các học kỳ [H4.04.02.11].

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động giảng dạy học tập được thiết kế cho CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT đa dạng và linh hoạt với thời lượng thực hành lớn hơn nhiều so với lý thuyết; các tổ hợp công nghệ dạy và học phù hợp trong các hoạt động dạy và học để đạt được CĐR. GV tạo môi trường dạy và học thuận lợi giúp HV tham gia học một cách có trách nhiệm. NCKH được xem là hoạt động cần thiết bắt buộc của HV được Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất giúp HV được NCKH tích cực nhất.

3. Điểm tồn tại:

Các phương pháp đánh giá hiện tại còn theo phương pháp thủ công truyền thống, Chưa ứng dụng tích cực công nghệ số vào việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường và Khoa tăng cường nghiên cứu các ứng dụng công nghệ số vào việc tổ chức đánh giá kết quả học tập của HV nhằm đảm bảo các tiêu chí khoa học, khách quan, năng suất	Khoa LKT; P.QLSDH	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa LKT tạo môi trường chia sẻ tri thức giữa các GV trong và ngoài khoa, ngoài trường thông qua các hội thảo chuyên đề của khoa và kết nối với các khoa Luật/Luật kinh tế của các trường ĐH uy tín khác.	Khoa LKT; P.QLSDH	Thường xuyên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT thạc sĩ ngành LKT của Trường ĐHT được thiết kế nhằm trang bị cho HV những kiến thức chuyên môn nâng cao và chuyên sâu trong lĩnh vực luật học, luật kinh tế,...giúp cho HV hoàn thiện kỹ năng chuyên môn và vận dụng tốt vào công việc thực tiễn. Nhà trường và Khoa LKT luôn quan tâm đến các hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng khởi nghiệp và các phương pháp NCKH [H4.04.03.01], [H4.04.03.02].

Với mục tiêu xây dựng trường đại học đa ngành và mang tính ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực có thể đáp ứng được ngày với công việc thực tế, giảm thiểu tối đa việc

đào tạo lại tại các doanh nghiệp, Trường đã liên tục cập nhật và điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT [H4.04.03.01], [H4.04.03.03]

Để đáp ứng mục tiêu đó tất cả các ĐCCT học phần có mô tả về các PPDH trên lớp phù hợp với từng môn học, rèn luyện kỹ năng thiết yếu là phân tích, đánh giá và ra quyết định nhằm kích thích tư duy, tính chủ động của HV trong học tập; đồng thời các môn kỹ năng mềm được thêm và CTĐT giúp rèn luyện thêm các kỹ năng mềm về giao tiếp, phân tích, tổng hợp vấn đề cho SV. Ngoài ra, trong các ĐCCT học phần cũng mô tả đến việc tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học thông qua việc cung cấp các tài liệu tham khảo, yêu cầu người học tìm hiểu bài trước khi đến lớp, giao các bài tập về nhà, các chủ đề nghiên cứu thêm... Việc rèn luyện các kỹ năng phân tích, tổng hợp, thuyết trình và khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học còn thể hiện qua các yêu cầu của học phần thực tập và khóa luận tốt nghiệp [H4.04.03.03]. Công thông tin học tập trực tuyến, Trường cũng đã hỗ trợ SV tích cực trong rèn luyện kỹ năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H4.04.03.04].

Ngoài các hoạt động giảng dạy và NCKH, Khoa LKT tham mưu Nhà trường tổ chức các hoạt động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho GV, tổ chức các buổi đi thực tế tại các cơ quan tư pháp, các doanh nghiệp... để trao đổi kinh nghiệm thực tiễn, giúp GV khoa LKT tự nâng cao trình độ chuyên môn và tạo điều kiện cho NH hiểu rõ hơn về ngành LKT, giúp NH ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tế [H4.04.03.05].

Định kỳ mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng – Thanh tra và pháp chế tổ chức khảo sát ý kiến HV về hoạt động giảng dạy từng môn học, đồng thời lấy ý kiến từ nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng năng lực nghề nghiệp của HV tốt nghiệp thạc sĩ ngành LKT. Các kết quả khảo sát này được tổng hợp và chuyển cho Khoa để làm căn cứ điều chỉnh, hoàn thiện phương pháp giảng dạy phù hợp hơn với yêu cầu xã hội [H4.04.03.06].

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học được thể hiện trong ĐCCT học phần. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện rèn luyện các

kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết cho ngành Kế toán và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

3. Điểm tồn tại:

Việc tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HV, các bên liên quan còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường và đổi mới áp dụng các phương thức phù hợp để thực hiện các hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan về PPDH trong ĐCCT học phần.	Khoa LKT; P. QLSDH	Định kỳ (từ năm 2025)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy tính hiệu quả của các chương trình học thuật, thực hành - thực tế. GV tăng cường các bài tập mở rộng, đòi hỏi NH phải tự tìm hiểu, tự nghiên cứu giúp củng cố các kiến thức và kỹ năng học tập.	Khoa LKT	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Triết lý giáo dục của Trường, mục tiêu giáo dục của Khoa LKT được xây dựng và triển khai rõ ràng, được phổ biến rộng rãi tới các các bên liên quan trong và ngoài trường.

Khoa đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CDR môn học và CTĐT. Người học được tạo điều kiện chủ động tiếp cận các hoạt động học tập phù hợp.

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học được thể hiện trong ĐCCT học phần. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết cho ngành Kế toán và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Một số giảng viên thỉnh giảng chưa quan tâm lắm đến triết lý giáo dục của Trường để chuyển tải vào các hoạt động giảng dạy cho phù hợp. SV của Khoa chưa thật sự chủ động trong việc tham gia các hoạt động học tập tích cực trên lớp cũng như việc tự học, tự nghiên cứu thêm, chưa thích ứng tốt với các hoạt động tại nơi thực tập.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt 5/7 và 01 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu:

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học giữ vai trò then chốt trong chất lượng đào tạo và trong bối cảnh đổi mới GDĐH theo hướng hiện đại hóa, lấy người học làm trung tâm. Để đáp ứng yêu cầu phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học, quá trình giảng dạy cần được đổi mới đồng bộ ở tất cả các yếu tố: mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, và đặc biệt là kiểm tra, đánh giá.

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cần thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan. Kết quả học tập của người học phải được đánh giá bằng các phương pháp phù hợp với đặc thù môn học, mức độ đạt chuẩn đầu ra trong mọi thời điểm của quá trình học; đồng thời phản ánh kịp thời kết quả học tập cho người học.

Trong những năm qua, nhà trường đã triển khai quy trình tổ chức thi tập trung, với hệ thống văn bản quy định rõ ràng về việc chuẩn bị kỳ thi cuối kỳ, ra đề thi, phân công

giám thị, công bố điểm, phúc khảo và lưu trữ kết quả thi. Các hình thức và quy trình đánh giá hiện hành cho phép Khoa LKT đo lường và đánh giá được mức độ đạt được CĐR của HV một cách chính xác và toàn diện.

Tiêu chí 5.1 Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế dựa trên mục tiêu về CĐR. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thể hiện thông qua Quy chế đào tạo Sau đại học, quy định về công tác thi, kiểm tra đánh giá của Nhà trường [H5.05.01.01]. Song song với đó, bản mô tả chương trình đào tạo CTĐT và ĐCCT luôn được điều chỉnh, cập nhật phù hợp với các thay đổi về quy chế và nhằm đảm bảo việc đánh giá phù hợp với CĐR của thạc sĩ LKT [H5.05.01.02]. Nhà trường xây dựng các kế hoạch, quy trình đánh giá người học kèm các biểu mẫu rõ ràng nhằm đạt CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành LKT đồng thời công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan trong và ngoài trường [H5.05.01.03]. Kế hoạch về đào tạo, thi cử, kiểm tra và đánh giá được thể hiện qua Kế hoạch đào tạo của Trường, Khoa, lịch thi mỗi học kỳ, được công bố trên website, SV tự truy cập vào hệ thống để theo dõi và thực hiện [H5.05.01.04].

Để đảm bảo việc đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá và tương ứng với mức độ đạt được CĐR, trong từng giai đoạn đánh giá. Nhà trường đã ban hành quy trình lựa chọn, thiết kế các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá người học theo chuẩn đầu ra và đánh giá sự phù hợp của các phương pháp kiểm tra đánh giá người học [H5.05.01.05].

Trong bản mô tả CTĐT thạc sĩ LKT có xây dựng các phương pháp về kiểm tra đánh giá người học; Trong mỗi ĐCCT môn học, GV phải xác định và thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá cho điểm quá trình và điểm cuối kỳ của môn học. Các bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ, thi cuối kỳ GV phải đảm bảo nội dung kiểm tra nhằm đo lường mức độ đạt CĐR nào của môn học, cách thức kiểm tra phải phù hợp với đặc điểm của môn học và được thể hiện trong ĐCCT môn học [H5.05.01.02].

1) *Đánh giá đầu vào (tuyển sinh)*: Hằng năm, Nhà trường tổ chức tuyển sinh 2 đợt với phương thức xét tuyển dựa vào điểm trung bình toàn khóa tốt nghiệp đại học của thí sinh dự tuyển. Kế hoạch tuyển sinh hàng năm và thông báo tuyển sinh các đợt đều được công bố công khai trên website của Phòng Quản lý Sau Đại học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.06].

Đối với các học phần, điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Trong đó điểm quá trình chiếm trọng số 40% (bao gồm điểm chuyên cần (10%), điểm kiểm tra giữa kỳ (30%) và điểm thi kết thúc học phần (60%)), có các tiêu chí đánh giá rõ ràng được thể hiện trong từng ĐCCT của từng học phần [H5.05.01.02].

Điểm đánh giá học phần là tổng điểm của tất cả các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn đến một chữ số thập phân và được chấm theo thang điểm 10 và điểm chữ.

Căn cứ theo hình thức đánh giá của từng học phần đã được phê duyệt, GV ra đề thi theo biểu mẫu thống nhất được quy định trong quy trình tổ chức thi học kì, nộp về Khoa trước khi kết thúc môn học 2 tuần; trước khi đề thi và đáp án được chuyển về P.KT-ĐBCL-TT&PC, trưởng khoa/trưởng bộ môn chịu trách nhiệm phê duyệt đề thi. Việc tổ chức thi kết thúc môn học được được P.KT-ĐBCL-TT&PC phụ trách, đảm bảo tổ chức thi học kì diễn ra nghiêm túc, đảm bảo chất lượng. [H5.05.01.07]

2) *Đánh giá đầu ra (tốt nghiệp)*: Việc đánh giá cuối khóa được thông qua đề án tốt nghiệp thạc sĩ (7 tín chỉ) và thực tập tốt nghiệp (7 tín chỉ) với điều kiện HV đã hoàn thành CTĐT, có điểm trung bình chung cho các học phần trong CTĐT đạt từ 5,5 trở lên hoặc điểm C trở lên có thể tự đăng ký chọn đề tài hoặc nhà trường giao đề tài và chọn GV hướng dẫn được quy định tại quy trình đánh giá học phần tốt nghiệp và cấp bằng trình độ thạc sĩ của Trường ĐHPT [H5.05.01.06].

3) *Đánh giá quá trình người học*:

Trong mỗi Đề cương chi tiết học phần, giảng viên phải xác định các phương pháp kiểm tra đánh giá cho điểm quá trình và điểm cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần); Bài

kiểm tra đánh giá giữa kỳ, giảng viên phải đảm bảo nội dung kiểm tra phải đạt CĐR nào của học phần và được thể hiện trong ĐCCT học phần **[H5.05.01.10]**.

Đánh giá cuối kỳ được triển khai theo Quy trình tổ chức thi học kỳ với các biểu mẫu bao gồm các khâu từ làm đề thi, đáp án, các biểu mẫu liên quan tổ chức thi, xử lý sai phạm, sự cố bất thường **[H5.05.01.06]**.

4) *Đánh giá đầu ra khóa học (thông qua Hội đồng bảo vệ đề án tốt nghiệp)*: thông qua các quy định về quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo, quy định về cách tổ chức ra đề, chấm thi, hướng dẫn quy trình về xét và công nhận tốt nghiệp do Trường ĐHPT quy định **[H5.05.01.03]**.

Tương ứng với mỗi giai đoạn đánh giá (tuyển sinh đầu vào, quá trình, đầu ra), Trường/Khoa/GV thiết kế một tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể đo lường mức độ đạt được CĐR như sau:

1. Với việc đánh giá tuyển sinh đầu vào:

Nhà trường đã căn cứ theo Đề án tuyển sinh hàng năm đã được Bộ GDĐT xét duyệt **[H5.05.01.07]** tuyển sinh theo chỉ tiêu cụ thể từng ngành; dựa theo thực tế nhu cầu lao động ngành từ đề xuất của Phòng. Tiêu chuẩn tuyển sinh của Trường ĐHPT đảm bảo điều kiện của Bộ GDĐT, được công khai minh bạch Nhà trường đưa ra các tiêu chí để lựa chọn đầu vào phù hợp, thí sinh có thể đạt được CĐR trong quá trình học tập tại Trường.

Các tiêu chuẩn xét tuyển đầu vào của Trường ĐHPT đảm bảo điều kiện xét tuyển của Bộ GDĐT với phương thức xét tuyển và được cập nhật trên các phương tiện website của trường **[H5.05.01.08]**.

(2) Đánh giá quá trình/Đánh giá học phần:

Trường ĐHPT đã ban hành quy định thi kết thúc học phần, điều kiện thực hiện đề án tốt nghiệp, bảo vệ đề án tốt nghiệp đối với các hệ đào tạo của Trường **[H5.05.01.06]**. Quy định chỉ rõ giảng viên phải tiến hành kiểm tra định kỳ để kiểm tra kết quả học tập của người học theo chương trình đào tạo đã quy định, kết quả kiểm tra định kỳ phải được giảng viên thông báo công khai sau mỗi lần kiểm tra.

Giảng viên theo dõi tình hình học tập và kết quả học tập của người học thông qua việc đánh giá quá trình người học thể hiện qua Sổ theo dõi tình hình lên lớp của từng học phần [H5.05.01.09]. Người học phải tham gia tối thiểu 80% tổng thời lượng học phần trở lên mới được tham gia dự kiểm tra kết thúc học phần.

Với công tác tổ chức kiểm tra đánh giá cuối kỳ, nhà trường sẽ thực hiện theo kế hoạch năm học để phòng QLSDH xếp lịch kiểm tra kết thúc học phần cho khoá học [H5.05.01.10], [H5.05.01.11].

- Danh sách giám thị và phòng thi được gửi cho Phòng và các cán bộ, thanh tra thi liên quan; HV nhận lịch thi từ Website của Trường [H5.05.01.12].

- Công tác tổ chức ra đề thi, công tác bảo mật, tổ chức coi thi, chấm thi, tổng hợp và thông báo kết quả [H5.05.01.13].

- Yêu cầu về nội dung đề thi phải đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình học [H5.05.01.14].

- Thời gian và quy định về biểu mẫu liên quan đến đề thi phải được thực hiện dưới sự giám sát của Phòng QLSDH, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của nhà trường [H5.05.01.06], [H5.05.01.15].

- Cách tính Điểm đánh giá học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân [H5.05.01.16].

(3) *Đánh giá đầu ra khóa học*: bao gồm kết quả học tập; kết quả rèn luyện và chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của HV trong toàn thời gian tham gia khóa học tại Trường ĐHPT [H5.05.01.17].

- Việc đánh giá kết quả học tập cuối khóa được thông qua công tác thực hiện đề án ThS và bảo vệ đề án tốt nghiệp trước hội đồng bảo vệ. [H5.05.01.18].

- Các chứng chỉ về Ngoại ngữ được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.19].

Để đánh giá tính chính xác và phù hợp quá trình học tập của người học với từng học phần trong CTĐT, Trường ĐHPT lên kế hoạch khảo sát ý kiến học viên và các bên

liên quan thông qua phiếu khảo sát thể hiện 5 mức độ từ 1 đến 5, kết quả khảo sát được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổng hợp [H5.05.01.20].

2. Điểm mạnh:

Các quy trình/kế hoạch rõ ràng của Trường và Khoa về việc đánh giá kết quả học tập của NH. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học từ khâu tuyển sinh đầu vào đến đầu ra của người học đều được thực hiện đúng quy trình, quy định, bám sát yêu cầu của CĐR về kiến thức, thái độ, kỹ năng.

Giảng viên được tham gia xây dựng đề cương chi tiết môn học, lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp để có thể đo lường được mức độ đạt được CĐR.

Phòng QLSDH và các đơn vị liên quan có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong quá trình tổ chức đánh giá kết quả học tập của HV.

3. Điểm tồn tại:

Kế hoạch xây dựng Ngân hàng đề thi của các HP chưa được triển khai cụ thể, chưa thường xuyên rà soát mức độ phù hợp của đề thi, phương pháp kiểm tra để đánh giá của từng môn học mà chỉ thực hiện theo kế hoạch chung của Nhà trường nên tổ hợp phương pháp của một số HP chưa đo lường được CĐR một cách rõ ràng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện định kỳ rà soát mức độ phù hợp của đề thi, xây dựng ngân hàng đề thi, phương pháp kiểm tra để đánh giá của từng môn học để cải tiến chất lượng kiểm tra đánh giá học phần. Định kỳ tổ	Phòng QLSDH Khoa LKT;	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		chức tổng kết và rà soát mức độ bám sát CĐR trong nội dung các bài kiểm tra đánh giá kết quả của người học.	P.KT-ĐBCL-TTPC		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp để có thể đo lường được mức độ đạt được CĐR. Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong quá trình tổ chức đánh giá kết quả học tập của HV, thông báo đến HV, điểm chuyên cần thể hiện trong suốt quá trình học tập như: làm bài tập nhóm, thảo luận nhóm, tiểu luận,...	Khoa LKT; Phòng QLĐT	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 5.2 Các quy định về kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT ban hành Quy chế quy định cụ thể về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) như sau: điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính từ điểm thành phần (điểm chuyên cần và điểm giữa kỳ) và điểm thi kết thúc học phần. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường ĐHPT và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ của Trường ĐHPT [H5.05.02.01].

Về thời gian, bài kiểm tra giữa kì được thực hiện vào 2/3 tổng thời lượng kiến thức học phần, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau khi kết thúc học phần [H5.05.02.02]. Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: (1) Một điểm đánh giá của GV đối với HV, để đánh giá nhận thức, thái độ tham gia thảo luận và tính chuyên cần. Điểm này có trọng số 10%; (2) Từ một đến hai điểm kiểm tra học phần, điểm đánh giá phần thực hành hoặc điểm tiểu luận. Điểm này có trọng số 30% hoặc 40%. Mỗi điểm kiểm tra giữa học phần, điểm đánh giá phần thực hành không chiếm quá 50% điểm học phần; (3) Điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi học phần và có trọng số 50% hoặc 60% [H5.05.02.02].

Bảng 5.2.1. Các mức điểm trung bình đánh giá kết quả của học phần

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
Đạt	Xuất sắc, Giỏi	8,5 → 10	4	A
	Khá	7,0 → 8,4	3	B
	Trung bình	5,5 → 6,9	2	C
Không đạt	Yếu	4,0 → 5,4	1	D
	Kém	Dưới 4,0	0	F

Nhà trường đã quy định chung về đánh giá kết quả học tập của NH trong đề cương chi tiết các học phần của CTĐT trình độ thạc sĩ LKT từ khóa đầu tiên (2022). Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường [H5.05.02.02]. Điểm chuyên cần và giữa kì được công bố công khai với HV trước khi kết thúc môn học. Điểm cuối kì được cập nhật trên cổng thông tin HV [H5.05.02.03].

Về cơ chế phản hồi người học phản hồi về kết quả đánh giá quá trình trực tiếp trên lớp sau khi được GV giảng dạy công bố kết quả vào tuần học cuối của môn học; người học phản hồi nếu có thắc mắc về kết quả thi kết thúc học phần thông qua Khoa đến P.KT-ĐBCL-TT&PC theo quy trình phúc khảo đã được hướng dẫn [H5.05.02.02].

Đánh giá đề án tốt nghiệp của HV đều có bộ tiêu chuẩn cụ thể ngoài các quy chế quy định của Bộ GDĐT, Nhà trường còn ban hành các quy chế quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của người học và các nội dung liên quan khác trong các hội đồng bảo vệ đề án tốt nghiệp một cách rõ ràng [H5.05.02.04].

Tất cả các học phần trong học kỳ/năm học được tổ chức thi tập trung. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá quá trình và trọng số của các điểm đánh giá quá trình do giảng viên đề xuất, Trưởng phòng phê duyệt và được quy định trong ĐCCT của học phần và thông báo phổ biến cho HV trong buổi sinh hoạt đầu khóa, website của phòng QLSDH, email học viên và Website trường [H5.05.02.05].

Báo cáo đề án tốt nghiệp được thực hiện vào học kỳ cuối cùng, sau khi HV hoàn thành đề án theo quy định của Nhà trường. Điểm đánh giá đề án tốt nghiệp của HV được tính theo quy định đào tạo thạc sĩ [H5.05.02.06].

Tất cả các quy chế quy định về kiểm tra đánh giá và quy định về việc phúc khảo đều được giảng viên, Phòng QLSDH, Trường công bố công khai tới người học trước mỗi kỳ thi bằng nhiều hình thức khác nhau như Sổ tay học vụ, website của Phòng, website của Trường, email học viên,... nhằm đảm bảo 100% người học hiểu và nắm rõ các quy chế quy định này [H5.05.02.08].

2. Điểm mạnh:

Các quy chế quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được xây dựng đầy đủ, chi tiết trong đề cương chi tiết học phần của CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành LKT. Trong tất cả các HP của CTĐT đã quy định về phương pháp đánh giá đã có quy định về hình thức và các tiêu chí đánh giá; thang điểm, được công bố công khai đến NH. Tất cả các quy định này đã được phổ biến trong buổi học đầu tiên của HP và trên websites của Khoa và Websites của Trường.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường và các phòng/Khoa liên quan chưa thực hiện khảo sát đầy đủ các đối tượng NH để lấy ý kiến phản hồi về các quy định kiểm tra đánh giá của các HP để điều chỉnh đảm bảo NH hiểu và nắm rõ đầy đủ các quy định về kiểm tra đánh giá NH.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường, Khoa LKT và các phòng ban liên quan sẽ tiến hành khảo sát đầy đủ các đối tượng NH để lấy ý kiến phản hồi về các quy định kiểm tra đánh giá của các HP để điều chỉnh đảm bảo 100% NH hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá NH.	Phòng QLSDH; Khoa LKT	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật các quy định mới, quy chế của Bộ GDĐT, các thay đổi của CTĐT để kịp thời xây dựng, cải tiến các Quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học cho phù hợp, đáp ứng mục tiêu đo lường mức độ đạt CĐR. Đồng thời phổ biến rõ ràng, chi tiết để tất cả HV nắm rõ về quy chế, cách thức thi khi kết thúc học phần vào đầu khóa học, học kỳ, môn học.	Khoa LKT; P.QLSDH	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.3 Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng:

Trong quy chế đào tạo và các tài liệu hướng dẫn về kiểm tra, đánh giá học tập do Trường ĐHPT ban hành, đã quy định cụ thể và đầy đủ các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau. Các phương pháp này bao gồm kiểm tra thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và thi kết thúc học phần, tạo điều kiện để các khoa, giảng viên lựa chọn áp dụng phù hợp với mục tiêu, đặc điểm của từng học phần và đối tượng người học **[H5.05.01.01], [H5.05.01.02]**.

Nhà trường và Khoa, GV sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá kết quả học tập, đặc biệt với đánh giá quá trình học. Việc đánh giá kết quả học phần được GV trực tiếp giảng dạy thực hiện thông qua điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính từ điểm thành phần bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm thực hành; điểm chuyên cần; điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học được quy định trong ĐCCT học phần **[H5.05.03.01]**.

Để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng trong kiểm tra, đánh giá Nhà trường đã xây dựng các đề thi HP khoa học và chặt chẽ với các bước sau (1) Xác định phạm vi nội dung ra đề; (2) Biên soạn câu hỏi (do các giảng viên phụ trách); (3) Đánh giá lại câu hỏi về mặt nội dung; (4) Đánh giá lại câu hỏi về tính công bằng (fairness); (5) Phân tích thống kê: đánh giá độ khó của câu hỏi, đánh giá khả năng phân biệt trình độ NH của câu hỏi, đánh giá kết quả của các NH cùng trình độ nhưng thuộc các thành phần khác nhau (tôn giáo, dân tộc, giới tính) để xem xét tính công bằng; (6) Thẩm định của các chuyên gia ngoài Nhà trường (khác trường hoặc/và doanh nghiệp); (7) Tổ chức thi; (11) Rà soát, cập nhật, bổ sung hằng năm **[H5.05.03.02]**. Các phương pháp đánh giá kiểm tra và đánh giá kết quả người học được Phòng QLSDH kết hợp với P.KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức việc rà soát theo quy trình sau mỗi đợt thi và trước khi tổ chức thi kết thúc học phần **[H5.05.03.03]**.

Căn cứ trên thống kê kết quả học tập học viên, kết quả bảo vệ đề án và xét công nhận tốt nghiệp, từ đó Phòng QLSDH rà soát và đánh giá các phương pháp kiểm tra người học cho phù hợp. Những thống kê kết quả học tập của học viên mang tính chất

bất thường đều được phân tích chi tiết để tìm hiểu nguyên nhân nhằm có biện pháp điều chỉnh phương pháp đánh giá người học cho phù hợp hơn với CDR **[H5.05.03.04]**.

Danh sách cán bộ coi thi và giám sát thi được phòng thông báo cụ thể cho giảng viên, nhân viên và các phòng chức năng liên quan để thực thi qua email và điện thoại **[H5.05.03.05]**.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên) về mức độ hài lòng với quy trình và phương pháp đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy người học hài lòng với các tiêu chí liên quan đến độ tin cậy và tính công bằng của việc đánh giá **[H5.05.03.06]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và phòng/khoa LKT, cụ thể là GV đã đánh giá kết quả học tập đa dạng qua nhiều hình thức như đánh giá điểm chuyên cần, điểm thảo luận, điểm thuyết trình, điểm thi kết thúc HP... Hình thức thi kết thúc học phần được tiến hành theo một trong các hình thức sau đây: thi viết (tự luận), trắc nghiệm, vấn đáp, viết tiểu luận,... với các tiêu chí chấm điểm được quy định rõ ràng và tương thích với các quy định hiện hành của Bộ GDĐT.

Phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng về hình thức và nội dung, phù hợp với loại hình đào tạo, mục tiêu và CDR từng học phần của CTĐT thạc sĩ LKT.

3. Điểm tồn tại:

Chưa có sự kiểm tra chéo trong việc đánh giá điểm quá trình của các học phần mà chỉ do giảng viên giảng dạy phụ trách.

Chương trình cao học ngành LKT chưa tổ chức khảo sát và đánh giá về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức khảo sát và đánh giá mức độ phù hợp của các loại hình kiểm tra đánh giá từng học phần so với đặc thù bậc cao học ngành LKT.	Phòng QLSĐH; Khoa LKT	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải thiện đa dạng về hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá, phù hợp với loại hình đào tạo, mục tiêu và CĐR từng học phần của CTĐT cao học ngành LKT.	Khoa QTKD; P.QLSĐH	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng:

Việc đánh giá kết quả của người học được Nhà trường quy định cụ thể bằng văn bản theo đúng quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Phan Thiết. Trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học **[H5.05.04.01]**.

Các quy định này được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến từng giảng viên và người học để thực hiện và kiểm tra giám sát, trong đó có các thông tin phản hồi kết quả đánh giá HV giúp HV biết để cải thiện việc học tập của mình **[H5.05.04.02]**.

Theo quy định, giảng viên phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình (bao gồm điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa học phần) trước khi kết thúc môn học **[H5.05.04.01]**. Kết quả học tập của người học được phản hồi kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau như là: đối với từng học phần, cả học kỳ, năm học, khóa học của HV được cập nhật thường xuyên trên website Trường nhưng chỉ có cá nhân HV được Trường

cấp tài khoản truy cập mới có thể xem được; ngoài ra, Phòng QLSDH sẽ gửi kết quả tổng hợp cho từng Khoa để theo dõi chung tình hình học tập của HV Khoa, Khoa cũng có lưu 1 bảng điểm cứng có ký tên của GV, SV để khi cần có thể đối chiếu, kiểm tra; HV có thể tự in bảng kết quả học tập của mình trực tiếp trên website hoặc gửi yêu cầu cho Phòng QLSDH **[H5.05.04.01], [H5.05.04.03]**.

Sau khi biết kết quả kiểm tra đánh giá, HV có thể khiếu nại, phúc khảo kết quả thi nếu chưa hài lòng:

- Đối với điểm đánh giá quá trình, HV sẽ khiếu nại trực tiếp với giảng viên phụ trách học phần khi công bố điểm trên lớp. Giảng viên có trách nhiệm giải đáp các thắc mắc, khiếu nại về điểm quá trình của người học.

- Đối với điểm thi kết thúc học phần, HV có thể nộp đơn xin phúc khảo nếu chưa hài lòng với kết quả đánh giá về Phòng QLSDH trong thời gian 5 ngày kể từ ngày phòng QLSDH công bố kết quả thi **[H5.05.04.04]**.

Phòng QLSDH trả kết quả phúc khảo cho HV trong vòng 2 tuần và cập nhật điểm số vào hệ thống (nếu có thay đổi kết quả).

Hằng năm, Nhà trường cũng sẽ khảo sát các bên liên quan như HV năm cuối, cựu HV và nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo, chất lượng người học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Kết quả sẽ được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC gửi đến các Khoa, trên cơ sở đó, Khoa sẽ định hướng và hiệu chỉnh công tác giảng dạy và đánh giá thi cử hoàn thiện hơn **[H5.05.04.05]**

Tất cả các hình thức đánh giá cũng như kết quả đánh giá người học đều được công bố công khai và kịp thời cho giảng viên và người học biết thông qua Email cá nhân của HV, Website của Phòng QLSDH. Các hình thức thi/kiểm tra còn được quy định trong đề cương chi tiết học phần, trong lịch thi. Ngoài ra, vào đầu khóa học, HV sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo trong các buổi sinh hoạt đầu khóa **[H5.05.04.06]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã có văn bản quy định việc công bố kết quả thi - kiểm tra cho NH thực hiện đúng quy chế của Bộ GD&ĐT. Kết quả thi - kiểm tra được công bố website Phòng QLSDH theo quy định.

Phòng QLSDH phối hợp với Khoa LKT đã tích cực đôn đốc, nhắc nhở học viên trong quá trình học tập cũng như thực hiện đề án tốt nghiệp thạc sĩ để giúp học viên hoàn thành chương trình học tập đúng thời hạn và đạt kết quả tốt.

3. Điểm tồn tại:

Việc công bố điểm thi cho NH được thực hiện thông qua phần mềm quản lý nhưng một số ít NH không thường xuyên sử dụng tài khoản cá nhân cho việc theo dõi tình hình học tập của mình mặc dù đã được phổ biến, hướng dẫn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường nhắc nhở, hướng dẫn NH, nhất là cán bộ lớp về các quy định của Trường gắn liền với quyền lợi NH, trong đó có việc thường xuyên sử dụng, theo dõi tài khoản NH để biết các thông tin cần thiết kịp thời.	Phòng QLĐT; Khoa LKT	Thường xuyên	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quản lý an toàn, hiệu quả kết quả học tập của người học, đôn đốc, nhắc nhở học viên trong quá trình học tập.	Khoa LKT; P.QLĐT	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 5.5 Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng:

Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng cả 2 loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Công thức tính điểm đánh giá kết quả học tập của học viên được áp dụng theo Quyết định số 828/QĐ-ĐHPT ngày 30/12/2023 của Trường Đại học Phan Thiết. Các khiếu nại về kết quả học tập của người học được quy định và hướng dẫn rõ ràng trong các Quy trình thi học kỳ, Quy trình bảo vệ đề án tốt nghiệp với các biểu mẫu rõ ràng và trong Quy chế đào tạo thạc sĩ **[H5.05.05.01]**.

Các Quy định, thủ tục, quy trình khiếu nại về điểm bài thi hoặc xin phúc khảo bài thi đã được Trường ĐHPT hướng dẫn rất rõ ràng tại các văn bản đã được ban hành **[H5.05.04.01]**.

Để giúp người học nắm vững quy định, quy trình khiếu nại kết quả học tập, Nhà trường và Phòng QLSDH có tổ chức sinh hoạt đầu khóa, trong buổi học này Phòng QLSDH và cán bộ chuyên trách phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập để người học nắm bắt, thực hiện và công bố đến HV bằng nhiều hình thức như sinh hoạt đầu khóa đầu năm học, GV trực tiếp giảng dạy học phần **[H5.05.05.02]**.

Cụ thể Quy trình phúc khảo bài thi **[H5.05.04.01]** như sau:

Trong vòng 15 ngày kể từ khi công bố kết quả thi, nếu có khiếu nại về điểm bài thi hoặc xin phúc khảo bài thi thì HV thực hiện như sau:

- HV đến văn phòng QLSDH để làm đơn xin xem lại bài thi và nộp cho chuyên viên phòng.
- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, Phòng QLSDH phản hồi kết quả kiểm tra cho HV bằng nhiều hình như: liên lạc trực tiếp bằng điện thoại thông báo hoặc HV trực tiếp đến văn phòng theo lịch hẹn nhận kết quả.

Kết quả khảo sát quy trình khiếu nại kết quả học tập cho thấy có khoảng 90% HV năm cuối và trên 85% cựu SV đồng ý với nội dung người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập **[H5.05.04.01]**.

Hàng năm, có không quá 2% số người học khiếu nại về kết quả học tập và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

Tất cả các khiếu nại của HV đều được giải quyết kịp thời về việc một số ít trường hợp cộng điểm không chính xác.

2. Điểm mạnh:

Trường ĐHPT đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học, giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Đồng thời, Trường có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ người học trong quá trình giải quyết khiếu nại một cách nhanh chóng và thuận lợi.

Phòng QLSDH có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên để hỗ trợ người học trong suốt quá trình giải quyết khiếu nại về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại:

Một số học viên chưa thực sự quan tâm đến quyền lợi khiếu nại kết quả học tập của bản thân theo quy định Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng QLĐT phối hợp với Khoa LKT thúc đẩy việc thiết kế công cụ phúc khảo trực tuyến cho HV, nhắc nhở GV chấm thi kiểm tra điểm thi thật chính xác trước khi công bố điểm.	P.QLSDH; Khoa LKT	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phổ biến quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập cho người học, giúp người học	Khoa LKT; P.QLSDH	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		đề dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Hoạt động đánh giá kết quả học tập người học từ khâu tuyển sinh đầu vào đến quá trình đào tạo và đầu ra được thiết kế phù hợp bám sát các yêu cầu của CĐR. Quy trình, kế hoạch, hướng dẫn giảng viên lựa chọn, thiết kế các phương pháp đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp để có thể đo lường được mức độ đạt được CĐR. Việc đánh giá kết quả học tập người học được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan trên các phương tiện truyền thông của Trường. Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi kết quả đánh giá của người học được công bố công khai đến từng giảng viên và người học để thực hiện và kiểm tra giám sát. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá đã giúp HV biết để cải thiện việc học tập của mình.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Một số ít giảng viên chưa thật sự chú trọng đúng mức các cấp độ đạt CĐR (vận dụng, sáng tạo) nên một số học phần chưa đạt được yêu cầu đề ra; Phòng QLSDH chưa thường xuyên thực hiện công tác tổng kết, rà soát về mức độ bám sát CĐR trong nội dung các bài kiểm tra đánh giá kết quả của người học.

Điểm đánh giá quá trình được công bố vào buổi học cuối cùng của học phần nên chưa có nhiều thời gian dành cho sự trao đổi trực tiếp giữa giảng viên với người học về từng loại điểm thành phần.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5:

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 5 có năm tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt mức điểm 4/7 và 02 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu:

Chất lượng đào tạo của chương trình thạc sĩ chuyên ngành LKT không chỉ phụ thuộc vào CTĐT mà còn phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ GV. Chất lượng GV bao gồm: bằng cấp, hiểu biết về chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng giảng dạy, khả năng NCKH, đạo đức nghề nghiệp... Đội ngũ GV bao gồm: GV cơ hữu và GV thỉnh giảng là các thầy, cô có học hàm học vị cao, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, kinh nghiệm thực tế đến từ các trường đại học có uy tín khác (Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Đại học Luật Hà Nội...) và các cơ quan, tổ chức (Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân..).

Đội ngũ GV của Khoa tham gia đào tạo thạc sĩ ngành LKT được tuyển dụng có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo trình độ theo quy định, có đủ năng lực để phục vụ công tác giảng dạy và NCKH, PVCD. Việc tuyển dụng GV được thực hiện công khai, minh bạch và đúng quy định. Bên cạnh đó, việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Nhà trường quản lý GV theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCD.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường Đại học Phan Thiết đã triển khai công tác quy hoạch nguồn nhân lực trên cơ sở đánh giá toàn diện nhu cầu của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về công tác cán bộ, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ và gắn với yêu cầu phát triển bền vững của Nhà trường.

Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Trường được xác định trong KHCL phát

triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2040 với mục tiêu chiến lược: “Thực hiện hiệu quả chính sách thu hút và đào tạo nhân tài của tỉnh; coi trọng phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp trong công tác tuyển dụng; đồng thời xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút đội ngũ trí thức có trình độ cao, chuyên môn vững vàng về công tác tại Trường. Căn cứ vào Chiến lược Phát triển NNL Nhà trường đã đề ra các mục tiêu cụ thể, các giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc tại Trường ĐHPT [H6.06.01.01].

Để đảm bảo về số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ, GV, nghiên cứu viên, nhân viên theo đúng KHCL phát triển, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và chính sách về nhân sự [H6.06.01.02]. Hằng năm, HĐT đưa ra các quy hoạch, kế hoạch nhằm củng cố đội ngũ nhân sự của Trường ĐHPT [H6.06.01.03], [H6.06.01.04] căn cứ theo các báo cáo nhu cầu sử dụng và phát triển của Khoa chuyên môn thể hiện qua các Báo cáo tổng kết năm của Khoa LKT [H6.06.01.05]. Các kế hoạch tuyển dụng về nhân sự được phân bổ xuống các đơn vị dưới sự tham mưu và giám sát của Phòng TC-HC [H6.06.01.06]. Khoa LKT đã lập kế hoạch chiến lược nhân sự của Khoa giai đoạn 2020 – 2025 [H6.06.01.07].

Công tác quy hoạch nguồn nhân lực được thực hiện theo quy trình với những tiêu chí rõ ràng, công khai, minh bạch cho từng đối tượng CBGVNV thể hiện qua Biên bản Hội nghị của HĐT về Quy hoạch cán bộ lãnh đạo do HĐT bổ nhiệm và do Hiệu trưởng được phân cấp bổ nhiệm [H6.06.01.08]. Theo đó, Lãnh đạo Nhà trường duyệt kế hoạch, dự trù kinh phí cho các năm để phát triển đội ngũ. Căn cứ nhu cầu tuyển sinh thực tế ở địa phương cố gắng ổn định qua các năm và hướng đến gia tăng dần theo thời gian nên việc tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên là các Tiến sĩ, Phó Giáo sư, Giáo sư, hoặc các Thạc sĩ – Nghiên cứu sinh, các Thạc sĩ đang có ý định học tập, nghiên cứu sinh trong tương lai gần, đặc biệt ưu tiên các giảng viên ở địa phương hoặc có ý định gắn bó với địa phương, Nhà trường. [H6.06.01.08].

Đối với CBGVNV thuộc diện quy hoạch, Nhà trường có các chế độ, chính sách và thù lao phù hợp với năng lực được nêu trong Quy chế tiền lương và thang bảng lương, trong Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao [H6.06.01.09]. Trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cũng như xây dựng Đề án vị trí việc làm được HĐT phê duyệt năm 2018 và được sửa đổi, bổ sung năm 2024 được thực hiện theo quy

trình xây dựng rõ ràng, minh bạch bao gồm các bước thực hiện, nhân sự phụ trách, thành phần hồ sơ, biểu mẫu đang áp dụng đối với công tác này **[H6.06.01.02]**. Để đảm bảo được đội ngũ và chất lượng nguồn nhân lực, Nhà trường đã xây dựng các chính sách về nhân sự để thực hiện tốt công tác quy hoạch, trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài **[H6.06.01.10]**.

Trong thời gian 3 năm vừa qua, để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Khoa luôn thu hút và tuyển dụng GV có trình độ về giảng dạy chương trình thạc sĩ ngành LKT tại Khoa **[H6.06.01.11]**. Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu vững chuyên môn, giàu kinh nghiệm giảng dạy, chương trình thạc sĩ chuyên ngành LKT còn nhận được sự cộng tác thường xuyên của các PGS, TS, ThS từ các trường Đại học trên địa bàn TP. HCM đến giảng dạy, hướng dẫn đề án tốt nghiệp, NCKH,... để giao lưu, trao đổi kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, Khoa còn hỗ trợ thạc sĩ ngành LKT bằng cách mời các chuyên gia của các doanh nghiệp tham gia các buổi giảng dạy để nâng cao tính thực tiễn của học phần, kết hợp giữa lý thuyết, thực hành và xử lý tình huống,... giúp người học có điều kiện để vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết được học vào trong thực tế **[H6.06.01.12]**.

Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng chính sách đào tạo CBGVNV, dành nhiều kinh phí để phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và NCKH, phục vụ cộng đồng cho GV **[H6.06.01.13]**, **[H6.06.01.14]**. Đội ngũ GV của Trường nói chung và của Khoa LKT nói riêng đều được Nhà trường cử đi bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng tốt chuẩn yêu cầu GV giảng dạy của CTĐT ở bậc thạc sĩ **[H6.06.01.15]**, **[H6.06.01.16]**. Hiện nay, Khoa LKT đang có 3 thạc sĩ được Nhà trường tạo điều kiện cử đi học NCS tại các trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Đại học Luật Hà Nội và Đại học Trà Vinh.

Hàng năm, Nhà trường cũng đã ban hành sổ tay học viên để cung cấp thông tin cho các GV, HV cũng như công bố kế hoạch giảng dạy rõ ràng để GV thực hiện **[H6.06.01.17]**. Định kỳ, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến CBGVNV mức độ hài lòng về các chính sách về nhân sự, kết quả đồng thuận rất cao **[H6.06.01.18]**. Kết quả về cơ cấu độ tuổi, giới tính và trình độ chuyên môn của đội ngũ GV, NCV của Khoa giai đoạn

2020–2024 đã được thống kê đầy đủ, làm cơ sở đánh giá hiệu quả công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực của Khoa **[H6.06.01.03]**.

2. Điểm mạnh:

Trường, Khoa xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng GV với các tiêu chí rõ ràng dựa trên chiến lược phát triển đội ngũ, đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.

Đội ngũ GV của Khoa LKT (cơ hữu và thỉnh giảng) có trình độ cao, cơ cấu nhân lực trẻ mạnh về năng lực, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

3. Điểm tồn tại:

Công tác quy hoạch GV của Khoa chưa chú trọng về tỷ lệ nam/nữ.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khi triển khai kế hoạch tuyển dụng nhân sự, Khoa sẽ chú trọng về tỷ lệ nam/nữ để có những đề xuất nhân sự cho phù hợp.	Khoa LKT; P.TCHC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.	Khoa LKT; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	
		Tiếp tục duy trì và phát triển đội ngũ CBGV		Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV

được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ kế hoạch phát triển chuyên môn nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa; nhu cầu đào tạo bồi dưỡng GV; kế hoạch tuyển dụng nhân sự, hàng năm, Trường/ Khoa đã tổ chức tuyển dụng GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Khoa [H6.06.02.01], [H6.06.02.02], [H6.06.02.03], [H6.06.02.04], [H6.06.02.05], [H6.06.02.06], [H6.06.02.07]. Tính đến ngày 31/5/2025, tổng số GVCH của Khoa là 18 người, tham gia giảng dạy thạc sĩ là 11 người, trong đó có 1 PGS, 6 TS. Ngoài GV cơ hữu, hàng năm Khoa còn mời các GV thỉnh giảng là những GV có học vị học hàm cao, có kinh nghiệm giảng dạy từ các trường đại học có uy tín khác như Đại học Luật TP.HCM, Đại học Luật Hà Nội, Đại học Ngoại thương cơ sở HCM, Đại học Kinh tế - Luật,... [H6.06.02.08], [H6.06.02.09], [H6.06.02.10], [H6.06.02.11] và GV có kinh nghiệm thực tiễn đến từ các cơ quan Nhà nước như: Tòa án nhân dân, Cục Thi hành án dân sự... [H6.06.02.10], [H6.06.02.11]. Cho đến nay, tỷ lệ GV/HV của Khoa LKT đáp ứng yêu cầu quy định về chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành của Bộ GDĐT. Đội ngũ GV của Khoa được trẻ hóa, đảm bảo sự cân đối về thâm niên công tác và có tính kế thừa [H6.06.02.02], [H6.06.02.03].

Bảng 6.1. Thống kê đội ngũ GV Khoa LKT trong 3 năm gần nhất

Năm học	Số lượng GV	Trình độ				
		GS	PGS	TS	ThS	ĐH
2022-2023	25	0	2	5	11	7
2023-2024	26	0	2	6	12	6
2024-2025	18	0	1	6	11	0

Căn cứ vào nhu cầu tuyển sinh, đào tạo, cân đối nhân lực Khoa, hàng năm Khoa đều xác định tỷ lệ HV/GV để phân công khối lượng giảng dạy, khối lượng hướng dẫn đề án tốt nghiệp theo đúng quy định của Nhà trường và Nhà nước.

Trong giai đoạn 2023-2024, Khoa LKT đã chủ động tuyển dụng thêm số lượng GV có học hàm cao để đáp ứng nhu cầu đào tạo do đó đã cải thiện tỷ lệ học viên/giảng viên và tỷ lệ này ở năm học 2022-2023. Ngoài đội ngũ GV trực thuộc khoa quản lý, lực lượng GV giảng dạy thuộc các khoa ngoại ngữ, khoa cơ bản, cũng tham gia giảng dạy các học phần liên quan.

Nhà trường ban hành Quy định chế độ làm việc của GV trong đó có các quy định về quy đổi theo giờ chuẩn, hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo chuẩn và đo lường được để giám sát, đánh giá và cải tiến. Nhà trường quy định về khối lượng và thời gian làm việc đối với từng đối tượng; quy định về tiết chuẩn nghĩa vụ; hướng dẫn quy đổi tiết chuẩn, tiết miễn giảm; thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác của GV **[H6.06.02.09]**, **[H6.06.02.10]**.

Nhà trường cũng đã có quy định rất rõ về số giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác; tiêu chuẩn khối lượng công việc đối với từng chức danh trong các quy định về chế độ làm việc của GV. Cụ thể trong quy định về chế độ làm việc của GV, nhiệm vụ của GV gồm: công tác giảng dạy, công tác NCKH và các nhiệm vụ khác như: Cố vấn học tập, coi thi, chấm thi, ra đề thi, tham gia công tác tuyển sinh... Đối với mỗi GV, khối lượng công việc phải hoàn thành là 280 giờ chuẩn giảng dạy và 100 giờ chuẩn NCKH. Từ 01/01/2021 thì giờ chuẩn giảng dạy được nâng lên 350 giờ mỗi năm. Ngoài ra, GV còn tham gia các hoạt động khác như: viết tài liệu giảng dạy học tập, hướng dẫn HV làm đề án TN, NCKH, viết ĐCCT học phần và tham gia xây dựng, cập nhật, sửa đổi CTĐT, cố vấn học tập, chấm thi, công tác đoàn thể. Đối với giảng viên tham gia giảng dạy các học phần cao học được tính theo hệ số 1,5 so với tiết chuẩn giảng dạy ở bậc đại học và được ghi nhận quy đổi cuối năm theo thống kê giờ định mức và vượt giờ cho giảng viên. Còn đối với giảng viên thỉnh giảng sẽ theo quy chế chi tiêu nội bộ được quy định để tính thù lao giảng dạy các học phần. Về NCKH, tùy theo chuyên môn Khoa chia nhiệm vụ NCKH phù hợp với chuyên môn và học vị của từng GV qua các hình thức: Nghiên cứu các đề tài cấp trường; viết bài, đăng công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín; viết các bài báo hoặc báo cáo tham luận tại các hội thảo/hội nghị; biên soạn tài liệu giảng dạy/học tập; hướng dẫn HV thực hiện đề tài NCKH **[H6.06.02.09]**, **[H6.06.02.10]**.

Vào cuối năm học, căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao, mỗi GV thực hiện tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua Bảng

tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác GV năm học, sau đó chuyển về lãnh đạo khoa và cuối cùng là chuyển về Hội đồng thi đua khen thưởng của trường. Kết quả đánh giá này phục vụ cho công tác xếp loại thi đua khen thưởng cuối năm **[H6.06.02.09]**.

2. Điểm mạnh:

Khoa có đủ đội ngũ GV (cơ hữu và thỉnh giảng) có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm, được trẻ hóa để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

Tỷ lệ HV/GV và khối lượng công việc của từng GV Khoa LKT được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Trường góp phần để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù tỷ lệ HV/GV của Khoa đáp ứng yêu cầu theo quy định, nhưng số lượng GV có học hàm học vị GS, PGS, TS của Khoa vẫn còn ít.

Đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các tổ chức, doanh nghiệp còn chưa nhiều, do vậy, phần nào hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn tại các tổ chức DN.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa đề xuất Nhà trường tuyển thêm GV đúng chuyên ngành, ưu tiên tuyển dụng và thu hút các ứng viên là những GS, PGS, TS đến giảng dạy và làm việc để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của Khoa.	Khoa LKT; P. TC-HC	Từ năm 2025-2026	
		Từ năm học 2025-2026, Khoa LKT sẽ tăng cường ký kết hợp tác để mời thêm	Khoa	Từ năm 2025-	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		chuyên gia từ các tổ chức, DN tham gia giảng dạy một số nội dung của các học phần chuyên ngành.	LKT; Phòng TCHC	2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách, khuyến khích NCKH và mời giảng đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các tổ chức, doanh nghiệp để đáp ứng thực tiễn cho HV.	Khoa LKT; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT đã xác định việc phát triển đội ngũ GV và NCV là một yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến 2040. Mục tiêu này được thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể [H6.06.03.01], nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Đồng thời, việc phát triển đội ngũ GV, NCV cũng đã được cụ thể hóa trong các Nghị quyết của Hội đồng Trường, trong đó đề ra các mục tiêu và giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2040 [H6.06.03.01].

Để thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển đội ngũ GV, NCV, Trường ĐHPT cũng đã ban hành các văn bản quy định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên đáp ứng các yêu cầu của Luật Giáo dục đại học và các quy định

hiện hành khác của Nhà nước:

Tuyển dụng nhân sự của Trường ĐHPT là quy trình sàng lọc và tuyển chọn những người có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của vị trí đang được mở ra với mục tiêu dài hạn của Nhà trường. Để công tác tuyển dụng trở thành hành động tiên quyết nhằm có thể xây dựng nên một nền tảng tốt, Trường ĐHPT đã thành lập Hội đồng Tuyển dụng (HĐTD) [H6.06.03.02] mà trong đó các lãnh đạo của Nhà trường và Bộ phận Tổ chức Cán bộ thuộc Phòng TC-HC tham gia trực tiếp vào quá trình tuyển dụng.

Để đảm bảo các nguyên tắc tuyển dụng, Nhà trường đã xây dựng Bộ tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nguồn nhân lực, trong đó bao gồm các tiêu chí về đạo đức, tự do học thuật và học vị học hàm, trong đó đội ngũ CBQL nòng cốt được thực hiện tuyển dụng theo những tiêu chuẩn được xây dựng cụ thể và quy định rõ ràng cho từng chức danh và tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các CBGVNV [H6.06.03.03]. Yêu cầu về trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức đối với việc tuyển dụng GV, Nghiên cứu viên như sau: Có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng; Trình độ chuyên môn: Trình độ Thạc sĩ trở lên, đúng chuyên ngành, đảm bảo tiêu chuẩn của vị trí việc làm dự tuyển và theo các tiêu chuẩn tại Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục đại học công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Trình độ ngoại ngữ: Bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Trình độ tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Có khả năng nghiên cứu khoa học; Có đủ sức khỏe làm việc; Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;... Bộ tiêu chí tuyển dụng được áp dụng giúp Nhà trường thuận lợi trong công tác đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự, vị trí công tác phù hợp với trình độ đào tạo và khả năng của từng người theo hướng chuyên môn hóa sẽ tạo môi trường thuận lợi để nhân sự có điều kiện phát huy sở trường, năng lực theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ đã được đào tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Nhà trường. Tất cả nội dung về tuyển dụng bao gồm Thông báo tuyển dụng với các chức danh, vị trí công việc cùng việc mô tả rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, công việc của từng vị trí cũng như các phẩm chất, năng lực, kỹ năng và thái

độ cần và đủ của từng vị trí được thông báo công khai với số lượng, hình thức dự tuyển trên Website Trường, qua hệ thống Email, website bao gồm website chính thức và website của P.TC-HC và các Phòng, Khoa khác và trên các phương tiện thông tin đại chúng **[H6.06.03.04]**.

Trong 03 năm qua Khoa Luật Kinh tế đã thực hiện kế hoạch và chiến lược phát triển hiệu quả đã tiếp nhận và tuyển dụng mới... GV đảm bảo chất lượng và số lượng **[H6.06.03.05]**. Sau khi đạt yêu cầu về các tiêu chí tuyển dụng các ứng viên phải trải qua vòng phỏng vấn và tiến hành thao giảng trước Hội đồng tuyển dụng của Nhà trường để đánh giá về khả năng sư phạm. Sau khi được tuyển dụng, GV phải trải qua thời gian tập sự là 01 năm. Trong 01 năm tập sự này Lãnh đạo khoa sẽ phân công 01 GV cơ hữu có nhiều năm kinh nghiệm hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự. Hết thời gian tập sự GV phải được khoa xem xét đánh giá và gửi hồ sơ về Phòng TC-HC trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định trở thành GV cơ hữu của trường **[H6.06.03.06]**.

Trường ĐHPT cũng đã ban hành văn bản quy định về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự:

Việc bổ nhiệm CBQL được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CBQL, các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHPT, được thông qua HĐT đối với các chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và Trưởng các đơn vị. Đối với các chức danh cấp phó các đơn vị và các vị trí GV, nhân viên được bổ nhiệm thông qua tập thể lãnh đạo Nhà trường và HĐTD để đảm bảo việc bổ nhiệm các CBQL có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức phù hợp, đồng thời tuân thủ chặt chẽ Quy trình bổ nhiệm được thể hiện cụ thể trong Mục 4, Điều 16 về Điều động nhân sự và bổ nhiệm Trưởng đơn vị thuộc Trường Điều động nhân sự và bổ nhiệm Trưởng đơn vị thuộc Trường và Điều 17 về Điều động và bổ nhiệm Phó trưởng đơn vị thuộc Trường thuộc Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm cán bộ quản lý, các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHPT **[H6.06.03.07]**. Hàng năm, công tác tự đánh giá và đánh giá năng lực quản lý, phẩm chất đạo đức và khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao đối với đội ngũ CBQL vẫn được thực hiện một cách minh bạch, rõ ràng và công bằng thể hiện qua các Thông báo, Biên bản của Hội nghị rà soát, giữ nguyên, bổ sung hoặc đưa ra ngoài quy hoạch **[H6.06.03.08]**. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có văn bản tách bạch thống kê về kết quả

thực hiện công việc của các cán bộ đã được tuyển dụng, bổ nhiệm mà chỉ dựa vào Báo cáo tự đánh giá cá nhân và có các ý kiến của cán bộ các cấp [H6.06.03.09].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành và triển khai các quy chế quy định trong đó có các tiêu chí rõ ràng (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ GV. Các tiêu chí này được tổ chức góp ý và được phổ biến công khai trong toàn trường.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù, các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển chưa nhiều, nhất là GV có học hàm, học vị cao. Do vậy, việc thu hút GV giỏi giàu kinh nghiệm gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa kiến nghị với Nhà trường đa dạng hơn các hình thức thông báo tuyển dụng để các ứng viên có thể tiếp cận được nhiều hơn: thông báo trên báo điện tử, truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu HV.	Khoa LKT; Ban TTTT & QTM	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn những giảng viên phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc.	Khoa LKT; P. TC-HC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ các quy định của Nhà nước về xác định tiêu chuẩn năng lực đối với các nhóm GV khác nhau. Đồng thời căn cứ quy chế tổ chức hoạt động của Trường và mục tiêu chiến lược phát triển, Nhà Trường đã xây dựng quy định tiêu chuẩn năng lực các chức danh gồm các yêu cầu về phẩm chất, bằng cấp, năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm trong đó đặc biệt chú ý đến phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý [H06.06.04.01]. Đối với GV, các năng lực về giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được quy định rất rõ trong Quy định về chế độ làm việc của GV. Trong đó, năng lực lựa chọn và áp dụng các PPDH, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực NCKH và PVCĐ [H6.06.04.01]. Đến nay, tất cả GV của Khoa LKT đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện chương trình giảng dạy. PPDH của GV Khoa LKT cũng đa dạng và được thể hiện cụ thể trong ĐCCT của từng học phần, GV sử dụng nhiều phương tiện giảng dạy, sử dụng nhiều cách thức khác nhau để đánh giá việc học của HV. Chính vì vậy GV giảng dạy các học phần thuộc Khoa LKT phần lớn được HV đánh giá từ tương đối tốt khi tham gia giảng dạy các học phần chuyên ngành Khoa [H6.06.04.02], [H6.06.04.03], [H6.06.04.04].

Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, nghiên cứu viên để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của GV thông qua ban hành các chính sách về đánh giá và khen thưởng và được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương [H6.06.04.05]. Các chính sách này giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau như: Đối với GV: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Chất lượng thực hiện các công tác chung của Khoa, Trường theo sự phân công của lãnh đạo; Mức độ chấp hành nội quy của Trường; Mức độ tham gia các công tác PVCĐ. Đối với cán bộ, nhân viên: Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao; Mức độ chấp hành nội

quy của Trường; Mức độ tham gia các công tác chung, phong trào của đơn vị và Trường. Kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học là kết luận cuối cùng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của GV **[H6.06.04.02]**, **[H6.06.04.03]**, **[H6.06.04.04]**, **[H6.06.04.05]**, **[H6.06.04.06]**, **[H6.06.04.07]**. Việc đánh giá năng lực của GV và NCV được Nhà trường triển khai định kỳ hằng tháng và hằng năm nhằm bảo đảm tính liên tục và hiệu quả trong công tác quản lý, phát triển đội ngũ. Hằng tháng, từng cá nhân thực hiện tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, mức độ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và phong trào; kết quả này được Trường Khoa xem xét và làm căn cứ để chi trả lương hằng tháng **[H6.06.04.08]**. Hằng năm, căn cứ thông báo đánh giá phân loại nhân sự từ Phòng TC-HC, Khoa tổ chức đánh giá phân loại từng GV và NCV, sau khi cá nhân GV, NCV tự đánh giá, Khoa tổ chức họp toàn thể để thảo luận, đánh giá trình độ chuyên môn, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, mức độ tham gia các hoạt động chuyên môn, NCKH và PVCD **[H6.06.04.09]**. Đồng thời, vào mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV, đây là cơ sở để đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Kết quả đánh giá là căn cứ để Khoa xem xét, đề xuất và bình chọn danh hiệu thi đua theo đúng tiêu chuẩn, quy định của Nhà trường **[H6.06.04.10]**. Sau khi Khoa hoàn tất việc đánh giá và đề xuất, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường tiến hành họp để thẩm định, xét duyệt và xếp loại thi đua chính thức cho toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên trong toàn Trường **[H6.06.04.11]**.

Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến đóng góp của GV về các quy chế quy định trong trường, góp ý về năng lực GV thông qua việc góp ý của các công đoàn viên trong các kỳ đại hội công đoàn, hội nghị người lao động thường niên, qua việc khảo sát ý kiến GV, HV cuối năm học,... nhằm đảm bảo tính thống nhất sử dụng trong Nhà trường **[H6.06.04.12]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, có quy trình hướng dẫn cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá, đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực đội ngũ.

3. Điểm tồn tại:

Năng lực NCKH, trình độ ngoại ngữ của các GV chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ đề xuất với Trường mở các lớp đào tạo tiếng Anh miễn phí hoặc có hỗ trợ kinh phí cho GV nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh và tiếp tục mở các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ về phương pháp giảng dạy, phương pháp NCKH. Nhà trường và Khoa tăng cường công tác tuyển dụng các GV có học hàm, học vị cao về công tác tại Khoa.	Khoa LKT;	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc.	Khoa LKT; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng:

Xác định nhu cầu và triển khai các hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV và NCV là một trong những nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Trường nói chung và Khoa

Tài chính – Kế toán – Ngân hàng nói riêng. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBGVNV, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo từng giai đoạn 5 năm, dựa trên định hướng chiến lược và mục tiêu phát triển chung của Trường **[H6.06.05.01]**.

Nhà trường cũng đã triển khai các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB-GV-NV. Trong định hướng phát triển của Nhà trường việc đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng, GV của Trường ĐHPT đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ sư phạm. Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ bằng cách kết hợp các loại hình đào tạo khác bao gồm: (i) Đào tạo dài hạn, chính quy (tiến sĩ, thạc sĩ), (ii) Đào tạo và bồi dưỡng liên tục cho phù hợp với nhu cầu phát triển của từng khoa/trung tâm; (iii) Các GV tự học tập và bồi dưỡng để không ngừng nâng cao năng lực của bản thân; (iv) Tạo ra các môi trường và điều kiện để GV có thể phát triển các năng lực của mình – Xây dựng tổ chức học tập như khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Trường ĐHPT tổ chức, Phương pháp nghiên cứu ngành luật,... thực hiện mục tiêu Chiến lược Phát triển đội ngũ theo mô hình Văn hóa kỷ luật, các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn...

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV và NCV được xây dựng dựa trên yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, và được triển khai thực hiện theo lộ trình cụ thể. Đồng thời, Khoa LKT đã xây dựng kế hoạch đào tạo cho GV, NCV trên cơ sở nhu cầu về nguồn nhân lực và nguyện vọng cá nhân của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chuyên môn và năng lực giảng dạy, nghiên cứu. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trường và Khoa trong từng giai đoạn, hằng năm Khoa đều thực hiện rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ theo yêu cầu của CTĐT và đưa vào kế hoạch hoạt động của năm học **[H6.06.05.02]**; Phòng Tổ chức – Hành chính có trách nhiệm tổng hợp và tham mưu cho Ban Giám hiệu để cụ thể hóa thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm **[H6.06.05.03]**.

Trường ĐHPT cũng triển khai các Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn được xây dựng dựa trên yêu cầu của hoạt động tổ chức đào tạo, nhu cầu được đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và phù hợp với

kế hoạch chiến lược phát triển của CSGD. Kế hoạch được xây dựng dựa trên yêu cầu của hoạt động tổ chức đào tạo, nhu cầu được đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và phù hợp với KHCL phát triển của Trường như Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, Quy chế đào tạo - Bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho CB-GV-NV **[H6.06.05.03]**. Qua khảo sát nhu cầu về đội ngũ thể hiện trên Báo cáo tổng kết và đề xuất của các đơn vị **[H6.06.05.04]**.

Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn **[H6.06.05.03]** của Trường ĐHPT được thực hiện: i) Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên (ĐTBDTX) và tổ chức triển khai kế hoạch ĐTBDTX cho CBGVNV theo thẩm quyền và trách nhiệm được giao; ii) Hướng dẫn CB-GV xây dựng kế hoạch ĐTBDTX cá nhân, phê duyệt kế hoạch ĐTBDTX cá nhân; iii) Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, đôn đốc CB-GV thực hiện kế hoạch BDTX đã được phê duyệt trong phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được giao; iv) Thực hiện chế độ theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường đối với CB-GV tham gia ĐTBDTX; v) Tổ chức đánh giá, tổng hợp, xếp loại báo cáo kết quả ĐTBDTX của CB-GV; vi) Đề nghị Ban Giám hiệu hoặc Phòng chức năng có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc xử lý đối với tổ chức, cá nhân có thành tích hoặc vi phạm trong việc thực hiện công tác ĐTBDTX.

Nhà trường đã ban hành các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV, NCV, trong đó quy định rõ về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi cũng như các chính sách thu hút và giữ chân nhân sự có trình độ cao **[H6.06.05.05]**.

Hàng tháng, Khoa căn cứ đề xuất được hỗ trợ về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV thông qua phiếu đánh giá xếp loại kết quả lao động **[H6.06.05.06]** và theo nhu cầu, nguyện vọng đột xuất được đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân; Khoa tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, lập kế hoạch và trình Nhà trường xem xét. Trên cơ sở đó, Nhà trường tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng hoặc ban hành Quyết định cử GV, NCV tham gia đào tạo, bồi dưỡng phù hợp **[H6.06.05.07]**.

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường và Khoa tổ chức rà soát, đánh giá hằng năm và được sử dụng làm tiêu chí trong công tác đánh giá, xếp loại danh hiệu thi đua năm học. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV, NCV được thực hiện

một cách rõ ràng, công khai, minh bạch, kèm theo Quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân [H6.06.05.08]. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV, đây là cơ sở để đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV, từ đó xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho GV nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [H6.06.05.09].

Trong giai đoạn 2020 – 2024, Nhà trường đã cử GV, NCV tham gia các khóa đào tạo trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Văn bằng 2, cụ thể:

Bảng 6.1. Thống kê danh sách GV, NCV Khoa LKT được cử đi đào tạo giai đoạn 2020-2024

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo
1	Nguyễn Thị Bích Phượng	Tiến sĩ	2018-2025
2	Phạm Thị Hồng Tâm	Tiến sĩ	2022-2028
3	Nguyễn Duy Xuân	Tiến sĩ	2024-2027
4	Nguyễn Thị Kim Quyên (TCHC)	Thạc sĩ	2021-2023
5	Nguyễn Thị Khánh Trâm	Thạc sĩ	2022-2024
6	Nguyễn Thị Kim Quyên	Thạc sĩ	2023-2025
7	Nguyễn Kim Long	Thạc sĩ	2023-2025
8	Nguyễn Thị Khánh Trâm	Văn bằng 2	2023-2025

Số lượng GV, NCV được cử đi đào tạo giai đoạn 2020–2025, với nhiều trình độ khác nhau gồm thạc sĩ, văn bằng 2 và tiến sĩ. Việc cử đi đào tạo diễn ra đều đặn qua các năm, thể hiện sự chú trọng của đơn vị trong nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ.

Theo Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng hằng năm, Nhà trường đã tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, NCV. Các khóa học này thu hút được sự tham gia đông đảo của đội ngũ CBGVNV, cho thấy tinh thần học tập tích cực và sự quan tâm của Nhà trường đến việc phát triển nguồn nhân lực

chất lượng cao [H6.06.05.10].

Công tác đào tạo cho đội ngũ cán bộ, GV trẻ mới tuyển dụng của Khoa Luật kinh tế được Nhà trường chú trọng thực hiện nhằm giúp đội ngũ mới này nhanh chóng tiếp cận, hòa nhập để nắm bắt và định hướng làm việc phù hợp với Nhà trường.

Bảng 6.2. Thống kê số lượt tham gia bồi dưỡng, tập huấn Khoa LKT giai đoạn 2020-2024

TT	Nội dung	Lượt người tham gia				
		2020	2021	2022	2023	2024
1	Tham gia Hội thảo, Hội nghị, làm việc với chuyên gia.....	3	6	7	3	3
2	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn...	3	7	13	19	2
Tổng		6	13	20	22	5

Bảng 6.2 cho thấy số lượt tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn của Khoa LKT trong giai đoạn 2020–2025 có sự biến động rõ rệt qua các năm. Trong đó, số lượt tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn so với các hoạt động hội thảo, hội nghị, làm việc với chuyên gia. Năm 2023 ghi nhận số lượt tham gia cao nhất với tổng cộng 22 lượt, trong đó có 19 lượt tham gia các khóa đào tạo chuyên môn và 03 lượt tham gia hội thảo, hội nghị. Những con số này phản ánh sự quan tâm và đầu tư của Nhà trường trong việc nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên, góp phần đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Có trên 80% GV, NCV của Khoa được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn ít nhất 2 lần từ năm 2020 đến nay và có trên 75% GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường.

Công tác đào tạo bồi dưỡng được triển khai nhận được sự đồng thuận và tích cực tham gia của toàn thể CB-GV-NV thông qua các hình thức khảo sát, họp rút kinh nghiệm

để Nhà trường có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo, giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt được hiệu quả cao [H6.06.05.10].

2. Điểm mạnh:

Phần lớn GV trẻ của Khoa đều nỗ lực học tập và có nhu cầu tham gia các CTĐT, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Khoa, Trường đã khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của GV để xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ.

3. Điểm tồn tại:

Việc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chưa đồng đều giữa các năm; một số thời điểm số lượt tham gia còn thấp. Hoạt động đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn ở bậc Tiến sĩ còn hạn chế, số lượng giảng viên được cử đi học chưa nhiều

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích giảng viên chủ động đăng ký các khóa học nâng cao, đặc biệt là trình độ Tiến sĩ.	Khoa LKT;	Từ năm 2025-2026	
		Khoa LKT tăng cường, khuyến khích các GV của Khoa khi tham gia các chương trình hợp tác quốc tế, các Hội thảo trao đổi chuyên môn và nghiên cứu khoa học ở nước ngoài, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ GV cho	Khoa LKT;	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		sự phát triển và hội nhập của Khoa LKT nói riêng và của Trường nói chung trong thời đại CMCN 4.0.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức lấy ý kiến đánh giá giảng viên sau mỗi khóa học nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo.	K.LKT; P.KT-ĐBCL-TT&PC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Hệ thống quản trị theo kết quả công việc của GV và NCV được Nhà trường triển khai như một quy trình toàn diện, bao gồm các bước: xác định nội dung, mục tiêu công việc; tổ chức thực hiện; theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện. Mục tiêu của hệ thống nhằm đảm bảo hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của GV và NCV, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược chung của Trường.

Để đảm bảo tính minh bạch và công bằng, Nhà trường đã xây dựng các quy trình và tiêu chí đánh giá rõ ràng, làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả công việc, xếp loại thi đua, công nhận và khen thưởng. Các tiêu chí này được quy định cụ thể trong các văn bản nội bộ, bao gồm: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại Trường, Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, Quy định về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, nghỉ việc riêng của CBGVNV, Quy chế làm việc của CBGVNV, Quy định đánh giá, phân loại cán bộ, giảng viên, nhân viên, Quy chế thi đua, khen thưởng, Hướng dẫn về việc khen thưởng chuyên đề “Dạy tốt – Học tốt” [H6.06.06.01]. Trên cơ sở các quy chế, quy định của Trường, Khoa LKT đã xây dựng

bảng mô tả công việc cụ thể cho từng vị trí quản lý và từng giảng viên trong Khoa. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, các GV và nghiên cứu viên NCV còn được phân công thực hiện các nhiệm vụ khác như: hướng dẫn thực tập, coi thi, xây dựng CTĐT,... Việc phân công được thực hiện một cách rõ ràng, minh bạch, căn cứ vào năng lực chuyên môn và khối lượng công việc, nhằm đảm bảo hiệu quả và chất lượng trong thực hiện nhiệm vụ được giao **[H6.06.06.02]**. Công tác đánh giá kết quả công việc của GV, NGV được thực hiện công khai, minh bạch và theo quy trình chặt chẽ từ cấp Khoa đến cấp Trường. Kết quả đánh giá được Nhà trường công khai thông qua hình thức gửi email đến toàn thể cá nhân và đơn vị trong Trường, đảm bảo sự minh bạch, đồng thuận và trách nhiệm giải trình.

Quy trình tổ chức đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV, NCV hằng năm được thực hiện theo các bước sau:

- *Tự đánh giá của GV, NCV*: Trường ban hành các quy định cụ thể về trách nhiệm và tiêu chí đánh giá đối với từng GV, NCV **[H6.06.06.03]**. Theo đó, vào cuối mỗi năm học (tháng 8), từng cá nhân thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xây dựng kế hoạch công tác cho năm học tiếp theo, đồng thời tự xếp loại và đề xuất danh hiệu thi đua tương ứng **[H6.06.06.04]**.

- *Đánh giá tại cấp Khoa*: Trên cơ sở bản tự đánh giá của GV, NCV, Khoa tiến hành họp toàn thể để thảo luận, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và tham gia các hoạt động của từng cá nhân. Kết quả cuộc họp là cơ sở để bình chọn danh hiệu thi đua theo đúng tiêu chuẩn, quy định của Trường **[H6.06.06.05]**.

- *Đánh giá tại cấp Trường – Hội đồng Thi đua, Khen thưởng*: Sau khi các đơn vị hoàn tất đánh giá và đề xuất danh hiệu thi đua, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường tiến hành họp để thẩm định, đánh giá và chính thức xét duyệt, xếp loại thi đua cho toàn thể CBGVNV **[H6.06.06.06]**.

Bên cạnh hình thức đánh giá nội bộ từ cấp Khoa và cấp Trường, hoạt động đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên còn được thực hiện thông qua kênh đánh giá từ người học ở tất cả các hệ đào tạo. Cụ thể, vào cuối mỗi học kỳ, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên thông qua phần mềm xem điểm thi. Trong những năm gần đây, kết quả khảo sát từ sinh viên cho thấy mức độ hài lòng cao

đối với hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên **[H6.06.06.07]**.

Từ năm 2022, Nhà trường đã triển khai thực hiện quy định đánh giá, phân loại GV, NCV theo từng tháng. Quy trình đánh giá được tiến hành trên cơ sở cá nhân tự đánh giá và lãnh đạo Khoa đánh giá. Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị chủ trì, có trách nhiệm tổng hợp và tham mưu cho Ban Giám hiệu ra quyết định phân loại GV, NCV theo bốn mức: loại A (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ), loại B (Hoàn thành tốt nhiệm vụ), loại C (Hoàn thành nhiệm vụ) và loại D (Không hoàn thành nhiệm vụ). Kết quả phân loại này là căn cứ để chi trả lương hàng tháng, chi lương tháng 13, xét danh hiệu thi đua và nâng lương thường xuyên theo quy định **[H6.06.06.08]**. Đối với giảng viên có kết quả xếp loại cuối năm từ loại B trở lên và đáp ứng các tiêu chí về định mức giảng dạy, NCKH, PVCD theo quy định, sẽ được xem xét tăng lương 5% trên mức lương bậc hiện tại. Đối với lãnh đạo Khoa, việc xem xét tăng lương được căn cứ vào kết quả đánh giá công việc hằng năm và thời gian xét nâng lương là 36 tháng làm việc với mức tăng 10% trên mức lương hiện tại.

Hàng năm, Khoa báo cáo về công tác thi đua và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân theo quy chế hiện hành, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của Trường sẽ tiến hành xem xét và quyết định hình thức khen thưởng thông qua hình thức biểu quyết giờ tay. Phòng Tổ chức - Hành chính có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ theo quy định, bao gồm Bản tự nhận xét của GV, NCV, biên bản họp đánh giá và biên bản xếp loại danh hiệu thi đua của Khoa trong từng năm học **[H6.06.06.09]**. Kết quả đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng của CBGVNV trong từng năm học được tổng hợp, thống kê và gửi đến toàn thể CBGVNV đang làm việc tại trường để nắm thông tin và thực hiện các quyền lợi liên quan **[H6.06.06.10]**.

Từ kết quả đánh giá hiệu quả công việc, Nhà trường triển khai chế độ khen thưởng tương ứng nhằm ghi nhận và động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hiệu trưởng ban hành quyết định đối với các hình thức thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền **[H6.06.06.11]**, đồng thời đề xuất các danh hiệu, hình thức thi đua khen thưởng ở cấp cao hơn **[H6.06.06.12]**. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thực hiện hiệu quả công tác khen thưởng theo chuyên đề và khen thưởng đột xuất đối với những cá nhân có đóng góp nổi bật cho sự phát triển chung của Trường **[H6.06.06.13]**.

Kết quả đánh giá công việc của GV, NCV cũng được sử dụng làm căn cứ quan trọng trong việc xác định định hướng đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để Nhà trường xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, điều động đội ngũ GV, NCV một cách phù hợp. Trên nền tảng đó, Nhà trường đã xây dựng và triển khai các chính sách thiết thực nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ GV, NCV, như hỗ trợ học phí cho cán bộ theo học các chương trình đào tạo tại Trường và tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn nhằm phát triển kỹ năng, chuyên môn nghề nghiệp **[H6.06.06.14]**.

Tất cả CBNVGV của Trường đều được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát sự hài lòng và lấy ý kiến của CBNVGV về các quy chế, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, chính sách khen thưởng. Kết quả khảo sát sẽ là căn cứ để Nhà trường rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy chế quản trị kết quả công việc của GV, NCV nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. **[H6.06.06.15]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã triển khai hệ thống quản trị theo kết quả công việc một cách bài bản, minh bạch và có sự tham gia từ nhiều cấp. Quy trình đánh giá rõ ràng, kết hợp giữa tự đánh giá, đánh giá của đơn vị và phản hồi từ học viên. Kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả trong thi đua, khen thưởng, nâng lương và phát triển đội ngũ. Nhà trường cũng có chính sách hỗ trợ chuyên môn, đồng thời thường xuyên lấy ý kiến đóng góp để cải tiến quy trình.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa lượng hóa rõ các tiêu chí cụ thể về hoạt động phục vụ cộng đồng trong bảng đánh giá công tác năm học, dẫn đến khó khăn trong việc quản trị kết quả công việc cá nhân theo hướng toàn diện.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường sẽ nghiên cứu, xây dựng và lượng hóa rõ ràng các tiêu chí đánh giá hoạt động PVCD trong bảng đánh giá công tác năm học, đảm bảo phản ánh đầy đủ và toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân.	P. TC-HC, K. LKT	Từ năm 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống quản trị công việc theo hướng minh bạch, công bằng, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý, đánh giá và lưu trữ dữ liệu. Đẩy mạnh việc lấy ý kiến phản hồi từ người học và cán bộ giảng viên nhằm hoàn thiện quy trình đánh giá.	P. TC-HC, K. LKT	Từ năm 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Hoạt động NCKH của Khoa được triển khai dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú như: tổ chức hội thảo khoa học, viết giáo trình, sách chuyên khảo, bài giảng, bài báo trên các tạp chí uy tín... Nhà trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở các quy định, các văn bản hướng dẫn có liên quan đến KHCN, các văn

bản pháp quy của Chính phủ và của Bộ GDĐT [H6.06.07.01]; Nhà trường ban hành các quy chế, quy định, các hướng dẫn công việc, các quy trình nghiệp vụ,... liên quan đến các chính sách về KHCN, trong đó có các quy định về vấn đề SHTT, Quy trình, hướng dẫn đăng ký bảo hộ SHTT; Quy trình, hướng dẫn chuyển giao công nghệ; các quy tắc đạo đức trong NCKH trong chuyển giao công nghệ và hợp tác nghiên cứu; Quy định về trích dẫn và chống đạo văn,... [H6.06.07.01]. Bên cạnh các văn bản pháp quy, Nhà trường còn ban hành nhiều văn bản chi tiết triển khai cụ thể xuống từng Khoa như: Quy định về chế độ làm việc đối với GV, trong đó quy định tiết chuẩn NCKH nghĩa vụ cho mỗi GV là 100 tiết/năm. Hoạt động NCKH, hướng dẫn HV NCKH là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi GV. Trong mỗi năm học, GV phải thực hiện ít nhất 01 hoạt động NCKH được công nhận và quy đổi tiết chuẩn. Kèm theo Quy định về nghĩa vụ của GV trong hoạt động NCKH là phần Phụ lục, hướng dẫn cách quy đổi các hoạt động NCKH ra tiết chuẩn và số điểm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH của GV; Các văn bản tài chính liên quan đến hoạt động NCKH như: Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ... [H6.06.07.01], [H6.06.07.02]. Tất cả các văn bản này đều được công bố công khai trên Website và gửi đến các đơn vị để triển khai thực hiện.

Căn cứ KHCL về KHCN, Phòng QLKH & HTQT xây dựng kế hoạch hàng năm với các chỉ số rõ ràng cụ thể cho hoạt động NCKH của GV và hoạt động NCKH cho HV. Bên cạnh kế hoạch của Phòng QLKH & HTQT, Khoa LKT cũng xây dựng kế hoạch về hoạt động NCKH của đơn vị mình [H3.06.07.03].

Hàng năm, Phòng QLKH & HTQT tổ chức cho GV đăng ký NCKH và xét duyệt đề tài với các tiêu chí rõ ràng và nhận đăng ký NCKH HV từ các Khoa. Sau khi được ký hợp đồng, các chủ nhiệm đề tài triển khai, Phòng QLKH & HTQT theo dõi tiến độ thực hiện, nếu trễ hạn hoặc hủy hợp đồng, chủ nhiệm đề tài làm tờ trình gia hạn hoặc hủy trình BGH xem xét. Khi đến hạn nghiệm thu theo hợp đồng, Phòng QLKH & HTQT sẽ tổ chức nghiệm thu đề tài [H6.06.07.01].

Trường hợp GV không thực hiện đủ số tiết NCKH, Nhà trường sẽ đưa vào không chế việc xét lương, thi đua khen thưởng, chế độ ưu tiên được xét đi học nâng cao,... và được quy định rõ trong quy chế thi đua khen thưởng [H6.06.07.02].

Các công trình NCKH của đội ngũ GV và học viên cao học tham gia luôn được giám sát chất lượng bởi HĐKH của Khoa và của Nhà trường. Các ấn phẩm khoa học của Khoa bao gồm Sách chuyên khảo; Giáo trình phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành Kế toán; Tài liệu học tập các học phần chuyên Khoa LKT do Khoa quản lý; các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; các bài báo được đăng trên những Tạp chí chuyên ngành uy tín và các Hội thảo khoa học các cấp có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng [H6.06.07.04], [H6.06.07.05]. Số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học tăng dần qua các năm đặc biệt là đối với đội ngũ giảng viên Khoa Luật kinh tế trong các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

Bảng 6. 2. Thống kê kết quả NCKH của GV Khoa LKT 3 năm gần đây

	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Khoa Luật Kinh tế	767	1303	458
Khoa Công nghệ thông tin	277	496	572
Khoa Du lịch	1115	875	205
Khoa Ngoại ngữ	1315	802	428
Khoa Quản trị kinh doanh	573	269	574
Khoa Tài chính-Kế toán-Ngân hàng	669	876	710
Khoa Cơ bản	250	478	789
Khoa Kỹ thuật công nghệ	391	129	37
Tổng	5357	5228	3773

Sau mỗi lần đối sánh, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV đã có sự cải thiện rõ. Dựa theo bảng 6.2 cho thấy khối lượng NCKH của GV Khoa LKT liên tục được cải thiện cả về số lượng lẫn chất lượng và có tổng kết quả NCKH thường chiếm

tỉ lệ cao so với các khoa khác trong trường; qua đó đã góp phần truyền tải thông tin, kiến thức cùng với việc đưa ra những giải pháp thực tiễn về NCKH và PVCD của GV của Khoa trong 3 năm học vừa qua [H6.06.07.04], [H6.06.07.05].

Khoa LKT định kỳ tổ chức buổi Hội nghị Khoa học nhằm tạo điều kiện cho các GV trao đổi các xu hướng nghiên cứu mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, đồng thời thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa. Trong năm 2022-2023 kết quả nghiên cứu khoa học tăng hơn so với năm trước khá cao. Với các thành tích về NCKH nên hàng năm Khoa LKT đã có nhiều GV xếp loại hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học [H6.06.07.06].

Số lượng các đề tài đề án tốt nghiệp của học viên cao học có tính ứng dụng cao đối với các tổ chức, đơn vị sử dụng và tăng dần qua các năm từ 2022-2025.

Cuối năm học, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến GV về hoạt động NCKH và xem đó như là một kênh thông tin giúp Nhà trường cải tiến hoạt động này được tốt hơn [H6.06.07.07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng một hệ thống văn bản quy định cụ thể về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện. Các hoạt động NCKH của GV được giám sát đánh giá hàng năm bởi các cá nhân, Khoa, phòng QLKH&HTQT và có cải tiến chất lượng qua hàng năm.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế chưa nhiều, chưa có các đề tài NCKH cấp tỉnh, Bộ và cấp Nhà nước vì vậy chưa phản ánh được quy mô và tiềm năng của Khoa.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc	Khoa đẩy mạnh hoạt động NCKH	Khoa LKT;	Từ năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	phục tồn tại	của GV bằng nhiều hình thức như: khen thưởng xứng đáng đối với các GV có các đề tài cấp Bộ và cấp Nhà nước; chế tài các GV chưa hoàn thành nghĩa vụ NCKH.	P.TC-HC	2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích giảng viên nỗ lực trong công tác đào tạo, NCKH.	Khoa LKT; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Khoa LKT xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng GV với các tiêu chí rõ ràng dựa trên chiến lược phát triển đội ngũ, đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Đội ngũ GV của Khoa LKT (cơ hữu và thỉnh giảng) có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm, được trẻ hóa, cân bằng về độ tuổi, để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Tỷ lệ GV/HV và khối lượng công việc của từng GV Khoa LKT được xác định rõ ràng và được giám sát bởi Khoa, các đơn vị chức năng trong Trường góp phần để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường đã ban hành và triển khai các quy chế quy định trong đó có các tiêu chí rõ ràng xác định năng lực của GV, để bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ GV, triển khai đánh giá GV. Quy định cụ thể về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện. Các hoạt động NCKH của GV được giám sát đánh giá hàng năm bởi các cá nhân, P. QLKH-HTQT. Các tiêu chí này được tổ chức góp ý và được phổ biến công khai trong toàn trường.

Phần lớn GV trẻ của Khoa đều nỗ lực học tập và có nhu cầu tham gia các CTĐT,

bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Khoa, Trường đã khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của GV để xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ.

Nhà trường có các quy chế, quy định với các tiêu chí rất cụ thể, rõ ràng (có định lượng) để đánh giá hiệu quả công việc của GV kịp thời, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của GV trong trường. Trong giai đoạn đánh giá, nhiều GV của Khoa đạt các danh hiệu như: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; giấy khen của Hiệu trưởng; đạt thành tích trong NCKH.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Công tác quy hoạch GV của Khoa LKT chưa chú trọng về tỷ lệ nam/nữ. Mặc dù tỷ lệ HV/GV của Khoa đáp ứng yêu cầu theo quy định, nhưng số lượng GV có học hàm học vị GS, PGS, TS của Khoa vẫn còn ít. Đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các tổ chức, doanh nghiệp còn chưa nhiều, do vậy, phần nào hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn tại các tổ chức DN.

Năng lực NCKH, trình độ ngoại ngữ của các GV chưa đồng đều. Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế có điểm số cao chưa nhiều, chưa có các đề tài NCKH cấp Tỉnh, Bộ và cấp Nhà nước vì vậy chưa phản ánh được quy mô và tiềm năng của Khoa.

Học viên cao học chưa có nhiều công trình nghiên cứu được đăng trên các Tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Một số khóa đào tạo bồi dưỡng Nhà trường có kế hoạch thực hiện nhưng chưa được tổ chức như Tiếng Anh.

Chưa lượng hóa các tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCD để quản trị kết quả công việc của GV.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 6:

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí, trong đó có 05 tiêu chí đạt mức 5/7 và 02 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu:

Chất lượng đào tạo phụ thuộc nhiều vào sự tương tác giữa GV và người học. Tuy nhiên, GV không thể hoàn thành tốt công việc nếu như không có sự trợ giúp tốt từ đội ngũ NV hỗ trợ. Đội ngũ NV hỗ trợ hoạt động hiệu quả sẽ dẫn đến các hoạt động trong Nhà trường luôn thông suốt, kết quả học tập của HV và hiệu quả giảng dạy của GV sẽ tốt hơn. Đội ngũ NV của Trường nói chung và của Khoa LKT nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phục vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Bên cạnh đó Nhà trường còn có hệ thống quản lý hiệu quả công việc cũng như có kế hoạch đào tạo phát triển chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực đội ngũ NV hỗ trợ này.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ vào mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn, dựa vào các nhu cầu nguồn nhân sự của từng đơn vị, Nhà trường phân tích nhu cầu và lập dự báo nguồn nhân lực đối với từng nhóm chức danh trong đó có dự báo nhu cầu về đội ngũ NV làm việc tại các đơn vị như thư viện, phòng máy, trợ lý khoa, và các dịch vụ hỗ trợ khác để xây dựng kế hoạch tuyển dụng, lựa chọn đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H7.07.01.01]. Nhà trường giao cho Phòng TC-HC thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho BGH trong công tác tổ chức cán bộ, quản lý nhân sự; công tác đào tạo, bồi dưỡng và được cụ thể hóa các nhiệm vụ trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị được ban hành năm 2021 và Đề án Xây dựng Vị trí Việc làm năm 2018 và được rà soát, cập nhật lại vào năm 2022 [H7.07.01.02], [H7.07.01.03]. Từ đề án vị trí việc làm đã được xây dựng, hằng năm Nhà trường đều có các kế hoạch tuyển dụng nhằm đáp ứng các nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ cho ngành LKT trình độ thạc sĩ. Bên cạnh đó, Trường cũng đã có ban hành về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục và đào tạo [H7.07.01.03].

Hiện nay, NV làm việc tại các bộ phận hỗ trợ (thư viện, phòng, ban, khoa,...) của Trường đảm bảo cả số lượng và chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H7.07.01.04], [H7.07.01.05], [H7.07.01.06]. Cụ thể, nhân viên

hỗ trợ đến từ nhiều phòng ban khác nhau trong Nhà trường, trong đó mỗi phòng ban có những chức năng, nhiệm vụ riêng biệt nhằm đảm bảo cho các nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ của thạc sĩ ngành LKT đã thực hiện một cách hiệu quả và nhanh chóng. Tất cả các chức năng, nhiệm vụ của các vị trí nhân viên hỗ trợ đều được quy định rõ ràng trong bảng mô tả công việc của nhân viên ở từng đơn vị. Ngoài ra, số lượng nhân viên hỗ trợ khá đông và đa số có trình độ từ đại học trở lên, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, phù hợp với vị trí việc làm đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của khoa được hoàn thành tốt và đúng tiến độ.

Bảng 7.1. Số lượng nhân viên (Tính đến ngày 25/6/2025)

Đơn vị	Trình độ cao nhất đạt được					Tổng số
	Khác	TC/CĐ	ĐH	ThS	TS	
Phòng Tổ chức - Hành chính	18		4	6		28
Phòng Quản lý đào tạo			12	3	1	16
Phòng Kế hoạch-Tài chính		1	4			5
Phòng QLKH&HTQT			1	3	1	5
Phòng KT-ĐBCL-TT&PC			3	3		6
Phòng CTCTSV&HTDN		1	1	3		5
Thư viện			1			1
Phòng QL & PTDA				1	1	2
Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực				2	1	3
Trợ lý Khoa LKT			1			1

Cán bộ đảm nhận công tác Thư viện có đủ năng lực cho việc giải đáp thắc mắc, dịch vụ mượn, trả sách, tìm kiếm nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu độc giả, được phân công lao động một cách khoa học, phù hợp với cá nhân đồng thời gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển. Sự phân công có chuyên môn phù hợp, kết hợp với đội ngũ phục vụ trực tiếp là cộng tác viên nên thư viện đáp ứng tối đa được nhu cầu cũng như tâm tư của độc giả là Cán bộ, GV cũng như học viên; tạo sự gần gũi, thân thiện, tương đồng trong môi trường thư viện. Hàng năm theo quy định của Nhà trường, thư viện đều lấy ý kiến của người đọc để kịp thời điều chỉnh và nâng cao chất lượng phục vụ cho GV và HV trong công tác giảng dạy, học tập và NCKH [H7.07.01.04], [H7.07.01.05], [H7.07.01.07].

Cán bộ phòng máy tính có đủ số lượng và năng lực được tuyển chọn có chuyên môn bao gồm: chuyên viên quản trị mạng, chuyên viên hỗ trợ kỹ thuật, chuyên viên quản trị website Trường, nhân viên khắc phục sự cố máy tính để thực hiện các chức năng như bảo trì, cài đặt, lắp đặt thiết bị, máy tính văn phòng cho Trường, Khoa và các phòng ban [H7.07.01.04], [H7.07.01.05], [H7.07.01.06].

Riêng đội ngũ cán bộ hỗ trợ học viên thì ngoài các công tác chuyên môn cụ thể được giao, trợ lý Khoa LKT, các chuyên viên Phòng QLSDH, cùng với Giáo viên chủ nhiệm đều có thể hỗ trợ HV về các vấn đề học vụ, giải đáp các thắc mắc của HV về các vấn đề liên quan đến học tập..., tất cả các CB, NV đều có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, nắm rõ tất cả các quy chế, quy định của Nhà trường [H7.07.01.04], [H7.07.01.05], [H7.07.01.06]. Phòng QLSDH là bộ phận thực hiện trực tiếp quản lý, công tác hỗ trợ HV. Trung tâm phát triển nguồn nhân lực cung cấp các chứng chỉ như anh văn, tin học,... Phòng QLSDH là nơi liên hệ trực tiếp của HV Khoa [H7.07.01.04], [H7.07.01.05], [H7.07.01.06]. Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường luôn tiến hành khảo sát ý kiến HV để đánh giá chất lượng phục vụ của đội ngũ NV, từ đó lập kế hoạch nhân sự cho phù hợp [H7.07.01.08]. Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên cho thấy người học khá hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H7.07.01.09].

2. Điểm mạnh:

Căn cứ nhu cầu và dự báo nguồn nhân lực hỗ trợ, Nhà trường và Khoa đã lập kế hoạch, tuyển dụng, thu hút đội ngũ NV hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Đội ngũ NV hỗ trợ cho Khoa hiện nay đủ về số lượng và trình độ đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

3. Điểm tồn tại:

Công tác NCKH và phục vụ cộng đồng ở đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa chưa thường xuyên và chưa có tính tiên phong. Một số CBNV hỗ trợ của các phòng, ban còn thay đổi vị trí công việc nên việc quy hoạch đội ngũ nhân viên còn chưa đảm bảo tính ổn định, lâu dài.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần tăng cường chính sách động viên nhân viên, quy hoạch đội ngũ nhân viên phù hợp giữa vị trí việc làm với trình độ chuyên môn, năng lực để đảm bảo tính ổn định lâu dài của đội ngũ CBNV hỗ trợ. Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, khuyến khích nhân viên tự nguyện NCKH để hoàn thiện khả năng đáp ứng các nhu cầu xã hội ngày càng đổi mới đa dạng	Khoa LKT; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		và phát triển trong những giai đoạn tiếp theo.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên giỏi.	Khoa LKT; P. TCHC	Từ năm 2025-2026	
		Tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn cho Đội ngũ NV hỗ trợ và có thâm niên và kinh nghiệm trong công tác hỗ trợ đạt hiệu quả và sự hài lòng từ GV và HV.	Khoa LKT; P.TCHC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

Để tuyển chọn được đội ngũ NV hỗ trợ đáp ứng nhu cầu sử dụng và bổ sung lực lượng lao động cần thiết nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược đã xây dựng, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV rõ ràng và cụ thể. Về tiêu chuẩn tuyển dụng, ngoài tiêu chuẩn chung, còn các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh, từng vị trí việc làm [H7.07.02.01].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích và khảo sát nhu cầu của các đơn vị chuyển lên. Cụ thể: Hàng năm, Nhà trường xem xét công việc cụ thể được phân công và hoàn thành trong báo cáo tổng kết năm học của các cá nhân để làm cơ sở đánh giá về khối lượng công

việc được giao, mức độ hoàn thành để xác định kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm bổ sung nhân sự, giúp các đơn vị đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ của các đơn vị và của Khoa [H7.07.02.02]. Ngoài ra, Trường còn dựa vào các báo cáo phân tích dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan về đội ngũ nhân viên hỗ trợ và dựa vào báo cáo tổng kết cuối năm của các đơn vị để xây dựng các tiêu chí tuyển dụng và điều chuyển nhân viên. Căn cứ trên chỉ tiêu về đội ngũ cán bộ hỗ trợ của của Nhà trường và căn cứ trên đề nghị tuyển dụng của Khoa, Trường sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa. Việc điều chuyển nhân sự giữa các bộ phận trong trường tùy theo nhu cầu của các đơn vị và năng lực cá nhân của từng NV [H7.07.01.03], [H7.07.01.04], [H7.07.01.05].

Tất cả nội dung về tuyển dụng bao gồm Thông báo Tuyển dụng với các chức danh, vị trí công việc cùng việc mô tả rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, công việc của từng vị trí cũng như các phẩm chất, năng lực, kỹ năng và thái độ cần và đủ của từng vị trí được thông báo công khai với số lượng, hình thức dự tuyển trên Website Trường, qua hệ thống Email, websites bao gồm website chính thức và website của Phòng TCHC và các Phòng, Khoa khác và trên các phương tiện thông tin đại chúng theo nhu cầu được xác định trong các Biên bản rà soát bổ sung nhân sự của Khoa [H7.07.02.06]. Ngoài ra, để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Nhà trường còn thành lập Hội đồng tuyển dụng và cập nhật nhân sự phù hợp thực tế hoạt động theo từng năm học, đặc biệt trong Hội đồng này có đại diện của lãnh đạo Khoa. Kết quả tuyển dụng được báo cho ứng viên biết và công bố công khai sau khi ứng viên được Hội đồng đồng ý tuyển dụng [H7.07.02.07].

2. Điểm mạnh:

Nhờ quy trình tuyển dụng chặt chẽ và tiêu chí rõ ràng, Trường đã tuyển được đội ngũ NV đáp ứng yêu cầu công việc. Các NV sau tuyển dụng nhanh chóng hòa nhập và đóng góp thiết thực cho hoạt động của Nhà trường nói chung và Khoa LKT nói riêng.

3. Điểm tồn tại:

Các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên có học hàm, học vị cao, giàu kinh nghiệm nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường sẽ tăng cường các kênh thông tin khác nhau để các ứng viên có thể được tiếp cận nhiều hơn.	Khoa LKT; P.TCHC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn những nhân viên phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc.	Khoa LKT; P.TCHC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng:

Để đánh giá năng lực đội ngũ, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và ban hành các văn bản quy định về quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá rõ ràng về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ... Các quy định này được phổ biến công khai trên hệ thống hoạch định nguồn nhân lực, đặc biệt là trong Đề án Vị trí việc làm và Quy chế về công tác thi đua khen thưởng của Trường [H7.07.03.01].

Ngoài hệ thống đánh giá năng lực NV theo quy trình của Nhà trường, năng lực đội ngũ NV còn được đánh giá bởi CB-GV và HV hàng năm do Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức khảo sát độc lập.

Việc đánh giá năng lực NV được thực hiện dưới nhiều cấp và theo đúng quy trình: từ NV tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá qua cuộc họp tổng kết năm học và bỏ phiếu bầu chọn danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua. Trường các đơn vị dựa vào các kết quả trên để đánh giá xếp loại lao động và cuối cùng là phần đánh giá của Hội đồng đánh giá Nhà trường [H7.07.03.02].

Tùy vào từng vị trí công việc cụ thể mà Nhà trường có quy định, tiêu chí đánh giá về những tiêu chuẩn về trình độ, năng lực cũng như các kỹ năng cần thiết **[H7.07.03.03]**. Đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà trường, các GV kiêm nhiệm công việc CVHT luôn có giờ trực công việc cụ thể (2 buổi/tuần).

Để có thể xác định, phân loại được năng lực của đội ngũ NV bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan, hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của CB-GV-NV được Nhà trường xây dựng là một quá trình gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công việc giữa CBQL và NV nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu công việc được thực hiện thành công, đóng góp vào mục tiêu chung của Trường. Nội dung này được thực hiện hiệu quả sẽ là một trong những công cụ giúp Nhà trường lựa chọn được nguồn nhân lực ưu tú, trả lương hiệu quả, công bằng, kích thích được năng suất lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện công việc của Trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm tổng hợp bảng đánh giá hiệu quả công việc của CBGVNV hàng năm **[H7.07.03.04]**.

Việc ĐGNL đội ngũ NV còn được thực hiện thông qua việc chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ dựa trên các tiêu chí về ĐBCLGD theo quy định và được Hội đồng cấp Khoa, cấp Trường xem xét công nhận. Các CB hỗ trợ của Khoa hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, trong đó có CB đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và được nâng lương trước hạn. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Nhà trường đối với những thành tích đóng góp của đội ngũ hỗ trợ **[H7.07.03.05]**.

Tuy nhiên, Đội ngũ NV chưa tiên phong trong công tác PVCD. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích dành riêng cho CB NV hỗ trợ trong việc NCKH, viết bài đăng tạp chí,...

Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn thực hiện việc đánh giá chất lượng công việc và phân loại thi đua cho các CB hỗ trợ nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Sự phục vụ của đội ngũ NV hỗ trợ còn được đánh

giá thông qua các ý kiến phản hồi từ người học và các bên liên quan bằng hoạt động khảo sát mức độ hài lòng về việc phục vụ của đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật viên [H7.07.03.06]. Bên cạnh đó, trước khi ban hành chính thức các quy định, quy trình, quy chế, thì Nhà trường luôn phổ biến rộng rãi cho CBGVNV thông qua email nội bộ của Trường gửi các văn bản dự thảo, nhằm tổ chức lấy ý kiến của tất cả CB-GV-NV trong trường góp ý cho các quy chế, quy định đã ban hành để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp. Kết quả khảo sát cho thấy sự nhất trí cao với CBGVNV đánh giá công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên là phù hợp [H7.07.03.07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội NV hỗ trợ của Khoa LKT đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

Đội ngũ NV của Khoa có kinh nghiệm. Hoạt động đánh giá, phân loại đội ngũ NV công bằng, công khai thông qua các báo cáo khảo sát công tác lấy ý kiến đánh giá của người học và GV về thái độ, năng lực làm việc của đội ngũ NV.

3. Điểm tồn tại:

Đội ngũ NV chưa tiên phong trong công tác phục vụ cộng đồng. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích dành riêng cho CB NV hỗ trợ trong việc NCKH, viết bài đăng tạp chí...

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa LKT sẽ đề xuất Nhà trường cần xem xét lại quy định đánh giá đối với đội ngũ NV hỗ trợ nhằm	Khoa LKT; P. TCHC	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách quản lý nguồn nhân lực để phát triển đội ngũ nhân viên một cách toàn diện. Tiếp tục nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên và nhân viên.	Khoa LKT; P. TCHC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhằm mục đích nâng cao trình độ, kỹ năng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho NV, Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu phát triển của Trường hoặc theo nhu cầu đào tạo của các đơn vị. Đồng thời khuyến khích các CBGVNV tích cực cập nhật kiến thức, bồi dưỡng kỹ năng và học tập nâng cao trình độ đảm bảo chất lượng và hiệu quả công việc.

Để xác định đúng nhu cầu đào tạo Nhà trường đã tiến hành kiểm tra tổng thể trình độ và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ, thực hiện phân tích nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo từng giai đoạn 5 năm trên cơ sở mục tiêu, chiến lược phát triển Trường. Cụ thể: vào đầu năm học, đội ngũ NV các đơn vị đăng ký đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng về nhu cầu phát triển nhân lực của đơn vị và Nhà Trường. Các đơn vị tiếp nhận, tổng hợp và báo cáo về Nhà trường, Phòng TC-HC tổng hợp, phân

tích nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cụ thể từng năm học [H7.07.04.01], [H7.07.04.02].

Đối với các NV trẻ mới tuyển dụng được nhận thử việc 2 tháng, việc đánh giá nhân sự mới một phần được dựa trên đánh giá nhận xét của đơn vị mà NV về thực tập. Nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV dựa trên các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm được phê duyệt với các hình thức đào tạo bồi dưỡng sau: (i) Đào tạo tại chỗ: về nội quy, chính sách, lề lối làm việc, phương pháp giảng dạy; (ii) Đào tạo nội bộ: các lớp Anh văn giao tiếp, vi tính văn phòng, các kỹ năng mềm, (giao tiếp, làm việc đội nhóm, quản lý thời gian...); (iii) Đào tạo chuyên sâu: do Nhà trường chủ động liên hệ hoặc tiếp nhận thông tin đào tạo của các tổ chức bên ngoài về các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù; (iv) Tự đào tạo chuyên sâu: do cá nhân CBGVNV có nhu cầu theo học các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc đào tạo SDH và nộp chứng chỉ, chứng nhận về trường ĐHPT sau mỗi khóa đào tạo [H7.07.04.01], [H7.07.04.03], [H7.07.04.04].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách cho các hoạt động năm học trong đó có ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ NV [H7.07.04.03]. Nhà trường cũng đã ban hành các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài; chính sách hỗ trợ kinh phí cho CBGVNV tham gia các CTĐT trong và ngoài nước. Cụ thể:

Đối với CBGVNV được Trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng (trong nước hoặc nước ngoài): i) Được bố trí nghỉ làm việc để đi học theo lịch của cơ sở đào tạo; ii) Được Trường hỗ trợ tiền học phí (nếu có); iii) Trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng CBGVNV được hưởng tiền lương và các chế độ khác theo các quy định hiện hành của Trường.

Giai đoạn 2020-2024, Nhà trường đã cử đi CBGVNV tham gia các khóa đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ, cụ thể:

Bảng 7.4.1. Thống kê số lượng CBGVNV được cử đi đào tạo giai đoạn

2020-2024

Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024
Đào tạo văn bằng 2	1	4	0	13	0
Đào tạo trình độ Tiến sĩ	0	0	1	0	0
Đào tạo trình độ Thạc sĩ	3	0	5	7	3
Tổng số	4	4	6	20	3

**Bảng 7.4.2. Thống kê số lượt tham gia bồi dưỡng, tập huấn giai đoạn
2020-2024**

TT	Nội dung	Lượt người tham gia				
		2020	2021	2022	2023	2024
1	Tham gia Hội thảo, Hội nghị, làm việc với chuyên gia.....	260	307	250	395	19
2	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn...	115	270	142	290	29
Tổng		375	577	392	685	48

**Bảng 7.4.3. Thống kê kinh phí dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho
đội ngũ CBGVNV giai đoạn 2020-2024**

Năm	2020	2021	2022	2023	2024
Kinh phí (đồng)	71.400.000	96.440.000	41.000.000	550.955.000	298.100.000
Tổng	1.240.970.000				

Ngoài các chính sách hỗ trợ nêu trên, Nhà trường còn hỗ trợ tìm học bổng và thực hiện các thủ tục cần thiết đối với CBGVNV cơ hữu có nguyện vọng và năng lực theo học các CTĐT Tiến sĩ, Thạc sĩ theo chương trình học bổng trong hoặc ngoài nước. Sau khi hoàn thành CTĐT, CBGVNV sẽ được tiếp nhận và bố trí công tác tại đơn vị cũ hoặc bổ nhiệm vào các vị trí cao hơn, đồng thời được hưởng các chế độ đãi ngộ tương đương học hàm, học vị mới. Thời gian theo học các chương trình này vẫn được tính vào thâm niên công tác tại Trường **[H7.07.04.03]**.

Chính nhờ vào sự quan tâm, hỗ trợ về vật chất và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian của Nhà trường mà đã có 03 GV của Khoa LKT đang theo học NCS tại: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Đại học Luật Hà Nội, Đại học Trà Vinh. **[H7.07.04.05]**. Điều này cũng khẳng định được rằng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV Khoa LKT nói riêng và CB-GV-NV toàn trường nói chung, luôn luôn được xác định và được Nhà trường triển khai đáp ứng nhu cầu thực tế này.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn xác định cụ thể nhu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và triển khai kế hoạch để đáp ứng nhu cầu của đội ngũ này.

3. Điểm tồn tại:

Một số NV còn chưa thực sự ý thức về nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vì vậy chưa đưa vào kế hoạch công tác cá nhân.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường sẽ đưa tiêu chí “ <i>Nhu cầu về đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ</i> ” vào mẫu kế hoạch cá nhân để đánh	Khoa LKT; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		giá mức độ hoàn thành công việc.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát triển các CTĐT nâng cao kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên.	Khoa LKT; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Việc quản trị theo kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được Nhà trường quan tâm và triển khai định kỳ hàng năm.

Nhà trường, Khoa LKT đánh giá kết quả thực thi công việc của đội ngũ NV theo hệ thống các quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV và công tác thi đua khen thưởng **[H7.07.05.01]**.

Việc quản trị theo kết quả công việc của NV được Nhà trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật, thông qua hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ này, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Hệ thống các quy định, quy chế này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học, bao gồm: Quy định về tổ chức hoạt động của Trường; Nội quy lao động, Quy định về chế độ làm việc đối với CB-GV-NV; Quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương; Quy chế chi tiêu nội bộ **[H7.07.05.02]**. Những NV hỗ trợ hoàn thành công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động

tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, giấy khen của Hiệu trưởng và được khen thưởng cũng như nâng lương trước thời hạn **[H7.07.05.03]**.

Nhà trường và Khoa đã triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá công việc của đội ngũ NV dựa trên các quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công, dựa trên kế hoạch công tác cá nhân mà mỗi NV đã xây dựng. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, khoa học và thông qua hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống phần mềm quản lý nhân sự **[H7.07.05.01]**.

Đề thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD của đội ngũ NV hỗ trợ, tất cả NV của Khoa đều có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, kênh theo dõi, giám sát của Nhà trường. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV được triển khai và thực hiện nghiêm túc thông qua Trưởng các đơn vị và Hội đồng Thi đua – Khen thưởng theo các văn bản quy định của Nhà trường, Khoa **[H7.07.05.05]**.

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ theo dõi của Phòng TCHC, thông tin ghi nhận và báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân; phòng KT, ĐBCL & TT, thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, ĐTN, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của Lãnh đạo đơn vị đối với từng cá nhân thuộc đơn vị mình quản lý mà mỗi cá nhân NV, Khoa và Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá hiệu quả công việc của mỗi NV hỗ trợ **[H7.07.05.03]**.

Ngoài ra, các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương đã giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (Ngày thành lập Trường, ngày khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và tổng kết năm học,...) Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong công tác các cấp (Trường, thành phố, trung ương,...). Điều đó chính là yếu tố động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích

cực hơn trong công tác, sẵn sàng đóng góp công sức cho hoạt động của Khoa LKT và Nhà trường [H7.07.05.01], [H7.07.05.03]. Các NV và CB hỗ trợ của Khoa hoàn thành công việc được giao luôn được triển khai đánh giá trước tập thể và xét tặng những danh hiệu xứng đáng như Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen của Ban Giám hiệu. Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng thì những CB hỗ trợ có kết quả làm việc tốt, đạt 2 năm liền chiến sỹ thi đua đáp ứng các tiêu chuẩn của Nhà trường sẽ được xét nâng bậc lương trước thời hạn theo đúng quy định.

Hàng năm, để chuẩn bị cho năm học mới, Phòng TC-HC tổ chức lấy ý kiến góp ý của tất cả CBGVNV trong trường cho các quy chế quy định mà Nhà trường đã ban hành. Các đơn vị cũng thường xuyên có các buổi họp định kỳ để lấy ý kiến một cách dân chủ, làm cơ sở đề xuất với nhà Trường các kiến nghị của các đơn vị về đội ngũ NV hỗ trợ. Qua đó tất cả NV đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Điều đó giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin khách quan xây dựng các quy chế quy định giúp Nhà trường quản trị kết quả công việc của CB-GV-NV được hiệu quả [H7.07.05.04].

Kết quả đánh giá các cấp được công khai tại các buổi họp và trên tài khoản cá nhân của NV. Các danh hiệu thi đua khen thưởng được đăng tải trên trang nội bộ của Trường. Vì vậy, 100% NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường. Tính đến thời điểm này, chưa có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng.

Trong báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hàng năm của Khoa đã thể hiện cụ thể: 100% GV hoàn thành tốt nhiệm vụ, 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được HV, GV đánh giá cao. Việc hoàn thành tốt nhiệm vụ của đội ngũ NV ở các mặt được phân công cụ thể trong bảng phân công nhiệm vụ như: hoạt động giảng dạy của trường, hoạt động ĐBCLGD, hoạt động Công đoàn, hoạt động Đảng,...

100% NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Sự công nhận và khen thưởng hàng năm được triển khai kịp thời chính là động lực cho đội ngũ NV tích cực hơn trong công tác nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà

trường. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn quan tâm tiếp thu ý kiến của GV và HV thông qua khảo sát mức độ hài lòng về công tác hỗ trợ của đội ngũ CB, NV, kỹ thuật viên để kịp thời khen thưởng đột xuất, nâng lương trước thời hạn cho các cá nhân, tập thể có những đóng góp cụ thể, xuất sắc trong các hoạt động của trường nhằm xây dựng hoạt động này thực sự trở thành hoạt động có ý nghĩa trong phân loại và đánh giá CB hỗ trợ, góp phần giúp đội ngũ này cải thiện hiệu quả công việc của mình. Việc thực hiện đánh giá, xếp loại đội ngũ NV được thực hiện công khai dân chủ và nhận được sự đồng thuận cao của tất cả NV.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên, quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Tất cả nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc.

3. Điểm tồn tại:

Do chỉ tiêu khen thưởng, danh hiệu thi đua hàng năm còn hạn chế, nên số lượng NV hỗ trợ đạt các danh hiệu thi đua còn ít, các hình thức khen thưởng cho đối tượng này chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần có chính sách động viên, khen thưởng cho những NV đạt thành tích cao trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCD bằng cách	BGH; Khoa LKT, P.TCHC, P. KHTC	Từ năm học 2025 - 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		tăng chỉ tiêu khen thưởng cho các đối tượng này và có các hình thức khen thưởng đa dạng hơn.			
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục rà soát và xác định rõ ràng những nhu cầu về việc nâng cao chuyên môn của đội ngũ NV và CB hỗ trợ. Để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	BGH; Khoa LKT, P.TCHC, P. KHTC	Từ năm học 2025 - 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Nhà trường và Khoa LKT đã lập kế hoạch nhân sự, tuyển dụng, thu hút đội ngũ NV hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ; Đội ngũ CB-NV hỗ trợ có trình độ và chuyên môn, có thâm niên và kinh nghiệm trong công tác hỗ trợ đạt hiệu quả và sự hài lòng từ GV và HV.

Quy trình tuyển dụng chặt chẽ và tiêu chí rõ ràng, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội NV hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và triển khai kế hoạch để đáp ứng nhu cầu của đội ngũ NV.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ NV hỗ trợ, có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ và có chính sách khen thưởng kịp thời và minh bạch.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Một số NV hỗ trợ tại các đơn vị chức năng là NV hợp đồng, chưa được đào tạo bài bản nên còn lúng túng trong việc giải quyết một số tình huống. Mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển có trình độ cao vẫn còn chưa nhiều. Một số NV còn chưa thực sự ý thức về nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vì vậy, chưa đưa vào kế hoạch công tác cá nhân.

Các NV mới vào làm chưa đủ năm không được tham gia đánh giá và phải đợi đến đợt đánh giá năm sau. Điều này có thể khiến việc đánh giá NV thiếu kịp thời. Do chỉ tiêu khen thưởng, danh hiệu thi đua hàng năm còn hạn chế, nên số lượng NV hỗ trợ đạt các danh hiệu thi đua còn ít, các hình thức khen thưởng cho đối tượng này chưa được đa dạng.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 7:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm và 02 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Học viên cao học ngành Luật kinh tế Trường ĐHPT được học tập và rèn luyện trong môi trường tốt. Chính sách tuyển sinh được được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Học viên ngành Luật kinh tế được giám sát sự tiến bộ trong học tập chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm đến hệ thống giảng viên, cố vấn học tập, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan trong Nhà trường. Trong quá trình học tập tại trường, sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được giám sát và hỗ trợ kịp thời, giúp cải thiện việc học tập và khả năng nâng cao trình độ chuyên môn sau khi ra trường. Bên cạnh đó, yếu tố tâm lý học đường luôn được Trường quan tâm. Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an toàn, văn minh và thân thiện đã góp phần tạo không khí học tập, nghiên cứu thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh tế có chính sách tuyển sinh rõ ràng, đầy đủ, chi tiết thông qua Đề án/chính sách tuyển sinh hàng năm của Nhà trường được thông báo và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và Phòng Quản lý Sau đại học, được tóm tắt trên các tờ rơi, trên fanpage của Nhà trường, ... **[H8.08.01.01]**. Đối với bậc cao học ngành Luật kinh tế, Trường ĐHPT đã xây dựng các chính sách tuyển sinh **[H8.08.01.02]**, truyền thông khác nhau và thành lập các Hội đồng tuyển sinh để thực hiện nhiệm vụ này. Cụ thể như hàng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch chung cần làm gì và kế hoạch cụ thể cho từng công tác như làm như thế nào, bộ phận, cá nhân nào phụ trách để đạt hiệu quả cao trong công tác tuyển sinh bậc sau đại học. Bên cạnh kế hoạch tuyển sinh, vào thời điểm trước năm 2023 để khuyến khích tinh thần học tập cho CBGVNV tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn tại trường Nhà trường đưa ra chính sách tạo điều kiện cho CBGVNV được nghỉ làm thứ bảy khi tham gia các khóa học, tiếp tục thời điểm sau 27/3/2023 Nhà trường bổ sung thêm chính sách giảm 50% học phí cho CBGVNV khi tham gia khóa học nâng cao trình độ chuyên môn tại trường. Như vậy với chính sách trên những năm trước chưa thực sự thu hút học viên do đó Nhà trường có sự thay đổi chính sách thu hút hơn như từ ngày 27 tháng 3 năm 2023 có thêm chính sách giảm 10% học phí toàn khóa cho HV là cựu SV; anh, chị, em, vợ/chồng hoặc cha, mẹ và các con cùng học tại trường; giảm 15% cho sinh viên tốt nghiệp xuất sắc đại học hệ chính quy và giảm 20% cho sinh viên tốt nghiệp thủ khoa các ngành đại học chính quy và giảm 10% học phí năm thứ nhất cho HV là đối tượng được SV, HV của Nhà trường giới thiệu đến học theo QĐ số 455/QĐ-ĐHPT ngày 25/12/2021. Song song với các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHPT đã xây dựng đề án tự chủ tuyển sinh với các phương thức, chính sách tuyển sinh riêng và được điều chỉnh cho phù hợp hàng năm.

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học, HĐTS sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường và trên cả nước, phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu

chí tuyến, vùng tuyến, công tác truyền thông, ... Trên cơ sở này xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tuyển sinh tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt [H8.08.01.01], **[H8.08.01.02]**.

Để thông tin đến gần hơn với thí sinh cả nước, Trường ĐHPT chú trọng truyền thông trên tất cả các kênh thông tin như đăng tin thông báo trên các đài truyền hình, các báo, các loa phát thanh tại các địa phương trong tỉnh. Tận dụng tối đa công nghệ thông tin, Trường ĐHPT đã xây dựng hệ thống tư vấn tuyển sinh qua kênh Fanpage ĐHPT tại địa chỉ: <http://facebook.com/upt.edu.vn>, Tư vấn tuyển sinh tại website, chat trực tuyến, điện thoại tư vấn trực tiếp (0252) 6508 186 để tư vấn, giải đáp cho thí sinh những thông tin, quy chế tuyển sinh của Nhà trường, đồng thời định hướng, hướng dẫn để thí sinh có thể lựa chọn được ngành học phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của bản thân... **[H8.08.01.03]**.

Để có sự chuyên môn hoá cao, năm 2015, Trường ĐHPT đã thành lập Ban truyền thông **[H8.08.01.04]**. Trường ĐHPT triển khai rộng rãi, không chỉ ở các trường THPT, Trung tâm, các sở ban ngành tại Bình Thuận mà còn ở các tỉnh thành lân cận. Định kỳ hàng năm, Trường ĐHPT tham gia “Ngày hội tư vấn tuyển sinh” được Báo Tuổi trẻ tổ chức tại Bình Thuận thu hút đông đảo người học quan tâm tìm hiểu về Trường **[H8.08.01.05]**.

Công tác tuyển sinh và tình hình nhập học của thí sinh hàng năm là bài toán khó đối với nhiều trường đại học hiện nay và nhất là các trường đại học ngoài công lập, mà Trường ĐHPT không phải là ngoại lệ. Vì vậy, nhằm đảm bảo Nhà trường tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, tuyển được người học có chất lượng, phù hợp với ngành đào tạo, Nhà trường không ngừng cập nhật cải tiến chính sách tuyển sinh, quy trình tuyển sinh, xét tuyển và nhập học, cải tiến phương thức tuyển, tiêu chí tuyển, cải tiến công tác truyền thông, ... Các quy trình nhận hồ sơ xét tuyển được điều chỉnh cải tiến sao cho thuận tiện nhất cho thí sinh như: nộp hồ sơ online, tư vấn trực tuyến, ...

Các chính sách tuyển sinh được Nhà trường xây dựng theo đúng các quy định hiện hành của Bộ GDĐT, dựa trên sự góp ý của các bên liên quan, phân tích tình hình tuyển sinh, xét tuyển, nhập học của năm trước và tình hình tuyển sinh chung từ đó dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cần tuyển. Hàng năm, Nhà trường đã dựa vào dự báo nhu cầu về

nhân lực của từng ngành nghề để có chính sách tuyển sinh phù hợp, đồng thời, Trường đã tổ chức ngày hội việc làm hay cuộc gặp mặt các cựu HV để lắng nghe ý kiến đóng góp về chương trình đào tạo, về trình độ chuyên môn các HV cần có, về nhu cầu nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp hiện nay **[H8.08.01.06]**.

Số lượng HV được tuyển vào ngành Luật kinh tế trình độ thạc sĩ gần 4 năm (2022 -2025) như sau: 21 HV (Khóa 1 năm 2022), 18 HV (Khóa 2 năm 2023), 19 HV (Khóa 3, năm 2024) **[H8.08.01.07]**.

2. Điểm mạnh:

Chính sách tuyển sinh cao học ngành Luật kinh tế được xác định rõ ràng là cơ sở đảm bảo số lượng thí sinh và tăng cường chất lượng tuyển sinh.

Chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh dự tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

3. Điểm tồn tại:

Công tác quảng bá tuyển sinh chưa tạo ra sự hấp dẫn, thu hút thí sinh dự tuyển.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng QLSDH và Ban truyền thông của Nhà trường thường xuyên phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để có chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp, tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về giới	P.QLSDH, Ban TTTT, Khoa Luật kinh tế;	Thường niên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		thiệu chương trình thạc sĩ ngành Luật kinh tế.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật điều chỉnh chính sách tuyển sinh, công khai và tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh dự tuyển.	Khoa Luật kinh tế; P.QLSDH,	2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng:

Là đơn vị thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường ĐHPT luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh của BGDDT.

Chính sách tuyển sinh bậc cao học ngành Luật kinh tế của Nhà trường được xác định rõ ràng thể hiện trong kế hoạch tuyển sinh **[H8.08.02.01]**.

Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh, quy định cách thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GDĐT và nhu cầu xã hội, Nhà trường xác định và công bố chỉ tiêu, tiêu chí tuyển sinh **[H8.08.02.02]**. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành thạc sĩ LKT và của Nhà trường rất rõ ràng, được xác định và ghi rõ trong CTĐT, chính sách tuyển sinh, có tổ chức thi tuyển và xét tuyển. Từ năm 2022 đến 2025, chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường chỉ có 01 phương thức tuyển sinh là xét tuyển 02 đợt/năm.

Trường ĐHPT xác định chất lượng đầu ra phụ thuộc nhiều vào chất lượng đầu vào và phụ thuộc vào các tiêu chí và quá trình tuyển chọn. Vì vậy, bậc cao học ngành Luật

kinh tế cũng sẽ căn cứ theo phương thức tuyển sinh và các tiêu chí Nhà Trường đưa ra để lựa chọn đầu vào phù hợp **[H8.08.02.03]**.

Trường ĐHPT đã lựa chọn phương thức xét tuyển theo quy trình mỗi năm 2 đợt . Các thí sinh khi tham gia phương thức xét tuyển phải đảm bảo đủ các điều kiện về văn bằng, ngoại ngữ và một số điều kiện khác liên quan đến lý lịch và sức khỏe theo yêu cầu **[H8.08.02.04]**.

Theo quy trình xét tuyển trong công tác tuyển sinh hàng năm, Nhà trường sẽ thông báo chỉ tiêu xét tuyển theo chỉ tiêu hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện trúng tuyển trên tất cả các kênh thông tin của Nhà trường. Đối với thí sinh khi tham gia phương thức xét tuyển, các thí sinh sẽ được đánh giá theo nguyên tắc sau:

Điểm xét tuyển là điểm trung bình học tập toàn khoá tốt nghiệp Đại học từ 5.5 trở lên hoặc xếp loại Tốt nghiệp đạt loại từ Trung bình trở lên và các điều kiện khác theo quy định.

Điểm chuẩn được xác định dựa trên điểm xét tuyển, những thí sinh được xét trúng tuyển theo điểm xét tuyển từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu. Trường hợp có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, thì Nhà trường sẽ lần lượt xét trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau: thí sinh là nữ; thí sinh thuộc các đối tượng ưu tiên được quy định trong quy chế tuyển sinh **[H8.08.02.05]**.

Căn cứ vào đề án tuyển sinh và chỉ tiêu được giao hàng năm, đối với các ngành Luật kinh tế bậc cao học nếu chưa tuyển đủ chỉ tiêu, thông qua tất cả các kênh thông tin, trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh cho các đợt tiếp theo **[H8.08.02.06]**.

Nhằm đảm bảo tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, tuyển được người học có chất lượng, phù hợp với ngành đào tạo, hàng năm, Nhà trường không ngừng rà soát, đánh giá và cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh dự tuyển, nhập học, HĐTS sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường và trên cả nước, phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển, phương pháp tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông,... **[H8.08.02.07]**. Trên cơ sở này Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tuyển

sinh tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh, kịp thời đáp ứng nguyện vọng của người học và để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh có cơ hội nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực bản thân đang công tác.

Ngoài ra, sau khi trúng tuyển, tất cả HV sẽ có buổi gặp mặt với Lãnh đạo Khoa, GV trong Khoa và Phòng QLSDH tại buổi lễ khai giảng thạc sĩ. Tại buổi gặp mặt, HV được nghe giới thiệu về Khoa, về ngành nghề, định hướng nghề nghiệp, CTĐT, phương pháp, các quy định, quy chế cũng như yêu cầu CDR khi HV tốt nghiệp. Bên cạnh đó, thông qua buổi gặp mặt của cựu HV và các doanh nghiệp tại ngày hội việc làm được tổ chức hàng năm, Nhà trường cũng tiếp nhận những đóng góp ý kiến về các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV đầu vào, qua đó điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh và đào tạo sao cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội, giúp thu hút nhiều HV theo học **[H8.08.02.08]**.

2. Điểm mạnh:

Với chính sách tuyển chọn người học như trên là cơ sở để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát.

3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến các bên liên quan là người học khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh chưa mang lại hiệu quả cao.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng QLSDH và các đơn vị liên quan của Nhà trường thường xuyên phối hợp tổ chức khảo sát thêm ý kiến các bên liên quan khác là người học về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh hàng năm.	P. QLSDH, Ban TTTT, Khoa LKT;	Định kỳ	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật điều chỉnh chính sách tuyển sinh, các tiêu chí tuyển sinh, công khai và tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh dự tuyển.	K. LKT, P. QLSDH	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ [H08.08.03.01] là công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Nhà trường phân công cho đơn vị chuyên trách là phòng QLSDH, Khoa Khoa LKT để thực hiện các hoạt động hỗ trợ và giám sát sự tiến bộ của HV, trong đó xác định rõ các yêu cầu về KTĐG kết quả học tập của NH.

Để giúp NH chủ động việc lập kế hoạch, theo dõi tiến độ và kết quả học tập, Nhà trường tổ chức buổi sinh hoạt đầu khóa hằng năm 2022 - 2025 [H08.08.03.02], nội quy, quy chế, các chế độ quản lý với NH theo từng năm học. Nhà trường phát sổ tay học vụ cho NH [H08.08.03.02] với những nội dung liên quan đến CTĐT, như: Thông tin tuyển

sinh, giới thiệu về trường; Bản mô tả CTĐT; Hướng dẫn thực hiện các quy định của Bộ và của trường; Tóm lược các quy trình liên quan đến HV và các đơn vị phụ trách; Thông tin đường dây nóng an ninh, trật tự,...

Trường ĐHTĐ có phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống websites **[H08.08.03.02]** để phục vụ công tác đào tạo theo học chế tín chỉ. NH được cấp tài khoản cá nhân online (có thể kiểm tra: thời khóa biểu cá nhân, số lượng TC đã tích lũy, điểm số các môn đã học,...). NH và cán bộ quản lý dễ dàng truy cập online thông qua website <http://sdh.upt.edu.vn> để tra cứu và theo dõi kết quả học tập, rèn luyện. Cuối mỗi kỳ, Nhà trường thông báo kết quả học tập, và cảnh báo học vụ đối với những NH có kết quả học tập chưa tốt **[H08.08.03.02]**.

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ... Hệ thống giám sát này được thực hiện thông qua các cán bộ chuyên trách của Phòng **[H8.08.03.01]**, các đơn vị, tổ chức đoàn thể liên quan và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học. Hệ thống này bao gồm hồ sơ của người học, các thông báo từ Nhà trường, thời khóa biểu, lịch thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện... Đây là một hệ thống giám sát rất hữu ích giúp Nhà trường, phòng và giảng viên theo dõi quá trình học tập của người học **[H8.08.03.02]**. Khối lượng học tập của người học được quy định cụ thể trong CTĐT khung của ngành, quy chế học vụ cao học của Nhà trường **[H8.08.03.03]**. Việc giám sát quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua cán bộ chuyên trách của phòng Quản lý SDH. Giảng viên giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học đối với môn học phụ trách. Trong đề cương chi tiết các học phần của ngành Luật kinh tế bậc cao học quy định rõ mục tiêu đạt được, phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể đối với từng môn học như mức độ chuyên cần, thái độ học tập, hình thức và cách thức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ và được công khai cho người học **[H8.08.03.04]**. Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được thực hiện thường xuyên và định kỳ. Phòng QLSDH thường xuyên giám sát kết quả của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những học viên không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn **[H8.08.03.06]**.

Tại Khoa LKT, các lực lượng chủ chốt gồm lãnh đạo Khoa, cố vấn học tập, phòng QLSDH, thư ký Khoa và Ban Cán sự lớp đóng vai trò kết nối giữa Nhà trường với HV.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động, Nhà trường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho đội ngũ này qua từng năm học [H8.08.03.05]. Với trách nhiệm và quyền hạn của mình, Ban Cán sự lớp hỗ trợ Nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác theo kế hoạch của Trường, Khoa. Theo dõi, nắm bắt tình hình HV, thường xuyên liên lạc với cán bộ chuyên trách nhằm đảm bảo các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường được giải quyết kịp thời.

Số lượng NH thôi học các khóa có xu hướng giảm dần [H8.08.03.07].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về học tập và rèn luyện được thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo, dưới nhiều hình thức khác nhau.

Sự tiến bộ của người học được giám sát bởi một hệ thống gồm giảng viên, cán bộ chuyên trách, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của người học.

3. Điểm tồn tại:

HV áp lực thực hiện đề tài đề án tốt nghiệp, áp lực công việc trong công tác chuyên môn mà HV hiện nay đang đảm trách khiến HV gặp nhiều khó khăn trong việc rút ngắn thời gian học và hoàn thành tốt nghiệp đúng tiến độ yêu cầu.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho việc HV tiếp cận với kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, duy trì hứng thú học tập, giúp HV có thể giảm được áp lực tâm lý, cân bằng được giữa việc học và	P. QLSDH, Ban TTTT, Khoa Luật kinh tế	2026-2027	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		làm cho HV, có thể rút ngắn thời gian học tập theo quy định.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải thiện hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về học tập và rèn luyện, phân mềm quản lý đào tạo.	P.QLSDH, Khoa Luật kinh tế	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.4. Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được Nhà trường giao cho một số đơn vị chuyên trách thực hiện. Đây là công tác không thể thiếu của Trường ĐHPT nhằm nâng cao chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học, đảm bảo các hoạt động ngoại khóa diễn ra thường xuyên giúp việc học tập và khả năng tìm kiếm việc làm của người học ngày càng được cải thiện.

Đầu các khóa học và năm học Trường ĐHPT thành lập Ban thường trực tuyển sinh và xây dựng kế hoạch sinh hoạt đầu khoá chi tiết, tân HV sẽ được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, CTĐT và các văn bản hướng dẫn của nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của HV trong quá trình tuyển sinh hỗ trợ đăng ký dự tuyển, nhập học và sinh hoạt đầu khóa học **[H8.08.04.01]**. Khi vào Website của Phòng QLSDH, P. QLKH&HTQT, Thư viện, hay Sở tay học vụ cao học, ... **[H8.08.04.02]**. HV sẽ được hỗ trợ các thông tin liên quan đến công tác đào tạo, NCKH. Ngoài ra, để hỗ trợ tối đa cho người học, và chắc chắn mọi thông tin đều đến được với từng HV, Trường còn cung cấp cho mỗi HV một tài khoản cá nhân, thông qua đó, HV

sẽ biết được CTĐT, các thông báo và hướng dẫn đóng học phí, thời khoá biểu, lịch thi, kết quả thi, cảnh báo học vụ, phúc khảo, đề án tốt nghiệp, tốt nghiệp,...

Khu KTX của Trường ĐHPT được trang bị căn tin, cửa hàng tiện ích phục vụ HV, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh và đảm bảo sức khỏe **[H8.08.04.03]**. Thư viện của trường có đủ các đầu sách đáp ứng đầy đủ nhu cầu tự học của Học viên tại đường link: <http://thuvien.upt.edu.vn/>. Khu thể thao sân bóng đá, cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ luôn đáp ứng được nhu cầu chơi thể thao của HV **[H8.08.04.04]**.

Về công tác đào tạo: Một hệ thống thông tin liên quan đến việc triển khai và giám sát công tác đào tạo được thiết lập và triển khai như Quy chế đào tạo thạc sĩ; hệ thống các quy trình nghiệp vụ như: Quy trình hướng dẫn và chấm đề án tốt nghiệp; Quy trình xét tốt nghiệp; Quy trình tổ chức thi học kỳ; Quy trình quản lý đề tài NCKH của HV...**[H8.08.04.05]**.

Đối với những HV khóa mới, Lãnh đạo Phòng chú trọng quan tâm và chỉ đạo cho cán bộ chuyên trách tổ chức cuộc gặp mặt tân HV để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV, CTĐT, phương thức đào tạo, phương pháp học tập trong trường đại học và giải đáp một số thắc mắc của tân HV **[H8.08.04.06]**, **[H8.08.04.07]**. Vào học kỳ cuối khoá học HV được Phòng tổ chức buổi hướng dẫn viết báo cáo đề án tốt nghiệp và cung cấp thông tin đầy đủ về các biểu mẫu báo cáo đề án tốt nghiệp **[H8.08.04.08]**.

Trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học cũng như các hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ... được giao cho Phòng Quản lý Sau đại học. Dựa trên lịch trình học dự kiến của từng CTĐT, để theo dõi quá trình học tập của HV, mỗi khóa (lớp) sẽ được Phòng phân công cho 01 cán bộ chuyên trách phụ trách **[H8.08.04.09]**. Đối với lớp, Ban cán sự lớp là lực lượng nòng cốt hỗ trợ Phòng tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác, theo dõi, nắm bắt tình hình HV, thường xuyên liên lạc với cán bộ chuyên trách nhằm đảm bảo các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường được giải quyết kịp thời **[H8.08.04.10]**.

Hệ thống hoạt động phục vụ, hỗ trợ HV: Nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho HV được tiếp cận, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường, hiểu biết những quy trình, thủ tục, các quy định, quy chế cũng như những chương trình, sự kiện của Trường, ĐHPT đã thiết lập hệ thống thông tin trải rộng trong toàn trường với nhiều kênh thông tin đa dạng, phong phú. Trong đó, cổng thông tin điện tử là trang ngôn luận chính thống của Nhà trường, mọi thông tin liên quan đều được thể hiện một cách trực quan, cụ thể, rõ ràng thông qua từng chuyên mục.

Website của Phòng Quản lý Sau đại học, Phòng. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, Thư viện, Phòng. Công tác chính trị sinh viên - Quan hệ doanh nghiệp - Hỗ trợ việc làm doanh nghiệp, Sổ tay học vụ cao học, ... sẽ hỗ trợ HV các thông tin liên quan đến công tác đào tạo, NCKH. Ngoài ra, để hỗ trợ tối đa cho người học, và chắc chắn mọi thông tin đều đến được với từng HV, Nhà trường còn cung cấp cho mỗi HV một tài khoản cá nhân, thông qua đó, HV sẽ biết được CTĐT, các thông báo và hướng dẫn đăng ký môn học, đóng học phí, thời khoá biểu, lịch thi, kết quả thi, cảnh báo học vụ, phúc khảo, đề án tốt nghiệp, tốt nghiệp, ... **[H8.08.04.11]**.

Về khen thưởng: Hàng kỳ, hàng năm Nhà trường và các Khoa tổ chức gặp gỡ HV tiêu biểu, trao bằng khen chúc mừng của Hiệu trưởng như một lời động viên, khen ngợi các HV đã có thành tích cao trong học tập **[H8.08.04.12]**.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế mở ngành từ năm 2022 đến thời điểm hiện tại, số lượng học viên tốt nghiệp còn ít. Do ngành mới mở, thêm vào đó chuẩn đầu ra ngoại ngữ cũng là trở ngại khá khó khăn cho học viên.

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai, luôn nâng cấp, đổi mới và cập nhật liên tục đáp ứng nhu cầu của HV.

Các quy định về chính sách xã hội cho HV được phổ biến công khai và rõ ràng, KHV được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, an tâm học tập trong khuôn viên Trường ĐHPT cũng như được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao,...

3. Điểm tồn tại:

Trên thực tế, hệ thống giám sát người học của Trường ĐHPT còn khá thô sơ, phụ thuộc nhiều vào người giám sát nên vẫn còn hạn chế về việc theo dõi giám sát giờ học, tình hình học tập của HV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống giám sát bằng camera hiện đại, hạn chế tối đa sự phụ thuộc vào con người.	BGH; P.QLSDH	2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động phục vụ, hỗ trợ HV. Tích cực phổ biến rộng rãi thông tin về các hoạt động cho HV kịp thời, nhanh chóng thông qua tất cả các kênh.	P. QLSDH; Khoa LKT	Thường niên	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và NCKH đáp ứng yêu cầu học tập và NCKH của HV và giảng viên ngành Luật kinh tế. Trường ĐHPT được tọa lạc tại khu vực trung tâm Thành phố Phan Thiết, với khuôn viên rộng 12ha, định hướng đến sự kết hợp giữa xanh, sạch, đẹp và hiện đại. Bằng việc trang bị cơ sở vật chất đầy đủ, Học viên của trường sẽ có được điều kiện học tập tốt nhất. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa,... ký túc xá được

bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo. Cảnh quan sư phạm của Trường và các phòng ban/khoa luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các học viên. Trang bị máy điều hòa cho toàn bộ phòng học, phòng làm việc, phòng nghỉ cho các giảng viên từ xa đến công tác. Nhà trường có bộ phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, dưới sự chỉ đạo trực tiếp từ BGH gồm 04 thành viên. **[H8.08.05.01]**.

Nhà trường có quy định văn hóa công sở trong đó nhấn mạnh đến việc ứng xử Thầy - Trò, quy định đối với trang phục và đeo thẻ HV, SV và CB nhằm tạo ra trật tự, kỷ cương học đường. Nhà trường đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trong Nhà trường; Ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động Nhà trường; Quy định thực hiện nếp sống văn hóa; Nội quy tiếp công dân; Nội quy trường học **[H8.08.05.02]**.

Phòng/Khoa và Nhà trường tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, cuộc thi bổ ích để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho HV, SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng HV, SV trong trường. Các giải bóng đá thường niên; các câu lạc bộ tiếng anh được tổ chức tại trường. Phòng luôn tạo dựng môi trường học tập và sinh hoạt cho học viên cao học ngành Luật kinh tế được thuận lợi, thoải mái nhất. HV dễ dàng liên hệ với Phòng thông qua cán bộ chuyên trách, Giảng viên một cách dễ dàng, thân thiện. Tất cả các vấn đề có liên quan đến học tập, chính sách hỗ trợ cho HV, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, Phòng luôn cố gắng thông tin đến HV kịp thời, rõ ràng nhất **[H8.08.05.03]**.

Vấn đề an toàn phòng chống cháy nổ được Trường rất quan tâm trang bị đầy đủ trang thiết bị theo quy định **[H8.08.05.04]**. Hằng năm, Trường đều nghiêm túc cử người tham gia tập huấn về công tác PCCC **[H8.08.05.05]**.

Phòng Quản lý Sau đại học luôn quan tâm đến sức khỏe tinh thần của người học, luôn hỗ trợ và tạo điều kiện hết mức để người học có môi trường học tập, NCKH cũng như trải nghiệm hiệu quả nhất.

2. Điểm mạnh:

Môi trường sinh thái và môi trường học tập, cơ sở vật chất an toàn, công tác y tế học đường, phòng cháy chữa cháy luôn được Nhà Trường quan tâm, đánh giá và cải tiến. Văn hóa ứng xử trong Nhà Trường văn minh, lịch sự, thân thiện.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa trang bị cơ sở vật chất riêng để phục vụ những người có nhu cầu đặc biệt (dị tật cơ thể).

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức khảo sát số HV có nhu cầu đặc biệt để có kế hoạch trang bị CSVC phù hợp, bố trí phòng học hợp lý, thành lập tổ học viên tình nguyện để hỗ trợ ...	P.QLSDH P.TC-HC	Định kỳ	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát triển tốt môi trường sinh thái của Nhà trường, đảm bảo an toàn, xanh, sạch, đẹp, tạo thuận lợi và hứng thú cho người học.	BGH; P.TC-HC	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Nhà trường đã xác định các tiêu chí lựa chọn người học, hình thức xét tuyển và phương pháp tuyển chọn cho từng CTĐT nói chung và bậc cao học ngành Luật kinh tế nói riêng một cách rõ ràng; Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học không ngừng được Nhà trường rà soát, đánh giá và cải tiến.

Nhà trường/Phòng đã xây dựng hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện cũng như theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của HV phù hợp, chặt chẽ với nhiều hình thức khác nhau. Có bộ phận và phân công trách nhiệm các cá nhân rõ ràng từ BGH đến CBGVNV.

Việc tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như tư vấn việc làm cho HV được triển khai xuyên suốt trong quá trình đào tạo.

Nhà trường thường xuyên cải tạo Cơ sở vật chất, cải thiện môi trường cảnh quan, có những quy định và các bộ phận chức năng chuyên trách nhằm duy trì môi trường văn hóa trong học đường, tạo tâm lý ổn định, vệ sinh an toàn và thoải mái cho tập thể các CBGVNV và HV, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Chưa tận dụng hiệu quả của kênh thông tin từ các cựu HV và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Phòng/Trường, cũng như chưa lấy ý kiến các bên liên quan là các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn.

HV áp lực thực hiện đề tài đề án tốt nghiệp, áp lực công việc trong công tác chuyên môn hiện đang đảm trách khiến HV gặp nhiều khó khăn trong việc rút ngắn thời gian học và hoàn thành tốt nghiệp đúng tiến độ yêu cầu.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 8:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 8 gồm có 05 tiêu chí, trong đó cả 05 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Trường Đại học Phan Thiết có hệ thống Cơ sở vật chất (CSVC) và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) của Nhà trường nói chung và ngành thạc sĩ LKT nói riêng. Trong những năm gần đây, Nhà trường tăng cường mở rộng, đầu tư về CSVC, cải thiện và xây dựng mới các hệ thống phòng học,

phòng thực hành với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, cần thiết phục vụ cho nhu cầu dạy và học của giảng viên và HC.

Các nguồn học liệu như máy tính, cổng thông tin điện tử, tài liệu thư viện, ... được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu CBGV và HV. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn trong học tập và lao động luôn được Nhà trường và quan tâm và triển khai. Khoa Luật kinh tế luôn có sự giám sát, thực hiện đúng các quy trình, quy định sử dụng và bảo quản CSVC. Hàng năm, Khoa cũng có các báo cáo, đánh giá sự hài lòng và đề xuất về CSVC và trang thiết bị nhằm đáp ứng các nhu cầu làm việc, học tập và nghiên cứu ngày càng tăng của toàn bộ CB-GV và Học viên Khoa Luật kinh tế.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Mục tiêu về cơ sở vật chất của Trường là “Hiện đại hóa và hiệu quả hoá trong đầu tư xây dựng cơ bản, trong công tác tài chính và quản trị thiết bị giáo dục. Đáp ứng ngày một tốt hơn cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính phù hợp với sự phát triển của Nhà trường theo định hướng ứng dụng” .

Việc đầu tư mạnh CSVC luôn nằm trong chiến lược phát triển của Nhà trường, nhằm đáp ứng tốt nhất với các tiêu chuẩn cho việc đào tạo từ khi mới thành lập [H9.09.01.01], [H9.09.01.02]. Trường ĐHPT đã được thiết kế, xây dựng đủ số lượng phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học, giảng đường, phòng thực hành phục vụ cho công tác giảng dạy, làm việc, học tập, thực hành và NCKH của các CBGVNV và HV của tất cả ngành đào tạo tại Trường. Cụ thể hơn, để phục vụ các CTĐT thuộc ngành thạc sĩ Luật kinh tế, Trường đã đầu tư xây dựng phòng ốc khang trang hiện đại, đảm bảo có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho công tác đào tạo bao gồm: văn phòng Khoa, phòng học cho người học, phòng sinh hoạt chung, thảo luận nhóm, phòng họp, phòng thực hành... CSVC phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập gồm: 26 phòng làm việc, 1 hội trường lớn, 30 phòng học từ 50-200 chỗ ngồi, 4 phòng thực hành vi tính, 1 phòng học đa năng, 15 phòng thực hành/thí nghiệm/xưởng, 1 thư viện, 1 phòng tự học, 1 sân vận động, 1 ký túc xá [H9.09.01.03]. Các phòng học, phòng thực hành và phòng làm việc đều được trang bị cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại,

giúp các học viên của khoa có được điều kiện học tập tốt nhất. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ công tác dạy và học như: thống máy chiếu, tivi, hệ thống âm thanh, micro, bảng, quạt, đèn, camera, các thiết bị hỗ trợ an toàn...; một số phòng học được trang bị thống máy lạnh đã đem đến một không gian giảng dạy và học tập thoải mái. Bên cạnh đó, Nhà trường còn trang bị đầy đủ các trang thiết bị văn phòng, máy điều hòa cho toàn bộ phòng làm việc, phòng ăn, phòng nghỉ cho các GV. Với sự trang bị đầy đủ và hiện đại hóa CSVC và trang thiết bị, Nhà trường đã mang đến sự hài lòng cho hầu hết HV, GV và CBNV khi tham tham học tập, làm việc và nghiên cứu tại Khoa Luật kinh tế và Trường **[H9.09.01.04]**.

Các phòng học, phòng chức năng và làm việc đều được xây dựng dựa trên tỷ lệ diện tích phù hợp với chức năng và quy mô hiện tại **[H9.09.01.05]**. Với số lượng HV hiện có tại Trường ĐHPT thì số phòng học đủ đáp ứng theo thời khóa biểu. Diện tích các phòng học đa dạng và đáp ứng tốt nhu cầu học tập và nghiên cứu, thảo luận của học viên. Các phòng học của học viên đều được trang bị máy điều hoà không khí, micro, máy chiếu, tivi, ánh sáng tốt...để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học. Hiện nhà Trường đang bố trí 4 phòng học cố định cho các lớp cao học và 2 phòng dự phòng. Bên cạnh đó, trường sẽ bố trí các phòng học mới dành riêng cho học viên cao học khi hoàn thành tòa nhà mới hiện đại và tiện nghi trong vài năm tiếp theo.

Để có thể điều hành và quản lý tốt CSVC và trang thiết bị, Nhà trường đã thành lập bộ phận xây dựng chiến lược CSVC và Tổ thiết bị, thuộc quản lý của Phòng TC-HC, với chức năng xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, theo dõi sử dụng hiệu quả tài sản của trường, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD cho tất cả các ngành đào tạo của Trường nói chung và ngành Luật kinh tế nói riêng **[H9.09.01.06]**. Mọi chiến lược kế hoạch, hoạt động và giám sát về cơ sở vật chất và trang thiết bị đều được thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp từ Hiệu trưởng.

Bộ phận xây dựng chiến lược CSVC và Tổ thiết bị, thuộc quản lý của Phòng TC-HC luôn có kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị. Các chiến lược điều hành, giám sát và nâng cao cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đều được lưu trữ đầy đủ qua các hệ thống văn bản về quản lý tài sản, hệ thống văn bản quy định về việc mua, quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra và nâng cấp trang thiết bị **[H9.09.01.07]**,

[H9.09.01.08], [H9.09.01.09]. Việc nhận, bàn giao, sửa chữa và bảo dưỡng CSVC cùng với trang thiết bị đều được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc thông qua các quy trình và quy định rõ ràng và chặt chẽ từ khâu dự toán đầu tư, tập huấn cách thức sử dụng, phương thức vận hành, bảo trì, sửa chữa định kỳ,... cho đến khâu kiểm kê và nâng cấp. Nhà trường đã ban hành nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng nhằm giúp cho CBGVNV cũng như HV, toàn trường nói chung, Khoa Luật kinh tế nói riêng, có thể sử dụng tối đa hiệu quả, đồng thời tránh việc hư hao tài sản, gây lãng phí cho Nhà trường [H9.09.01.10]. Bên cạnh đó, Bộ phận xây dựng chiến lược CSVC và Tổ thiết bị, thuộc quản lý của Phòng TC-HC có sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị, qua sổ theo dõi cho thấy, các trang thiết bị được sử dụng với tần suất sử dụng 10 tiết/ngày vẫn hoạt động tốt, khi có sự cố đều được tổ kỹ thuật bảo trì sửa chữa kịp thời. Tại mỗi lớp học đều có thông tin và số điện thoại của tổ kỹ thuật của Phòng TC-HC, nên khi có sự cố xảy ra thì tổ kỹ thuật hỗ trợ kịp thời, đảm bảo quá trình dạy và học được diễn ra liên tục phục vụ tốt nhất cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H9.09.01.11]. Công tác bảo dưỡng, sửa chữa và quản lý toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng và trang thiết bị luôn được lập kế hoạch cụ thể; việc bảo dưỡng và tổ chức thực hiện việc phục vụ trang thiết bị theo yêu cầu của các đơn vị và bảo dưỡng máy móc thiết bị cũng phải tuân theo chế độ quy định. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn có kế hoạch và quy trình, tổ chức thực hiện việc mua sắm thiết bị, vật tư kỹ thuật, dụng cụ, công cụ... phục vụ kịp thời cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc của toàn trường [H9.09.01.08], [H9.09.01.09], [H9.09.01.12], [H9.09.01.13].

Các trang thiết bị phục vụ dạy, học và NCKH đều được Phòng KH-TC lập dự toán đầu tư, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng trên cơ sở tổ chức hệ thống quản lý, đầu tư ngân sách từ các nguồn vốn và dự toán hằng năm. Bộ phận xây dựng chiến lược CSVC và quản trị thiết bị phối hợp với phòng KH-TC kiểm kê và đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị để lập báo cáo, từ đó kế hoạch dự trù ngân sách để kế hoạch thanh lý và đầu tư ngân sách cho việc bổ sung trang thiết bị cùng với việc nâng cấp CSVC, hạ tầng nhằm đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo [H9.09.01.14].

Với số lượng HV đầu vào ngày càng tăng, đặc biệt là Khoa Luật kinh tế, qua các năm gần đây, đồng nghĩa với nhu cầu sử dụng CSVC cũng tăng theo, Trường ĐHPT cố gắng tăng cường đẩy nhanh tiến độ giải tỏa đền bù, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất nhằm tăng diện tích đất sử dụng cho việc xây dựng thêm cơ sở hạ tầng, cung cấp đủ phòng học, phòng thực hành và nghiên cứu [H9.09.01.15]. Bên cạnh đó, việc đầu tư tăng thêm và mở rộng cơ sở, đảm bảo có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH đều phải dựa vào nhu cầu thực tế đào tạo hàng năm của nhà trường, và phải được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Nhà trường và Khoa đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của học viên về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất Nhà trường [H9.09.01.16]. Khoa Luật kinh tế định kỳ tổ chức sinh hoạt lớp, các buổi sinh hoạt đối thoại giữa HV với ban lãnh đạo, hội nghị CBGVNV năm học để tiếp nhận các ý kiến đóng góp HV, giảng viên và nhân viên về CSVC phục vụ dạy và học [H9.09.01.17]. Ý kiến đóng góp này được chuyển về các phòng ban chức năng của Trường cụ thể như: điều kiện vật chất chưa tốt, máy chiếu mờ, bảng cũ, phòng học nóng,... vấn đề này được Khoa trao đổi với phòng quản trị thiết bị để kịp thời đề xuất sửa chữa, khắc phục. Kết quả trung bình có trên 70% HV hài lòng về tiêu chí này [H9.09.01.18], [H9.09.01.19].

2. Điểm mạnh:

CSVC của Trường ĐHPT luôn được đầu tư và phát triển mạnh trong vòng 5 năm nay, trong thời gian sắp tới, Nhà trường có nhiều kế hoạch mở rộng ra các khu giảng đường và phòng thí nghiệm - thực hành. Hiện tại, các khu giảng đường, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ hiện đại, chất lượng cao luôn nằm trong kế hoạch phát triển của Nhà trường. Với số lượng HV, nhu cầu đào tạo và NCKH ngày càng tăng, Nhà trường vẫn luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng và mang lại nhiều sự hài lòng cho các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại:

Với số lượng tuyển sinh của trường nói chung và Khoa Luật kinh tế nói riêng ngày càng tăng, cần phải có thêm số lượng phòng học và phòng thực hành, và KTX cho học viên.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường đang có dự án mở rộng thêm khu giảng đường và phòng thí nghiệm/thực hành trong năm 2026 nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học ngày càng tăng.	HĐT BGH	Từ năm 2025 – 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà nghỉ của giảng viên được xây dựng thành khu riêng, tăng thêm phòng ký túc xá phục vụ ăn ở, tạo sự thuận tiện nhất cho nhiều học viên ở xa học tại trường.	HĐT BGH	Từ năm 2025 – 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Thư viện đóng vai trò quan trọng, không thể thiếu trong việc hỗ trợ cho công tác đào tạo và NCKH của Trường ĐHPT. Lãnh đạo trường luôn xem việc đầu tư và phát triển hệ thống thư viện [H9.09.02.01] luôn là việc cấp thiết. Có thể nói, cho đến nay, chất lượng về hệ thống thư viện Trường đã có nhiều cải tiến đáng kể. Thư viện ra đời từ năm 2009 với tổng diện tích sàn hiện nay là 600m², có thể chứa đựng được nhiều tài liệu học tập phong phú cùng với sự bố trí phù hợp giúp HV dễ dàng tìm kiếm các tư liệu cần thiết [H9.09.02.02], cùng với đó là hệ thống các phòng được kết nối liên hoàn, hỗ trợ 100 chỗ ngồi, phủ sóng Wifi khắp khuôn viên Trường [H9.09.02.03]. Kết cấu thư viện được bố trí hợp lý gồm các phòng đọc dành cho HV, CBGVNV rộng rãi, thoáng mát và đầy đủ ánh sáng; khu tự học được bố trí riêng biệt rộng rãi cho HV; khu đọc sách

kết nối với các nguồn sách và tư liệu đa dạng, thư viện được tin học hóa liên tục và có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp đã phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các cán bộ quản lý thư viện đều phải có chuyên môn và nghiệp vụ tốt về quản lý thư viện [H9.09.02.04]. Nhà trường đã cử nhân sự làm việc tại thư viện thường xuyên đi học các nghiệp vụ về quản lý để nâng cao hiệu quả làm việc và cập nhật những kiến thức mới giúp nhà trường xây dựng chiến lược phát triển hệ thống thư viện được tốt hơn [H9.09.02.05]. Trường xây dựng hệ thống quy trình quản lý từ đầu vào đến đầu ra của các nguồn tài liệu chặt chẽ, đồng thời, để phục vụ người sử dụng một cách có hiệu quả, thư viện đã xây dựng các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa [H9.09.02.06], [H9.09.02.07], [H9.09.02.08].

Trong những năm vừa qua, Trường ĐHPT tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng, tổng số tài liệu, sách tham khảo của Thư viện có khoảng 9513 đầu sách, ấn phẩm như báo, tạp chí với số lượng 4745 [H9.09.02.09]. Riêng đối với Khoa Luật kinh tế, thư viện Trường trang bị tổng cộng 335 đầu sách liên quan đến ngành Luật, Luật kinh tế và thạc sĩ LKT [H9.09.02.10]. Bên cạnh đó, đầu mỗi học kỳ khoa kết hợp với thư viện tổ chức in ấn và phân phối giáo trình, tài liệu đến từng HV, và mỗi lớp học đáp ứng tài liệu mỗi môn học được đào tạo tại trường.

Nhà trường có chủ trương đầu tư, phát triển tối đa các nguồn lực học tập để đáp ứng các nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu, đặc biệt là hệ thống tài nguyên số. Cơ sở dữ liệu trực tuyến luôn cán bộ quản lý thư viện cập nhật liên tục. Hiện tại, nhà trường đã xây dựng được một hệ thống thư viện điện tử giúp cho học viên của trường thuận tiện trong việc tra cứu thông tin thông qua website: <http://lib.upt.edu.vn/> [H9.09.02.11]. Các tài liệu được mã hóa, lưu trữ trong hệ thống mạng cục bộ. Dựa trên cơ sở các đề tài NCKH của HV, GV và CBNV, luận văn/ đề án tốt nghiệp Thạc sĩ làm tiền đề cho Thư viện việc xây dựng nguồn tài nguyên số nội sinh. Từ đó có cơ sở hợp tác, trao đổi với các đơn vị thư viện khác [H9.09.02.13], [H9.09.02.14].

Mỗi năm, Nhà trường luôn có kế hoạch cập nhật và bổ sung nguồn tài liệu dựa trên nguồn kinh phí theo quy chế chi tiêu của trường. Số lượng sách, tài liệu và tạp chí thường xuyên được thống kê và cập nhật định kỳ nhằm xem xét tính cập nhật thông tin của các tài liệu cũng như số lượng sách phải đáp ứng đủ nhu cầu cho số lượng HV ngày càng

tăng. Công tác bổ sung tài liệu để tăng nguồn tài liệu tham khảo cho người học và bổ sung giáo trình cho những môn học mới được thực hiện đúng quy trình [H9.09.02.10], [H9.09.02.11], [H9.09.02.12]. Các tài liệu và nguồn học liệu tại thư viện luôn được đảm bảo về bản quyền, được chuyển nhượng sử dụng từ thư viện của trường Đại học Tây Đô và Đại học Ngoại Thương [H9.09.02.13], [H9.09.02.14].

CTĐT của Khoa Luật kinh tế luôn được thay đổi phù hợp với yêu cầu và quy định của Bộ GDĐT, vậy nên các giáo trình giảng dạy luôn được cập nhật bổ sung và đổi mới nhiều lần theo chương trình đào tạo. Các tài liệu và giáo trình cập nhật mới nhất luôn được phân phối đầy đủ đến từng HV và lớp học. Kết quả của công tác đổi mới giáo trình, tạo ra nguồn tài liệu học tập đầy đủ cho người học luôn được đưa vào tổng kết năm học và phương hướng hoạt động hàng năm của Trường ĐHPT. Trong đó, thư viện đóng vai trò cầu nối để vận hành và tổ chức công tác biên tập và xuất bản giáo trình góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H09.09.02.15], [H09.09.02.16].

Phát triển tài nguyên thư viện nằm trong sáu nhiệm vụ chính được Trường ĐHPT giao phó, đó là thực hiện các hoạt động bổ sung và phát triển nguồn thông tin về KHXH ở trong nước và nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường và tổ chức xử lý, sắp xếp, lưu trữ, bảo quản các loại tài liệu; xây dựng hệ thống tra cứu thích hợp, thiết lập mạng lưới truy cập và tìm kiếm thông tin tự động hóa, xây dựng hệ thống CSDL, tạo thuận lợi cho việc tra tìm tài liệu của cán bộ nghiên cứu, giảng dạy và sinh viên, học viên của Trường [H09.09.02.17].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến HV về nguồn học liệu ở thư viện có đáp ứng nhu cầu tra cứu, học tập và NCKH cũng như lịch hoạt động của thư viện. Kết quả khảo sát qua các năm cho thấy sự hài lòng của HV đối với Thư viện ở hầu hết các yếu tố đều tăng qua từng năm. Kết quả khảo sát ý kiến của các Bộ môn/Khoa cho thấy, thiết bị hỗ trợ giảng dạy đã đáp ứng được yêu cầu của GV, của môn học [H9.09.02.18], [H9.09.02.19].

2. Điểm mạnh:

Giáo trình và các đầu sách tại thư viện đa dạng cho học viên tham khảo. Trường đang nỗ lực xây dựng thư viện điện tử, nguồn học liệu cũng như cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục hỗ trợ cho việc đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại:

Nguồn tạp chí và nguồn tài liệu ngoại văn chuyên ngành thạc sĩ Luật kinh tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa đề xuất thư viện tăng cường mua những đầu sách, tạp chí chuyên ngành, đặc biệt là các sách mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Luật kinh tế	Khoa LKT; P.QLSDH	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống phần mềm thư viện, đồng thời tổ chức liên kết với thư viện điện tử của các trường khác, tạo nguồn tài liệu mở cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học thuận tiện và hiệu quả hơn, đồng thời tăng tính tương tác cao hơn, giúp cho các cán bộ giảng viên, nhân viên và học viên quan tâm đến có thói quen	Khoa LKT, P.QLSDH, Thư viện	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		sử dụng hệ thống thư viện điện tử.			

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT trang bị đủ phòng thí nghiệm, thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu cho toàn trường nói chung và cho ngành thạc sĩ Luật kinh tế nói riêng. Hiện tại, trường đang có 30 phòng học, 1 hội trường, 4 phòng thực hành vi tính, 15 phòng thực hành, xưởng [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Có thể nói số lượng trên đã đáp ứng vừa đủ cho nhu cầu thực hành thực tế của số lượng học viên hiện tại. Với hệ thống thực hành, phòng mô phỏng hiện đại này tạo cơ hội để các học viên có thể vừa học vừa thực hành, trong đó, Khoa Luật kinh tế có một Trung tâm thực hành nghề luật [H9.09.03.03]. Do tính chất của ngành thạc sĩ LKT, các tiết học mô tả và thực hành tình huống có thể được mô phỏng tại lớp học, diện tích phòng học có thể đáp ứng việc thực hành lại lớp với số lượng học viên hiện tại. Bên cạnh đó, Nhà trường còn trang bị cho học viên phòng máy tính tin học mở. Phòng được mở cửa mỗi ngày từ 7:30 sáng đến 20:30 kể cả Thứ Bảy và Chủ nhật, nhằm tạo điều kiện cho học viên có thể phát triển kỹ năng thực hành, thực hiện đồ án môn học và đề tài NCKH ngoài giờ học chính khóa [H9.09.03.03]. Hầu hết các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, phù hợp, đúng tiêu chuẩn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Để các phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành được sử dụng hiệu quả và hợp lý, nhà trường đã ban hành các nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng, bố trí thời khóa biểu thực hành hợp lý để học viên sử dụng tối đa công dụng của phòng [H9.09.03.04]. Bên cạnh đó, trường luôn có bộ phận bảo trì trang thiết bị và cơ sở vật chất [H9.09.03.05], [H9.09.03.06] theo dõi thường xuyên tình hình hoạt động và

khai thác của các phòng thí nghiệm- thực hành thông qua các ghi chép vào sổ theo dõi [H9.09.03.07], có nhân sự phụ trách các phòng thí nghiệm – thực hành, quản lý việc sử dụng các trang thiết bị, có đánh giá hiệu quả sử dụng thông qua sổ ghi chép và hồ sơ theo dõi quá trình và quy trình khai thác sử dụng trang thiết bị và cơ sở vật chất của các phòng thí nghiệm thực hành. Dựa vào đó, các trang thiết bị luôn đảm bảo được chất lượng tốt trong bất kỳ tiết học nào, khi có sự cố đều được tổ kỹ thuật bảo trì sửa chữa kịp thời. Ngoài nhân viên được phân công phụ trách các phòng này, còn có các phòng/ban, khoa chuyên môn, cùng với giảng viên bộ môn hỗ trợ nhằm vận hành tốt các phòng thực hành phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa.

Nhà trường luôn có các hoạt động bảo trì và bảo dưỡng các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm – thực hành thường xuyên để đáp ứng các nhu cầu về thực hành và nghiên cứu thường xuyên. Bên cạnh đó, các phòng ban chức năng liên quan hằng năm đều lập kế hoạch dự toán đầu tư, sửa chữa, bảo dưỡng theo quy trình; công tác quản lý tài sản, về việc mua, quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra và nâng cấp các trang thiết bị đều được thể hiện qua các quyết định và hệ thống văn bản rõ ràng [H9.09.03.08]. Nhu cầu sử dụng phòng thí nghiệm – thực hành ngày càng tăng do số lượng học viên ngày càng tăng do các năm. Vậy nên, nhà trường đang có kế hoạch đầu tư xây dựng và mở rộng cơ sở, xây thêm phòng thực hành – thí nghiệm nhằm đảm bảo có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Những trang thiết bị của các phòng thí nghiệm – thực hành đều do các Khoa chủ quản đề nghị trang bị và hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch mua sắm nâng cấp, bảo dưỡng và trang bị mới [H9.09.03.08], [H9.09.03.09].

Các thiết bị máy móc hiện đại sau khi được đầu tư trang bị đều được nhà tập huấn cách thức sử dụng, phương thức vận hành và được bảo trì, sửa chữa định kỳ. Cuối mỗi năm học, bộ phận xây dựng chiến lược cơ sở vật chất và quản trị thiết bị luôn phối hợp với các đơn vị sử dụng tài sản, CSVC tiến hành kiểm kê và đánh giá hiệu quả chất lượng từng tài sản, trang thiết bị tại trường, theo từng hạng mục để tổng hợp báo cáo về HĐT, từ đó có kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị cùng với việc nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo và NCKH [H9.09.03.10], [H9.09.03.11].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát ý kiến HV về khóa học đối với các học phần sử dụng phòng thực hành, phòng mô phỏng luôn được BCN Khoa phân tích, đánh giá và đưa ra những điều chỉnh cần thiết và kịp thời [H9.09.03.12], [H9.09.03.13], [H9.09.03.14], [H9.09.03.15], [H9.09.03.16]. Đối với những vấn đề ngoài thẩm quyền của Khoa, BCN Khoa sẽ đề xuất, góp ý với BGH Nhà trường hoặc đề xuất trực tiếp cho các phòng ban liên quan.

2. Điểm mạnh:

Phòng thí nghiệm – thực hành tin học được trang bị máy móc đầy đủ và hiện đại, đáp ứng đủ cho nhu cầu học viên trong thời gian hiện tại.

Nhà trường luôn có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thay mới kịp thời giúp cho quá trình đào tạo và nghiên cứu được diễn ra liên tục và hiệu quả, đặc biệt đối cho các học phần liên quan đến ứng dụng công nghệ số của Khoa Luật kinh tế.

3. Điểm tồn tại:

Các thiết bị sử dụng trong phòng học đối với học viên thường xuyên hư hỏng do khí hậu thời tiết gần biển bị ăn mòn nhanh chóng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát định kỳ, kiểm tra và thay thế kịp thời các trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập nhằm đảm bảo việc học tập cho HV.	P.TCHC	Định kỳ hằng năm	
2	Phát huy	Nhà trường đang có kế hoạch khởi công công trình xây dựng	BGH,	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	thêm phòng học, thí nghiệm thực hành, đảm bảo nhu cầu nghiên cứu và học tập cho cả trường nói chung và Khoa LKT nói riêng.	P.TCHC, Khoa LKT		
		Nhà trường có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thay mới định kỳ trang thiết bị máy móc giúp cho quá trình đào tạo và nghiên cứu được diễn ra liên tục và hiệu quả.	P.TCHC	Định kỳ hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Hiện nay, Trường ĐHPT xem việc áp dụng CNTT vào công tác đào tạo, NCKH, PVCĐ và quản lý của Nhà trường là điều cấp thiết, mang lại tính tương tác về hiệu quả cao. Hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử,...) của Trường đang được xây dựng và trang bị đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Với quy mô trường lớp như hiện nay, Trường giao nhiệm vụ cho Khoa CNTT đảm nhiệm công tác IT từ năm 2015, được thể hiện trong quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các đơn vị [H9.09.04.01]. Đến đầu năm 2019, Trường có quyết định thành lập bộ phận IT trực thuộc Phòng TC-HC, bộ phận đi vào hoạt động từ tháng 03/2019 và phối hợp với Khoa CNTT để quản lý CNTT của trường, hỗ trợ, hướng dẫn việc sử dụng các thiết bị tin học cho cán bộ, giảng viên của Khoa và người

học **[H9.09.04.02]**. Khoa Luật kinh tế hiện tại được giao cho quản lý hệ thống website riêng (<https://fl.upt.edu.vn/>) **[H9.09.04.03]** nhằm đăng tải thông tin kịp thời cho các HV dưới sự quản lý của bộ phận IT của Trường; đồng thời được trang bị máy tính, máy in, hệ thống kết nối wifi để giúp cho việc vận hành công nghệ linh hoạt và mang tính chuyên môn hóa cao hơn. Ngoài hệ thống thiết bị IT được cung cấp cho Khoa, Nhà trường còn trang bị một số thiết bị hỗ trợ in ấn và trình chiếu khác đáp ứng cho việc giảng dạy của các GV như: máy chiếu (tất cả các phòng học), máy in, máy photocopy, máy quét ảnh (scan), camera... nhằm đáp ứng được hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH trong Trường. Các trang thiết bị đều được theo dõi và bảo trì thường xuyên và nghiêm ngặt. Các thiết bị CNTT được xây dựng và triển khai theo đề án tăng cường trang thiết bị của Trường, tất cả đều có hồ sơ cung cấp lắp đặt hạ tầng và thường xuyên bảo trì, sửa chữa, thay thế **[H9.09.04.04]**, **[H9.09.04.05]**.

Để đảm bảo việc sử dụng hệ thống CNTT một cách có hiệu quả, Trường đã ban hành các văn bản quy định về việc quản lý, sử dụng phòng máy tính, quy định việc cập nhật thông tin lên trang tin điện tử của đơn vị và của Trường; quy định về sử dụng trang web, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị quản lý, vận hành trang web và ban hành Quy định quản lý sử dụng hệ thống website **[H9.09.04.06]**.

Dựa vào quy mô đào tạo, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Trường liên tục bổ sung các thiết bị về CNTT để phục vụ các yêu cầu về đào tạo và quản lý. Đến nay hạ tầng CNTT có thể tóm tắt như sau:

- Về trang thiết bị: Hệ thống CNTT, các thiết bị tin học được Trường đầu tư cho tới nay đang hoạt động hiệu quả, với số lượng gồm: 360 máy tính, trong đó 264 máy tính phục vụ dạy và học cho người học. Số còn lại cung cấp cho các khoa, phòng ban phục vụ NCKH và quản lý, bảo đảm 1 máy vi tính/chuyên viên hành chính; các Khoa, Trung tâm, Đoàn thể... đều được trang bị thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng được thực hiện nhiệm vụ được giao; Các giảng đường 100% đã lắp máy chiếu. Bên cạnh đó, nhà trường còn trang bị cho học viên phòng máy tính tin học mở. Phòng được mở cửa mỗi ngày từ 8:30 sáng đến 20:30 kể cả Thứ Bảy và Chủ nhật, nhằm tạo điều kiện cho học viên có thể phát triển kỹ năng thực hành, thực hiện đồ án môn học và đề tài NCKH ngoài giờ học chính khóa **[H9.09.04.04]**.

- Hệ thống mạng: Tất cả các máy vi tính trong Trường được nối mạng Internet 24/24 thông qua các đường truyền dẫn do các nhà cung cấp dịch vụ VNPT, Viettel,... Hệ thống mạng Wifi đã phủ sóng khắp trường thuận lợi cho GV, HV truy cập mọi lúc mọi nơi. Trường đầu tư hệ thống máy chủ để đảm bảo cho hoạt động CNTT thông suốt và đạt hiệu quả tốt nhất **[H9.09.04.07]**.

- Về các phần mềm hỗ trợ nghiên cứu và học tập: Hệ thống website của Trường gồm 01 website chính là: www.upt.edu.vn và 19 websites chuyên nghiệp các đơn vị. Để phục vụ nghiên cứu khoa học và học tập, Trường đã phát triển hệ thống website của các Phòng QLĐT, Phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Phòng SDH, Phòng QLKH&HTQT, Thư viện, Đoàn Thanh niên, Phòng CTCTSV&HTDN và 9 khoa chuyên môn đều có Website bán chuyên nghiệp lưu trữ thông tin nội bộ, các tài liệu nội sinh cần thiết và được sử dụng cho toàn thể CBGVNV và người học **[H9.09.04.08]**, trong đó Khoa Luật kinh tế và phòng QLSDH quản lý website: <https://fl.upt.edu.vn/> và <http://sdh.upt.edu.vn/>. Toàn thể CBGVNV Trường, và Khoa nói riêng đều được cấp và sử dụng email (@upt.edu.vn) để giao dịch, trao đổi thông tin nội bộ và bên ngoài **[H9.09.04.09]**; Mỗi HV được cấp 01 hộp thư điện tử và một tài khoản để phục vụ cho quá trình học tập của mình **[H9.09.04.10]**.

- Về đảm bảo an toàn: Trường ĐHPT đã có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh cho toàn bộ hệ thống mạng và các máy tính trong Trường. Cụ thể, có kế hoạch trang bị hệ thống tường lửa (Firewall), Router, hệ thống cảnh báo xâm nhập (IDS) cho các máy chủ và mạng LAN của trường; Các máy tính có phần mềm diệt vi rút **[H9.09.04.11]**.

Hệ thống CNTT được duy tu, bảo dưỡng và cập nhật kịp thời để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hàng năm, trường đều có kế hoạch bảo trì, nâng cấp, thay hoặc thay mới các thiết bị máy tính và các móc hư hỏng; nâng cấp, đầu tư hệ thống máy chủ, máy trạm, mua thêm một số phần mềm mới nhằm đáp ứng đủ nhu cầu và đảm bảo chất lượng đào tạo, vận hành **[H9.09.04.12]**. Ngoài ra, bộ phận chuyên trách sẽ thường xuyên kiểm tra và khắc phục kịp thời các sự cố của các thiết bị tin học, hệ thống mạng nội bộ, các cổng thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm...; đồng thời nhận phản ánh tình hình các trang thiết bị dạy học từ khoa để có kế hoạch sửa chữa, mua sắm đầu tư mới kịp thời phục vụ công tác đào tạo, NCKH **[H9.09.04.13]**, **[H9.09.04.14]**.

Mỗi năm, phòng chức năng IT kết hợp với khoa cùng tổ chức khảo sát online mức độ hài lòng của CBGV và HV về hệ thống CNTT và CSHT của Trường. Kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% ý kiến cho rằng các thiết bị hỗ trợ giảng dạy/nghiên cứu (máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, máy photo, scan, fax, thiết bị trong phòng thực hành...) tốt, đáp ứng công tác chuyên môn; Đồng thời, 85% ý kiến cho rằng hệ thống CNTT (máy tính, wifi, tốc độ đường truyền, các phần mềm, trang thông tin điện tử...) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo/nghiên cứu [H9.09.04.15], [H9.09.04.16], [H9.09.04.17]. Qua đó, Trường đã có kế hoạch kịp thời khắc phục các thiếu sót để công tác hỗ trợ CNTT cho giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của trường ngày càng hiện đại hơn. Cụ thể, đã chỉ đạo rà soát, sửa chữa hoặc thay mới hệ thống mạng, máy chiếu, âm thanh tại các giảng đường nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác giảng dạy; Đồng thời, Trường đã trang bị và đưa vào sử dụng phòng thư viện điện tử năm 2018 với hệ thống máy tính đồng bộ, nối mạng Internet tốc độ cao để phục vụ HV miễn phí truy cập tra cứu tài liệu học tập [H9.09.04.18].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống thiết bị CNTT và thiết bị mạng lưới Internet, hệ thống máy chủ, máy dự phòng, chế độ bảo mật của trường ĐHPT được đầu tư và phát triển phù hợp với nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của toàn trường cũng như Khoa Luật kinh tế.

Hệ thống email, internet, wifi phủ sóng rộng khắp và mạnh mẽ tạo rất nhiều điều kiện thuận lợi cho việc học tập, nghiên cứu, làm việc cho cán bộ công nhân viên, giảng viên và HV.

3. Điểm tồn tại:

Hệ thống máy tính trong phòng tự học hiện tại chưa đáp ứng đủ cho số lượng học viên ngày càng tăng. Hệ thống wifi trong các giờ cao điểm đôi khi bị quá tải khiến việc truy cập và tìm kiếm thông tin trong giờ học cảm bị bất tiện.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa LKT đề xuất Nhà trường lắp đặt thêm máy chủ cầu học ngoài giờ của người học.	Khoa LKT; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	
		Tăng cường đường truyền wifi nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu học ngoài giờ của người học.	Khoa LKT; P. TC-HC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống CNTT. Nâng cấp hệ thống wifi trong toàn khuôn viên Trường.	P.TC-HC, Ban TTTT&QTM	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù.

1. Mô tả hiện trạng:

Việc đảm bảo môi trường, sức khỏe và sự an toàn cho tất cả CBGVNV và HV luôn được Ban lãnh đạo Trường ĐHPT quan tâm. Dựa trên cơ sở đó, Trường đã đưa ra quyết định thành lập bộ phận Quản trị môi trường, sức khỏe, y tế, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc thù, trong đó, Phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Phòng QLĐT, Phòng Y Tế là những đơn vị được phân công nhiệm vụ chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác này [H9.09.05.01]. Bên cạnh đó, Trường ĐHPT cũng đã ban hành quy định về công tác hỗ trợ người khuyết tật đến học tập tại trường, ban chỉ đạo về ATTP tại trường, thành lập Ban chỉ đạo công tác y tế để chăm sóc sức khỏe cho CBGVNV và HV trong trường [H9.09.05.02], [H9.09.05.03], [H9.09.05.04]. Các tiêu

chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn luôn được tuân thủ nghiêm ngặt và xác định trên cơ sở quy chuẩn của Bộ GDĐT và các ngành liên quan như Chính phủ, Bộ Lao động Thương binh Xã hội. Trường ĐHPT luôn quan tâm đến việc đảm bảo môi trường, sức khỏe và sự an toàn cho tất cả CBGVNV và HV trong trường.

Nhằm triển khai các quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định trên cơ sở quy chuẩn của các cơ quan chủ quản, Nhà trường xây dựng các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn, được triển khai thực hiện và được áp dụng trong quá trình thiết kế, xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư/bố trí các trang thiết bị, an toàn trong các phòng TN/TH, căn-tin,... [H9.09.05.05].

Hàng năm, Các phòng ban chức năng quản lý vấn đề này cùng với phòng KH-TC đều xây dựng các kế hoạch về công tác môi trường, y tế, đảm bảo an toàn, an ninh trong trường tại các cơ sở và được triển khai cụ thể hàng tháng và lập dự toán kinh phí cho hoạt động này [H9.09.05.06].

Môi trường sinh thái và môi trường học tập và làm việc: Hệ thống máy lạnh phủ toàn bộ khu hành chính, một số phòng học được trang bị máy lạnh, máy quạt và cửa sổ thông gió, tạo không khí mát mẻ thoải mái phục vụ quá trình học tập và làm việc trong các mùa nắng nóng [H9.09.05.07]. Văn phòng làm việc của Khoa có diện tích rộng rãi nhằm bố trí các chỗ ngồi thoải mái cho các CBGVNV làm việc, việc bố trí ánh sáng và rèm che nắng cũng được sắp đặt và thiết kế hợp lý. Bên cạnh đó, Nhà trường đã có chủ trương trồng rất nhiều cây xanh xung quanh trường, xây dựng chiến lược phát triển môi trường xanh, trong lành [H9.09.05.08]. Tất cả các phòng thực hành – thí nghiệm đều được triển khai đầy đủ các nội quy lao động, hướng dẫn sử dụng đảm bảo an toàn vận hành máy móc, thiết bị dạy học [H9.09.05.09]. Nhà trường luôn có kế hoạch sửa chữa các trang thiết bị trong Trường. Về việc xử lý rác thải nhà trường đã hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường Tỉnh Bình Thuận, rác thải được tập kết tại 1 điểm và có xe tới chở đi.

Về công tác y tế học đường: Đối với vấn đề chăm sóc sức khỏe cho toàn trường, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo y tế theo quy định chức năng và nhiệm vụ đi kèm với tuyển dụng nhân có chuyên môn cao phụ trách bộ phận y tế [H9.09.05.10]. Trường có cơ sở khám chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT về tổ

chức và hoạt động của phòng Y Tế trong trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các văn bản liên quan. Phòng Y tế Trường ĐHPT hoạt động từ 6:30g đến 20:30g mỗi ngày để tổ chức sơ cấp cứu, điều trị ban đầu cho CBGVNV và HV trong suốt quá trình học tập và làm việc tại Trường [H9.09.05.11]. Mỗi khi có người bệnh đến phòng y tế thì nhân viên y tế luôn lưu lại thông tin để theo dõi về tình hình sức khỏe. Nhà trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người học, 100% CBGVNV và HV trong toàn trường đều được cấp bảo hiểm y tế dựa trên các quy định của Nhà nước [H9.09.05.12]. Trường luôn chú ý đến vấn đề sức khỏe và môi trường nên thường xuyên thông báo về các dịch bệnh theo mùa đến toàn thể CBGVNV và HV để có biện pháp phòng chống hiệu quả [H9.09.05.13]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe tổng quát cho toàn bộ CBGVNV cũng như tổ chức nhiều hoạt động khám, tư vấn sức khỏe cho người lao động ngoài kế hoạch khám định kỳ [H9.09.05.14]. Bên cạnh việc chăm sóc về y tế, tạo sân chơi về văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao cho HV, thực hiện tốt các chính sách xã hội sẽ tạo điều kiện cho HV yên tâm học tập tốt hơn là hoạt động không thể thiếu được trong trường. Nhà trường xây dựng các sân bóng, sân chơi cầu lông, bóng rổ, bóng chuyền tạo cho HV tham gia tích cực các hoạt động thể dục thể thao sau giờ học căng thẳng. [H9.09.05.15].

Về công tác đảm bảo an toàn cho HV, HS trong khuôn viên Trường: Trường có tường rào bao bọc, cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh. Hằng năm, trường có ký kết hợp đồng với các điều khoản thỏa thuận chặt chẽ về an ninh và an toàn với đội bảo vệ an ninh [H9.09.05.16]. Các bảo vệ tại Trường trực tại Trường 24/24 giờ với chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể, bảo vệ có trách nhiệm ghi chép lịch trực của bộ phận hằng ngày. Đội bảo vệ cũng đã được nhà trường trang bị các trang thiết bị để hỗ trợ cho công tác bảo vệ như: bộ đàm, đèn pin, điện thoại để gọi khi có sự cố [H9.09.05.17].

Theo quy định chung, tại tất cả các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đều có các quy định về an toàn lao động, vận hành [H9.09.05.18]. Các quy định cũng được in ra và dán tại các phòng thí nghiệm – thực hành, các CBGVNV và HV cũng phải nắm vững các quy định này để tránh những tổn thất về người và của. Ngoài ra, Nhà trường còn quan hệ chặt chẽ và thường xuyên với chính quyền, cơ quan Công an địa phương để phối hợp tốt công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực. Trường thường xuyên đón

tiếp các tình nguyện viên, các đoàn thăm viếng và các hội thảo nước ngoài nên luôn có kế hoạch phối hợp với các cơ quan công quyền chức năng để đảm bảo an ninh tuyệt đối.

Trường ĐHPT thành lập Ban Phòng chống cháy nổ đảm bảo công tác phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn khi sự cố xảy ra [H9.09.05.19]. Bên cạnh đó, Trường còn xây dựng hệ thống thoát hiểm bằng thang bộ và thang dây. Ban Phòng chống cháy nổ định kỳ kiểm tra vệ sinh, an toàn PCCC tại các xưởng thực hành, các phòng thí nghiệm của Trường xây dựng môi trường thực hành an toàn, vệ sinh cho người học. Vấn đề liên quan đến PCCC được trường đặc biệt quan tâm, trường đã thành lập Ban PCCC kèm theo danh sách đội PCCC cơ sở [H9.09.05.20] và nội quy PCCC [H9.09.05.21] đảm bảo công tác phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn khi xảy ra sự cố. Ban PCCC định kỳ kiểm tra vệ sinh, an toàn PCCC tại các phòng thí nghiệm, hành lang... và đầu tư hệ thống PCCC tại các cầu thang, hành lang; Định kỳ hàng năm phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC Tỉnh Bình Thuận về việc đưa ra các phương án chữa cháy và mở các lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho CB của Trường [H9.09.05.22]. Hằng năm, Trường phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Tỉnh Bình Thuận tổ chức các buổi **tập huấn, diễn tập ứng phó khẩn cấp** như phòng cháy chữa cháy, sơ cứu chấn thương, xử lý tai nạn hóa chất, với sự tham gia của CBGVNV và người học [H9.09.05.23]. Qua các hoạt động này, nhận thức và năng lực ứng phó tình huống nguy hiểm của người học ngày càng được nâng cao, góp phần phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong quá trình học tập. Định kỳ hằng năm Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Tỉnh Bình Thuận đều đến kiểm tra hệ thống PCCC, các thiết bị PCCC và tình hình nhân sự trong đội PCCC để đảm bảo an toàn trong công tác PCCC tại đơn vị [H9.09.05.24]. Hằng năm, Nhà trường luôn thông báo đến các đơn vị về việc rà soát các điều kiện an toàn trong công tác giảng dạy và học tập, thông báo đến các phòng ban và HV về việc đảm bảo công tác PCCC [H9.09.05.25].

Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm: Về vấn đề an toàn thực phẩm tại trường: trường có 1 căn tin để phục vụ ăn uống cho toàn thể CBGVNV và HV trong toàn trường cho nên vấn đề an toàn thực phẩm để đảm bảo sức khỏe cho toàn trường luôn luôn được đảm bảo. Căn tin của nhà trường đã được sở y tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm và luôn được kiểm tra định kỳ [H9.09.05.26]. Nước uống và nước sinh hoạt là 1 vấn đề hết sức đặc biệt và quan trọng trong khuôn viên trường vì nó ảnh hưởng

trực tiếp tới sức khỏe con người. Nên nhà trường đã đầu tư hệ thống xử lý và lọc nước RO theo tiêu chuẩn của bộ y tế [H9.09.05.27].

Vào cuối mỗi năm, qua các báo cáo công tác năm học cùng với việc tiếp nhận các ý kiến của HV về tình hình thực tế tại Trường về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai, Phòng TC-HC, Ban lãnh đạo Nhà trường cùng với các phòng ban liên quan sẽ đưa ra phương hướng khắc phục cho năm học tiếp theo [H9.09.05.28].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn... bằng nhiều hình thức như khảo sát khác nhau, thông qua các cuộc họp giao ban đào tạo 2 lần/tháng, họp giao ban công tác HV và thông qua các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo với HV, từ đó có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Kết quả trung bình có trên 90% các bên liên quan hài lòng về tiêu chí này [H9.09.05.29], [H9.09.05.30].

Đặc biệt trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhà Trường luôn chú trọng quan tâm đến sức khỏe của người học và đội ngũ người lao động. Luôn nhắc nhở tuân thủ quy định về phòng chống dịch, đồng thời tổ chức lực lượng giám sát, nhắc nhở người học và CB-GV-NV tuân thủ quy định để đảm bảo an toàn, sức khỏe cho bản thân và gia đình.

2. Điểm mạnh:

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn luôn được nhà trường đầu tư, quan tâm triển khai, giám sát chặt chẽ và cải tiến nhằm cung cấp những điều kiện làm việc, học tập và nghiên cứu tốt nhất cho đội ngũ CBGVNV và HV trong trường.

3. Điểm tồn tại:

Một số học viên có phản hồi một số phòng học trong mùa hè còn nóng nực, cần lắp thêm máy lạnh hoặc hệ thống làm mát cho các phòng học.

Trường vẫn chưa có hệ thống CSVC phục vụ cho những trường hợp có nhu cầu đặc biệt cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trồng thêm cây xanh tạo nhiều bóng mát. Đồng thời, có các kế hoạch sửa chữa, thay mới và lắp đặt thêm CSVC tạo môi trường học tập và thực hành tốt nhất cho các học viên.	P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	
		Nhà trường đang có kế hoạch sửa chữa, bổ sung thêm cơ sở hạ tầng phục vụ cho người khuyết tật để dự phòng khi có nhu cầu sử dụng.	BGH; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Đánh giá và cải tiến tạo môi sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, an toàn lao động,... cho đội ngũ CB-GV-NV, SV và HV toàn trường nói chung và Khoa nói riêng.	P.TC-HC, Khoa LKT,	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Nhà trường quan tâm và phát triển CSVC và trang thiết bị hiện đại, chất lượng cao được trang bị đầy đủ, đáp ứng đủ nhu cầu cao trong học việc học tập và NCKH.

Thư viện trường được xây dựng thoáng mát rộng rãi, cung cấp đa dạng các đầu sách tham khảo cho HV của Khoa Luật kinh tế. Hệ thống thư viện trực tuyến đang được xây dựng tạo điều kiện học tập và nghiên cứu khoa học. Trung tâm thực hành nghiệp vụ

của Khoa đang được đầu xây dựng thêm trong năm học 2021-2022. Phòng thực hành các môn học liên quan đến công nghệ được trang bị hiện đại, và sửa chữa kịp thời, đồng thời, các trang thiết bị tại phòng luôn được cập nhật, duy tu, bảo dưỡng, đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Hệ thống thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được nhà trường lắp đặt và cung cấp đầy đủ cho Khoa.

Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, an toàn lao động,... luôn được Nhà trường quan tâm triển khai, có đánh giá và cải tiến tạo môi trường tự nhiên và xã hội tốt cho đội ngũ CB-GV-NV và HV toàn trường nói chung và Khoa Luật kinh tế nói riêng.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Nguồn tạp chí và nguồn tài liệu ngoại văn chuyên ngành còn hạn chế. Độc giả chưa quen dùng các phần mềm tra cứu tài liệu, chưa thực sự khai thác tốt cơ sở dữ liệu, tìm tin, xử lý và sử dụng thông tin hiện có tại thư viện.

Nguồn học liệu của Khoa vẫn còn giới hạn chưa cung cấp đủ số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo cho nhu cầu học tập và nghiên cứu ngày càng tăng.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 9:

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm và 03 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.

Mở đầu:

Việc nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo mục tiêu đào tạo, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, Khoa LKT đã thường xuyên rà soát, cập nhật và phát triển CTĐT dựa trên các quy trình do Bộ GDĐT và Trường ban hành, sử dụng kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. CTĐT được bổ sung cập nhật định kỳ, chuyển đổi phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ; được đánh giá và cải tiến dựa trên các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (*gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, nhà sử*

dụng lao động và cựu học viên). Việc đánh giá kết quả học tập của người học trong quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR và nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐH

1. Mô tả hiện trạng:

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành LKT được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu xã hội. Theo Quy định của Bộ GDĐT và của Trường ĐHPT. CTĐT thạc sĩ ngành LKT được ban hành vào năm 2022 và đang được điều chỉnh vào năm 2025 [H10.10.01.01]. Quá trình điều chỉnh CTĐT đều dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT và của Nhà trường về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học [H10.10.01.02].

Việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu HV và HV đang học tập tại Trường, được Khoa sử dụng trong quá trình thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ thạc sĩ ngành LKT. Trên cơ sở Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục hằng năm của Khoa/Trường, trong đó xác định các loại khảo sát, đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin và Báo cáo cho Nhà trường theo Kết quả dự kiến [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.01.05]. Bên cạnh đó, hàng năm, Trường ĐHPT tiến hành khảo sát các đối tượng: HV cuối khóa, GV và CBNV, cựu HV và nhà tuyển dụng, trong đó có tiêu chí về CTĐT của Trường thông qua các hình thức: khảo sát trực tuyến trên google forms của P.KT-ĐBCL-TT&PC (đối với HV cuối khóa, GV và CBNV); gửi link khảo sát qua email và khảo sát qua facebook, zalo, gọi điện thoại trực tiếp, hỏi người thân, bạn bè, (đối với HV đã tốt nghiệp); phát phiếu khảo sát trong “Ngày hội việc làm”, gửi link phiếu khảo sát qua email doanh nghiệp/người quản lý bộ phận, liên hệ trực tiếp doanh nghiệp HV đang công tác, (đối với các đơn vị tuyển dụng) [H10.10.01.06] , [H10.10.01.07], [H10.10.01.08], [H10.10.01.09], [H10.10.01.10].

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT, bên cạnh các ý kiến của các chuyên gia giáo dục, cán bộ quản lý và GV trong các bộ môn. Phòng/Khoa tiến hành thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu HV bằng nhiều hình thức: gửi phiếu khảo sát trực tiếp, qua email hoặc phỏng vấn qua điện thoại [H10.10.01.11]; tổ chức các hội thảo về đào tạo gắn với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được khoa thu thập theo hệ thống như trên, đảm bảo đầy đủ các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy về nhu cầu nguồn nhân lực từ các bên liên quan. Phòng/Khoa dựa trên cơ sở dữ liệu phản hồi tiến hành tổng hợp, phân tích và chọn lọc những ý kiến phù hợp để làm căn cứ thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTDH thạc sĩ ngành LKT [H10.10.01.12].

Ngoài ra, hằng năm Phòng QL Sau đại học còn phối hợp với Khoa tiến hành khảo sát ý kiến HV về hoạt động giảng dạy từng học phần, khảo sát ý kiến HV cuối khóa về CTDH, khảo sát ý kiến GV về CTDH, khảo sát ý kiến cựu học viên về tình hình thăng tiến trong công việc, thu nhập sau khi kết thúc CTĐT thạc sĩ LKT tại Trường ĐHPT, các yêu cầu của nhà tuyển dụng, khảo sát ý kiến của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp về CTDH, chất lượng HV tốt nghiệp thạc sĩ ngành LKT, nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp trong tương lai. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Phòng QL Sau đại học tiến hành tổng hợp và gửi tới Khoa, để khoa tham khảo, bổ sung thông tin cho việc rà soát và điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.13], [H10.10.01.14].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, phân công nhiệm vụ rõ ràng. Phòng/Khoa duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các doanh nghiệp, cơ quan tại địa phương và mạng lưới cựu HV. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao.

CTĐT thạc sĩ ngành LKT được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng cơ quan, doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT thạc sĩ ngành LKT chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn trong phạm vi tại địa phương.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tiếp tục duy trì và mở rộng việc lấy thông tin phản hồi của các bên liên quan để phát triển chương trình đào tạo. Tăng cường số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc khảo sát. Mở rộng phạm vi khảo sát các doanh nghiệp, cơ quan trên địa bàn và các tỉnh lân cận.	Khoa LKT, P. QLSDH	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực khảo sát các bên liên quan về CTĐT theo kế hoạch hằng năm của Khoa, dựa trên bảng khảo sát các bên liên quan đã được kiểm định.	Khoa LKT, P. QLSDH	Từ năm 2025-2026	
		Khoa LKT tiếp tục sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng của thời đại	Khoa LKT	Từ năm 2025-2026	
		Khoa vẫn tiếp tục tham khảo các CTĐT thạc sĩ ngành LKT trong và	Khoa LKT	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		ngoài nước để xây dựng và phát triển hơn.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT thạc sĩ ngành LKT được xây dựng dựa trên các quy trình thiết kế và phát triển CTDH mà Bộ GDĐT ban hành tại thời điểm xây dựng hoặc điều chỉnh [H10.10.02.01]. CTDH ngành LKT đã được rà soát, điều chỉnh định kỳ 02 năm một lần. Cụ thể, năm 2022, Khoa LKT đã thực hiện xây dựng CTĐT thạc sĩ LKT theo hệ thống tín chỉ và kế hoạch của Trường [H10.10.02.02]. Khoa LKT đã tiến hành tổ chức khảo sát và cập nhật về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT thạc sĩ ngành LKT [H10.10.02.03]. Đến năm 2025, Khoa LKT tiếp tục tiến hành đánh giá, sửa đổi, cập nhật quy trình thiết kế và phát triển CTĐT thạc sĩ ngành LKT [H10.10.02.04].

Dựa trên kết quả khảo sát thực tế và những đánh giá tổng hợp trên, quy trình thiết kế và phát triển CTĐT thạc sĩ ngành LKT được xây dựng. Chương trình đã chỉ rõ những học phần tiên quyết, trong từng học phần phân bổ rõ ràng và khá hợp lý số giờ lý thuyết, giờ thực hành và tự học [H10.10.02.03]. Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước theo Quy định của Bộ GDĐT [H10.10.02.04] và hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.02.01].

Việc thiết kế và phát triển CTĐT được thiết lập theo các bước: Trước tiên, Khoa tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với quy trình thiết kế và phát triển CTĐT hiện hành. CTĐT sửa đổi trên cơ sở tổng hợp các ý kiến phản hồi thu thập được và tham khảo quy trình thiết kế và phát triển CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước [H10.10.02.05]. Sau đó, Hội đồng Khoa học thảo luận để thống nhất

bản dự thảo sửa đổi CTĐT, sau thẩm định, Khoa/Bộ môn tiếp thu ý kiến của Hội đồng khoa học và đào tạo của Nhà trường và điều chỉnh theo kết luận trong biên bản để Nhà trường chính thức ban hành CTĐT sau điều chỉnh **[H10.10.02.06]**.

Ngoài việc ban hành quy trình xây dựng CTĐT và CDR, nhà trường có kế hoạch rà soát, quy trình, thiết kế, đánh giá CDR, CTĐT và ĐCCT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. CDR của CTĐT thạc sĩ ngành LKT hướng đến mục tiêu trang bị cho HV kiến thức cơ bản vững chắc về tính toán và thống kê, ngoại ngữ, kiến thức xã hội; kiến thức vững chắc về cơ sở ngành và chuyên ngành, rèn luyện các kỹ năng mềm cùng các kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, đủ và phù hợp với nhu cầu xã hội, thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, để khi ra trường HV có thể đáp ứng được yêu cầu tại các vị trí công việc khác nhau trong các cơ quan, doanh nghiệp đa dạng, lại vừa có thể học tiếp lên bậc cao hơn hoặc làm công tác nghiên cứu **[H10.10.02.01]**.

2. Điểm mạnh:

Việc thiết kế và phát triển CTĐT ngành LKT được thực hiện đúng quy trình, quy định kèm theo sự rà soát, đánh giá và cải tiến theo định kỳ.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng dữ liệu khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan về cải tiến quy trình thiết kế, phát triển CTDH nhiều hơn.	Khoa LKT, P. QLSDH	Từ năm học 2025 - 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ rà soát và phát triển CTĐT thạc sĩ ngành LKT theo đúng quy định của Nhà trường và yêu cầu của các bên liên quan.	Khoa LKT, P. QLSDH	Từ năm 2025 - 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với Chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có quy trình, quy định về việc rà soát, đánh giá phương pháp giảng dạy; hoạt động học tập; kỹ thuật kiểm tra, đánh giá. Để đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT, hoạt động dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên ở cấp Trường, cấp Khoa. Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác tổ chức thực hiện dự giờ giảng viên tại Trường ĐHPT [H10.10.03.01]. Ngoài ra, nhằm hỗ trợ các khoa, GV, các đơn vị quản lý đào tạo trong việc tổ chức xây dựng, cập nhật điều chỉnh ĐCCT học phần và cải tiến thường xuyên hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá học phần của tất cả các CTĐT, các hệ đào tạo, Trường ĐHPT đã ban hành các quy trình để hướng dẫn cụ thể việc lựa chọn, thiết kế và đánh giá sự phù hợp của các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và phù hợp để giúp người học đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT, làm cơ sở rà soát và cải tiến các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá người học định kỳ [H10.10.03.02].

Nhà trường, Hội đồng khoa/Bộ môn có quy định về việc giám sát, đánh giá quá trình dạy thông qua kiểm tra giáo án, thông qua dự giờ, thanh tra giờ dạy, khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của GV [H10.10.03.03], [H10.10.03.04]. Ngoài ra, Khoa TC-KT-NH thường xuyên phối hợp cùng với Phòng Quản lý đào tạo và Phòng KT-ĐBCL-

TT&PC quản lý, rà soát, đánh giá các hoạt động dạy học, đánh giá kết quả học tập của người học thuộc Khoa. Cụ thể:

Phòng QLSDH ghi nhận ý kiến của GV để bố trí lịch giảng dạy phù hợp và có trách nhiệm theo dõi lịch giảng dạy, giờ giấc ra vào lớp của GV, tiến hành theo dõi tình hình lên lớp của GV **[H10.10.03.04]**. Bên cạnh đó, phòng KT-ĐBCL-TT&PC chủ trì phối hợp với phòng QLSDH và Khoa LKT tổ chức hoạt động dự giờ GV để đưa ra ý kiến đóng góp và làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV; đồng thời thường xuyên thực hiện khảo sát HV về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV, thống kê phân tích phổ điểm thi từng học kỳ, ... nhằm có thông tin phản hồi cho việc dạy và học của GV và SV **[H10.10.03.01]**, **[H10.10.03.14]**.

Định kỳ, Nhà trường tiến hành thanh tra việc vào điểm và quản lý điểm của Phòng QLSDH để đảm bảo nghiêm túc, khách quan chính xác **[H10.10.03.05]**, **[H10.10.03.03]**, **[H10.10.03.06]**... Việc đánh giá quá trình dạy và kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo thực hiện được CDR đã công bố **[H10.10.03.07]**. Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, việc tự học của HV giữ vai trò rất quan trọng, nó là nhân tố trực tiếp nâng cao chất lượng đào tạo. Để đáp ứng nhu cầu tự học của HV, GV phải thay đổi phương pháp giảng dạy và sử dụng nhiều hình thức khác nhau để đánh giá kết quả học tập của HV như làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, thi tự luận, vấn đáp... Hình thức thi giữa kỳ và nội dung thi giữa kỳ thường được rà soát và đánh giá trong các cuộc họp Khoa để đảm bảo được CDR được thiết kế trong môn học, cấu trúc đề thi. Đối với thi cuối kỳ, nội dung đề thi được kiểm tra, rà soát và giám sát bởi Trưởng Khoa/Bộ môn **[H10.10.03.08]**, hoạt động tổ chức thi kiểm tra/kết thúc học phần và đánh giá được thực hiện bởi Phòng QLSDH **[H10.10.03.09]**. Để đánh giá việc hoàn thành học phần, GV căn cứ vào điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ và điểm thi hết học phần, đề án tốt nghiệp thạc sĩ **[H10.10.03.10]**, **[H10.10.03.11]**, **[H10.10.03.12]**. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, bắt đầu triển khai, rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của đề thi và kết quả thi qua các học kỳ thông qua việc phân tích phổ điểm thi của từng học kỳ từ đó sẽ đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Việc giám sát đánh giá kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thực hiện thông qua Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường và Bộ GDĐT **[H10.10.03.13]** và đa số ý kiến phản hồi của người học hài lòng về tính nghiêm

túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV [H10.10.03.14].

2. Điểm mạnh:

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc.

Kết quả học tập của HV được đánh giá nghiêm túc, hình thức đánh giá đa dạng được thể hiện qua điểm giữa kỳ, điểm chuyên cần và bài thi cuối kỳ.

3. Điểm tồn tại:

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi. Nhà trường chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy-học, và việc đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp CDR. Thiết kế xây dựng ngân hàng đề thi nhằm đạt được CDR của học phần cho một số môn chung.	Khoa LKT, P.QLSDH, P.KT-ĐBCL- TT&PC	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện quy trình kiểm tra, đánh giá. Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hoạt động đánh giá KQHT của học viên đa dạng và linh hoạt hơn nữa nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá.	Khoa LKT, P.QLSDH, P.KT-ĐBCL-TT&PC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT có chính sách và quy định rõ ràng về hoạt động KHCN [H10.10.04.01]. Theo đó, Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho GV chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ NCKH, chính sách hỗ trợ kinh phí thực hiện NCKH, quy đổi giờ lao động tham gia hoạt động NCKH,... Ngoài ra, người học tại Trường ĐHPT cũng được đăng ký đề tài NCKH, được hỗ trợ kinh phí và được quy đổi điểm học tập. Công tác NCKH tại Trường ĐHPT và Khoa LKT được triển khai một cách có hệ thống theo đúng kế hoạch và mục tiêu chất lượng được ban hành [H10.10.04.02]. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Nhà trường đã xây dựng Đề án NCKH đáp ứng yêu cầu nâng cao giáo dục đào tạo 2015 – 2020, xây dựng KHCL phát triển Trường ĐHPT giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2040 [H10.10.04.02] và đã ban hành văn bản Quy chế hoạt động của Trường ĐHPT (quy định về thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH) [H10.10.04.03]. Cụ thể, Nhà trường khuyến khích

và tạo điều kiện cho GV đặc biệt là giảng viên trẻ chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH [H10.10.04.04]. Phần lớn các đề tài NCKH cấp Trường được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường. Nội dung các đề tài nghiên cứu đều bám sát với CTĐT của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo cho GV và HV trong Khoa [H10.10.04.05].

Dưới sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà trường, GV và HV ngành LKT rất chủ động trong hoạt động NCKH. Khoa LKT thường xuyên công bố các kết quả nghiên cứu trên tạp chí, tập san chuyên ngành uy tín trong và ngoài Trường, số lượng bài báo khoa học luôn tăng cao trong những năm gần đây [H10.10.04.06]. Ngoài ra, Khoa cũng đã tổ chức những buổi tham luận có liên quan đến việc dạy và học, những bài tham luận trên cũng góp phần giúp cho giảng viên và học viên tiếp cận và áp dụng phần nào vào thực tế việc giảng dạy tại trường [H10.10.04.06]. Khoa cũng rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho HV, thông qua việc đưa môn học Phương pháp nghiên cứu khoa học luật vào CTDH chính thức, Nhà trường và Khoa LKT đã khuyến khích và hỗ trợ tối đa cho các HV về mặt NCKH, viết bài báo đăng tạp chí, tập san và phát triển thành các đề tài bảo vệ đề án thạc sĩ [H10.10.04.07]. Cụ thể, trong các năm từ 2022 đến 2024, HV học CTĐT thạc sĩ ngành LKT tham gia hoạt động NCKH thông qua quá trình nghiên cứu đề tài khoa học và được đăng trong các tạp chí uy tín trên cả nước, trên cơ sở đó tiếp tục phát triển thành các đề tài bảo vệ đề án thạc sĩ chuyên ngành LKT [H10.10.04.08].

Bảng 10.1: Thống kê số lượng NCKH của học viên

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng		
		2022-2023	2023-2024	2024-2025
1	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	4	0

Ngoài ra, Khoa cũng có các hoạt động hợp tác các đơn vị trong và ngoài địa phương nhằm phát triển hoạt động [H10.10.04.09]. Thông qua các hoạt động NCKH này, trình độ, năng lực chuyên môn của cán bộ, GV và HV Khoa ngày được nâng cao, CSVC phục vụ cho công tác NCKH được trang bị ngày càng hoàn thiện hơn [H10.10.04.10].

2. Điểm mạnh:

Hoạt động NCKH của người học được Nhà trường chú trọng. Khoa đã có phong trào NCKH mạnh, huy động được sự tham gia của tất cả các giảng viên trong Khoa cũng như các học viên. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng.

3. Điểm tồn tại:

GV Khoa chưa có nhiều bài tham luận ở các Hội thảo trong và ngoài nước. Kinh phí dành cho NCKH của GV và HV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích GV tham gia NCKH, viết bài tham luận, tạo điều kiện cho GV tham gia các hội thảo trong và ngoài nước. Đề xuất Nhà trường điều chỉnh quy chế Chi tiêu nội bộ, tăng đầu tư kinh phí dành cho NCKH GV và HV.	BGH, K. LKT, P. QLKH & HTQT, P.QLSDH, P.KHTC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng.	Khoa LKT, P.QLSDH,	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ GV và HV, Trường ĐHPT đã có những văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến dịch vụ hỗ trợ GV và HV [H10.10.05.01], [H10.10.05.02]. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được Nhà trường và Khoa đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng. CSVC của Khoa gắn liền với CSVC của Nhà Trường (bao gồm phòng học và các thiết bị đi kèm: loa, máy chiếu, đèn chiếu, thư viện, dữ liệu truy cập internet,...). Bên cạnh đó, Thư viện UPT là thành viên của Hiệp hội Thư viện miền nam, kết nối thư viện điện tử với Thư viện Trường Đại học Tây Đô và vào tháng 08/2023, Thư viện UPT đã chính thức kết nối vào thư viện số dùng chung của Trung tâm Tri Thức Số thuộc Viện Nghiên cứu và Phát triển Tri thức số Việt Nam. Đối với các tài liệu, giáo trình được sử dụng trong quá trình giảng dạy Thạc sĩ ngành LKT, Nhà trường đã thành lập Hội đồng thẩm định để phê duyệt những giáo trình sau đại học phù hợp với yêu cầu sử dụng nội bộ. [H10.10.05.03], [H10.10.05.04], [H10.10.05.05].

Hàng năm, Nhà trường đã lên kế hoạch định kỳ tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH, GV, CB về chất lượng CSVC phục vụ cho việc học tập cũng như các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, cán bộ, học viên dưới hình thức phiếu phỏng vấn, phỏng vấn trực tiếp hoặc thu thập qua các hình thức Online. Kết quả khảo sát trong những năm gần đây cho thấy HV, GV, CB có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện CSVC cũng như các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ học tập [H10.10.05.06], [H10.10.05.07].. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn thống kê các trang thiết bị hỗ trợ công tác giảng dạy và học tập để phát hiện kịp thời các vấn đề để sớm khắc phục và sửa chữa đảm bảo cho công tác dạy và học được nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả [H10.10.05.08].

Từ các kết quả này, Nhà trường, Khoa và các đơn vị có liên quan kịp thời có những giải pháp cải tiến phù hợp nhằm phục vụ tốt hơn các nhu cầu học tập của học viên. Dựa

trên kết quả thu thập ý kiến của các bên liên quan, nhà trường đã triển khai thành công cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ toàn diện cho công tác đào tạo và nghiên cứu thông qua trang web chính thức tại địa chỉ <http://lib.upt.edu.vn/> và <http://nckh.upt.edu.vn/>. Các tài liệu được mã hoá, lưu trữ trong hệ thống mạng cục bộ [H10.10.05.09]. Hiện nay, Thư viện đã được trang bị 15 máy tính mới, cấu hình tốt, có kết nối internet tốc độ cao để HV có thể dễ dàng truy cập vào các nguồn tài nguyên điện tử, bao gồm cơ sở dữ liệu, tạp chí khoa học, sách điện tử và tài liệu học tập trực tuyến. Bên cạnh đó, mỗi năm thư viện còn thống kê số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo, phát triển nguồn tài liệu nội sinh là các luận văn cao học các ngành và thống kê danh mục sách được bổ sung vào thư viện giai đoạn 2019-2023 [H10.10.05.10], [H10.10.05.11]. Bên cạnh đó, Phòng QLKH&HTQT cũng đã triển khai Website bổ sung cập nhật đề tài NCKH của GV, SV, số lượng sách, báo, bài đăng tạp chí, các hội thảo/hội nghị của Trường hằng năm để phục vụ công tác học tập, nghiên cứu của CBGV và HV [H10.10.05.12]. Từ đó có cơ sở hợp tác, trao đổi với các đơn vị thư viện khác. Đối với CSVC, Phòng KH-TC, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng, phân bổ kinh phí, xây dựng dự toán thu – chi ngân sách đối với các hoạt động mua sắm, thuê, sửa chữa, bảo trì tài sản phục vụ hoạt động thường xuyên; Hoạt động cải tạo, sửa chữa và đầu tư xây dựng cơ bản. Các khoản kinh phí đầu tư cho nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị luôn được thực hiện dựa trên dự toán đã được phê duyệt [H10.10.05.13].

2. Điểm mạnh:

Các giảng đường được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, micro, đèn sáng,... Đối với các lớp học chuyên ngành đòi hỏi thực hành, giảng viên và học viên được sử dụng những giảng đường được thiết kế thuận tiện cho việc thực hành (thiết kế bàn ghế, không gian,...). Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho học viên.

3. Điểm tồn tại:

Đôi khi vẫn có sự cố trong giảng đường liên quan đến máy chiếu, micro gây khó khăn cho giảng viên và học viên trong quá trình học. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế

hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực trong Nhà trường còn yếu.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt. Thành lập bộ phận sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học, giảng đường có đường dây nóng nhằm kịp thời khắc phục các sự cố trang thiết bị.	P. TC-HC, P. QLSDH	Thường xuyên	
		Nâng cấp hệ thống wifi đủ mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho GV, HV khai thác và chia sẻ thông tin.	P. TCHC, Ban TTTT	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng kế hoạch mua trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học, đặc biệt chú trọng các ngành có thực hành Hoàn thiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đánh giá và cải tiến liên tục chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho HV.	Khoa, P. QLSDH,	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

Hiện nay, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC là đầu mối tham mưu cho BGH để tổ chức cho các đơn vị triển khai hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục cấp Trường và cấp CTĐT, đồng thời thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng nội bộ thông qua phản hồi mức độ hài lòng của các bên liên quan [H10.10.06.01], [H10.10.06.02].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng các hoạt động đào tạo, CSVC, phục vụ người học, tình trạng việc làm của người học sau tốt nghiệp, phản hồi của đơn vị sử dụng lao động,... theo định kỳ. Bên cạnh đó, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC cũng thường xuyên thực hiện các hoạt động: khảo sát ý kiến của học viên về hoạt động giảng dạy, khảo sát ý kiến của HV mới tốt nghiệp (6-12 tháng) về tình hình việc làm và CTĐT; khảo sát nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT; khảo sát ý kiến HV về CSVC và hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo... [H10.10.06.03], [H10.10.06.04], [H10.10.06.05], [H10.10.06.06]. Việc khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức: khảo sát online qua phần mềm, phát phiếu hỏi, email, điện thoại... [H10.10.06.07].

Quy trình khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ được lấy ý kiến từ các chuyên gia đầu ngành, GV, HV và các BLQ quan tâm khác. Ngoài ra, P.KT-ĐBC-TT&PC đã xây dựng và ban hành quy trình khảo sát lấy kiến phản hồi các BLQ và kèm theo các biểu mẫu phiếu khảo sát số 244/QĐ-ĐHPT ngày 28/9/20219; số 326/QĐ-ĐHPT ngày 20/11/2019. Đến năm 2023, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC đã rà soát, điều chỉnh và cập nhật cải tiến mới bộ phiếu khảo sát ý kiến các BLQ của Trường áp dụng từ năm học 2023-2024. [H10.10.06.08].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống khảo sát, nội dung các Phiếu khảo sát HV về hoạt động giảng dạy của GV, về CTĐT,... thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật; việc lấy ý kiến

phản hồi online nên nhận được ý kiến phản hồi một cách thường xuyên. Từ đó, Nhà trường có cơ chế điều chỉnh và cải tiến thường xuyên, liên tục để nâng cao tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại:

Phần mềm khảo sát online còn hạn chế cùng với việc đối tượng là HV ít tham gia phản hồi ý kiến, dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của HV về các hoạt động đào tạo của Trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục cải tiến hệ thống khảo sát, rà soát, điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát đảm bảo tính ngắn gọn, dễ hiểu và thu hút HV hơn.	P.KT-ĐBCL-TT&PC, Khoa, P. QLSĐH	Định kỳ	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giám sát thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách hệ thống. Thường xuyên tổ chức hội thảo với các nhà sử dụng lao động để thu thập các ý kiến phản hồi. Từ đó làm cơ sở để điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động.	Phòng QLSĐH, P.KT-ĐBCL-TT&PC	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Khoa LKT đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được tuân thủ theo đúng quy trình của Trường với các biểu mẫu thống nhất.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GDĐT, của Trường ĐHPT; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi/kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CDR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của sinh viên, học viên. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT thạc sĩ ngành LKT chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp trong tại địa phương. Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi vẫn còn thiếu sự chủ động từ phía Phòng QLSDH và Khoa. Vai trò của nhà tuyển dụng chưa thể hiện rõ nét trong quá trình thiết kế CTĐT

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

Phần lớn các đề tài NCKH học viên chưa thực sự có đóng góp lớn trong việc sáng tạo kết quả mới.

Phần mềm khảo sát online còn hạn chế cùng với việc ý thức của HV trong tham gia phản hồi ý kiến chưa cao dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của HV về các hoạt động đào tạo của Trường.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 10:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm và 03 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT thạc sĩ ngành LKT được xác định một cách rõ ràng, thể hiện được sự cam kết với người học, xã hội và được công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. CDR của thạc sĩ ngành LKT được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động và được đánh giá bởi các bên liên quan. Ngành LKT có bộ phận giám sát việc đạt chuẩn đầu ra, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học. Học viên tốt nghiệp ngành LKT đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan. Công tác nghiên cứu khoa học của học viên được Nhà trường và Khoa chú trọng, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai thực hiện. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ giáo dục, chương trình dạy học, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp và thăng tiến trong công việc của học viên sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành LKT được xác lập và được đối sánh qua các năm để từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Trong quá trình đào tạo, trường ĐHPT đã thiết kế CTĐT, bố trí các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian để HV hoàn thành chương trình học. Đối với CTĐT thạc sĩ ngành LKT có thời gian thiết kế chuẩn là 1.5 năm. Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học được quy định trong chương trình và không vượt quá 2 lần so với thời gian quy định của Trường [H11.11.01.01].

Trước khi bước vào năm học mới, Phòng QLSDH và khoa lập kế hoạch đào tạo trong đó có xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của CTĐT thạc sĩ LKT. Căn cứ vào đánh giá kết quả học tập và tỷ lệ thôi học các năm trước để làm cơ sở dự báo tỷ lệ trên [H11.11.01.02]. Nhà trường có hệ thống quản lý, theo dõi giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của HV thông qua các hoạt động như cảnh báo học vụ (Phòng QLSDH phối hợp với khoa), phần mềm quản lý điểm (Phòng QLSDH). Trong quá trình học tập, người học phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được đề ra trong CTĐT, trong Đề cương chi tiết (ĐCCT) môn học [H11.11.01.03].

Căn cứ theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Trường ĐHPT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Phan Thiết để theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của HV các khóa nhằm đưa ra các biện pháp cải tiến phù hợp [H11.11.01.04]. Trường cũng ban hành chức năng nhiệm vụ của P.QLSDH, chức năng nhiệm vụ của khoa để các cán bộ nhân viên chuyên trách theo dõi tỷ lệ này, báo cáo lãnh đạo và hỗ trợ HV cải tiến kết quả học tập. Trong đó P.QLSDH phụ trách quản lý điểm của người học trên phần mềm quản lý điểm, theo dõi kết quả học tập của người học, công bố kịp thời, đầy đủ về kết quả học tập cho người học qua hệ thống quản lý trên website của trường và gửi kết quả học tập về cho khoa theo học kỳ, năm học [H11.11.01.05]. Bên cạnh đó, các chuyên viên phụ trách, cố vấn học tập (CVHT) khoa chuyên môn căn cứ trên kết quả học tập để nhắc nhở và đôn đốc người học có kế hoạch học tập nhằm cải tiến kết quả học tập tốt hơn.

Theo các khóa, tỷ lệ HV thạc sĩ ngành LKT tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ; phân tích nguyên nhân, kết quả và xu hướng để đề ra biện pháp cải tiến.

Bảng 11.1. Tỷ lệ thôi học của HV thạc sĩ ngành LKT

Khóa học	SLHV nhập học	SL/ tỷ lệ HV thôi học qua các năm			
		Năm 1	Năm 2	Hết hạn	Tổng
1 (2022 – 2024)	19	0	0	0	0
		0	0	0	0
2 (2023 – 2025)	18	0	0	0	0
		0	0	0	0

Kết quả bảng trên cho thấy HV ngành LKT chưa có học viên nghỉ học vào năm nhất và năm hai[H11.11.01.06].

Bảng 11.2. Tỷ lệ người học thạc sĩ ngành LKT tốt nghiệp đúng thời hạn

STT	Khóa học	SL nhập học	TN đúng hạn		TN trễ hạn		Tổng	
			SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
1	1 (2022 – 2024)	19	2	10.53	10	52.63	12	63.16
2	2 (2023 – 2025)	18	6	33.33	5	27.78	11	61.11

Kết quả bảng trên cho thấy HV thạc sĩ ngành LKT có tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn đạt thấp. Lý do Hv đa số tốt nghiệp không đúng hạn là vì chưa đạt đủ điều kiện ngoại ngữ đầu ra chương trình đào tạo thạc sĩ. **[H11.11.01.07]**.

Sau khi có kết quả tổng hợp, phân tích tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học từ P. QLSDH gửi về, trên cơ sở đó, BGH sẽ có những chỉ đạo kịp thời để các đơn vị có liên quan có biện pháp cải tiến nâng cao tỷ lệ HV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ HV thôi học. Về phía Khoa LKT cũng đưa ra một số biện pháp cải tiến được thực hiện như: đổi mới phương pháp dạy học **[H11.11.01.08]**; theo dõi nhắc nhở HV trong sinh hoạt lớp; họp cán bộ lớp phân công giúp đỡ HV gặp khó khăn trong quá trình học tập **[H11.11.01.09]**; phối hợp với giảng viên (GV) theo dõi tình hình đến lớp của HV để can thiệp kịp thời. Và để giảm thiểu tỷ lệ HV vắng học, Phòng đã có các biện pháp ngay từ trong quá trình học tập như lập danh sách điểm danh các buổi học, những HV nghỉ học từ 2 buổi trở lên/môn học, Phòng liên hệ trực tiếp HV trao đổi tìm hiểu lý do và động viên, yêu cầu HV đi học đầy đủ **[H11.11.01.10]**. Đối với trường hợp HV đạt kết quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, Phòng lập danh sách, tìm hiểu nguyên nhân, tư vấn và hỗ trợ học viên **[H11.11.01.11]**. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến của HV, Nhà trường sẽ đưa ra các giải pháp cũng như kế hoạch để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường, Phòng QLSDH và Khoa LKT đã tổ chức xây dựng, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn, đáp ứng các yêu cầu trong nhiều vị trí công việc cho HV.

Ngoài ra, Trường DHPT cũng luôn quan tâm đến việc nghỉ học, bảo lưu của HV. Mỗi học kỳ ngoài những HV bị xử lý cảnh báo học vụ, buộc thôi học còn có những HV

bảo lưu vì nhiều lý do khác nhau như bận công tác; gia đình có việc riêng; không có khả năng chi trả học phí, ... [H11.11.01.12]. Từ kết quả trên, BGH đã chỉ đạo P. QLSDH và Khoa LKT phối hợp triển khai tìm hiểu nguyên nhân, đề ra hướng khắc phục nhằm nâng cao tỷ lệ HV đạt yêu cầu và hạn chế tối đa tỷ lệ HV nghỉ học, bảo lưu [H11.11.01.13]. Qua đó, Trường ĐHPT mà cụ thể là Phòng QLSDH tăng cường các hoạt động hỗ trợ HV nhằm tích cực nâng cao chất lượng học tập của HV. Cụ thể đối với HV bỏ học, tùy vào nguyên nhân mà trường có các biện pháp cải tiến như: Gia hạn thời gian đóng học phí, tạo điều kiện nhiều hơn cho học viên tự học tại nhà.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Phòng QLSDH đều có bộ phận chuyên trách phân công cá nhân phụ trách giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của học viên; có các quy chế, quy định cụ thể về đào tạo và phần mềm quản lý điểm để quản lý chung cơ sở dữ liệu và giám sát tỷ lệ học viên tốt nghiệp, thôi học.

Tỷ lệ HV thôi học, tốt nghiệp thạc sĩ ngành LKT được xác lập, giám sát và có đối sánh qua các năm để phân tích tìm hiểu nguyên nhân thôi học và chậm tốt nghiệp của HV, đồng thời đã có một số giải pháp tăng tỷ lệ HV tốt nghiệp và giảm tỷ lệ HV thôi học..

3. Điểm tồn tại:

Hiện tại, Phòng QLSDH chưa thực hiện được việc đối sánh tỷ lệ thôi học và tỷ lệ học viên tốt nghiệp với các trường trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng QLSDH nhờ sự hỗ trợ từ BGH và Nhà trường để có thể thu thập số liệu đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp từ các trường khác.	Khoa, P. QLSDH	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Các bộ phận chuyên trách tăng cường giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của học viên và đối sánh để đưa ra các nhận định phù hợp và có các giải pháp hiệu quả hơn.	Khoa, P. QLSDH	Từ năm 2025-2026	
		Tiếp tục phân tích tỷ lệ học viên thôi học, tốt nghiệp qua các khóa.	Khoa, P. QLSDH	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Vào đầu khóa học, HV sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo của khóa học, điều kiện được tốt nghiệp trong Buổi sinh hoạt đầu khóa, website Phòng QLSDH [H11.11.02.01]. Trong thời gian đào tạo, bộ phận chuyên trách của P.QLSDH tổng hợp các thông tin về kết quả học tập của HV theo từng học phần, khóa học cập nhật lên hệ thống điểm để HV vào tài khoản cá nhân xem kết quả học tập và điểm số tích lũy đã hoàn thành hay chưa hoàn thành. Qua đó, HV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cụ thể từng học kỳ, chủ động lên kế hoạch học tập nhằm tốt nghiệp đúng hoặc sớm tiến độ [H11.11.02.02].

Theo Kế hoạch đào tạo toàn khóa và Kế hoạch tổ chức Hội đồng bảo vệ đề án tốt nghiệp thạc sĩ của các lớp, Phòng QLSDH sẽ triển khai thông báo cho các học viên đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo và đạt đủ các điều kiện trước khi bảo vệ đề án tốt nghiệp theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Phan Thiết sẽ đăng ký nộp đề án. [H11.11.02.03]. Theo đó, Phòng QLSDH sẽ lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ sau mỗi đợt bảo vệ đề án của học

viên. Hàng năm, sau mỗi đợt xét tốt nghiệp, P.QLSDH sẽ thống kê số lượng HV tốt nghiệp theo khóa học gửi đến khoa nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của HV và báo cáo cho BGH. Qua đó, khoa LKT có thể đối chiếu lại thời lượng thiết kế CTĐT có phù hợp với thực tế không [H11.11.02.04]. CTĐT ngành LKT được thiết kế với thời lượng là 1.5 năm, thời gian tối đa là gấp 2 lần thời gian theo chương trình chuẩn, đủ để trang bị đầy đủ kiến thức cần thiết và phù hợp với sức học của HV cũng như đảm bảo thời gian tốt nghiệp đúng tiến độ.

Bảng 11.3. Thời gian tốt nghiệp trung bình thạc sĩ ngành LKT

Khóa học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (Năm)
1 (2022 – 2024)	2.08
2 (2023 – 2025)	1.73

Từ bảng trên cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình HV thạc sĩ ngành LKT các khóa là 1.91 năm. Số liệu này cho thấy các anh chị học viên ngành LKT còn tốt nghiệp trễ hạn khá nhiều, nguyên nhân chủ yếu của việc tốt nghiệp trễ hạn của học viên là do còn khó khăn trong việc đáp ứng đủ điều kiện chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định mới của Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT. Cố vấn học tập cũng như các chuyên viên của Phòng QLSDH cũng đã động viên các anh chị học viên thi các chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 theo đúng quy định hoặc học song song văn bằng 2 ngành ngôn ngữ nước ngoài để có thể đáp ứng được chuẩn đầu ra về ngoại ngữ cho chương trình đào tạo thạc sĩ.

Bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ HV hoàn thành khóa học đúng tiến độ, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để những HV có học lực tốt, đã hoàn thành đề án và đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo vệ đề án theo quy định Nhà trường có thể bảo vệ đề án thạc sĩ và tốt nghiệp sớm tiến độ [H11.11.02.05]. Những HV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có kết quả thi của mỗi học phần, Phòng QLSDH phối hợp cùng Khoa LKT tiến hành xét học vụ, và gửi kết quả đến những HV bị cảnh báo kết quả học tập. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ nhằm giúp cho HV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, hạn chế HV bỏ học ở mức thấp nhất [H11.11.02.06]. Đồng thời, Phòng QLSDH tiến hành họp mặt HV đầu mỗi năm

học, theo dõi tình hình học của HV thông qua CVHT và Ban cán sự lớp. Đối với HV năm cuối, các chuyên viên và lãnh đạo Phòng liên tục động viên, khuyến khích và hướng dẫn HV thực hiện tốt các học phần, trả nợ những học phần chưa đạt, cũng như hoàn thành đề án tốt nghiệp. Đối với các HV trễ hạn nộp đề án tốt nghiệp, Phòng QLSDH liên tục gửi email, gọi điện nhắc nhở, gặp mặt để trao đổi, tư vấn, hỗ trợ giải quyết những vấn đề khó khăn trong quá trình thực hiện đề án tốt nghiệp. Đây là những biện pháp thiết thực nhằm giảm tỷ lệ bỏ học và giúp HV tốt nghiệp đúng tiến độ **[H11.11.02.07]**. Những HV không tốt nghiệp đúng tiến độ đa số do HV chưa hoàn thành đề án tốt nghiệp; chưa đạt đủ điều kiện chuẩn ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ. Đối với các HV trễ hạn nộp đề án tốt nghiệp, Phòng QLSDH liên tục gửi email, gọi điện nhắc nhở, gặp mặt để trao đổi, tư vấn, hỗ trợ giải quyết những vấn đề khó khăn trong quá trình thực hiện đề án tốt nghiệp; hoặc do chưa hoàn thành điều kiện tiếng anh bắt buộc theo quy định; hoặc chưa đạt một số học phần trong chương trình đào tạo. Phòng QLSDH tham mưu Trung tâm PTNNL tạo điều kiện hỗ trợ mở các lớp tiếng anh đầu ra theo yêu cầu cho HV, tạo điều kiện cho những HV này về trả nợ học phần, bảo vệ đề án và xét tốt nghiệp sớm nhất có thể nếu HV đủ điều kiện xét tốt nghiệp và đang trong thời gian đào tạo cho phép **[H11.11.02.08]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Phòng QLSDH có giao trách nhiệm cho bộ phận, cá nhân để theo dõi/thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của HV theo từng khóa học.

Phòng QLSDH và khoa LKT có thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa đào tạo.

Phòng QLSDH và khoa LKT có thường xuyên tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và thực hiện các biện pháp hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ học viên tốt nghiệp đúng hạn như nhắc nhở về kết quả học tập thường xuyên, trao đổi, tư vấn, hỗ trợ tối đa cho HV năm cuối hoàn thành bảo vệ đề án tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại:

Số liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình chưa được đối sánh với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước vì gặp khó khăn trong việc thu thập số liệu.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng QLSDH nhờ sự hỗ trợ từ BGH và Nhà trường để có thể thu thập số liệu đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp trung bình từ các trường khác.	Khoa LKT, P. QLSDH,	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Phòng QLSDH phối hợp Khoa LKT và TTPTNNL xây dựng kế hoạch cho các HV còn nợ học phần và nợ chứng chỉ CĐR học tập để đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.	Khoa LKT, P. QLSDH, TTPTNNL	Từ năm 2025-2026	
		Phòng và Khoa tiếp tục duy trì và phát huy tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ HV cũng như hoạt động các bộ phận trong Nhà trường giúp tăng tỷ lệ HV tốt nghiệp đúng thời hạn và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.	Khoa LKT, P. QLSDH,	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Bên cạnh việc tập trung vào chất lượng đào tạo nhằm trang bị kiến thức vững chắc cho HV, Trường ĐHPT còn quan tâm đến sự thăng tiến trong việc làm của HV sau khi ra trường. Phòng QLSDH phụ trách phối hợp với Phòng KT-ĐBCL-TT&PC theo dõi

thống kê tỷ lệ có việc làm và chất lượng việc làm, thu nhập trung bình của HV sau tốt nghiệp thông qua Quy trình hướng dẫn cụ thể và kế hoạch về hoạt động khảo sát hàng năm **[H11.11.03.01]**.

Thực tế, các HV tham gia CTĐT thạc sĩ ngành LKT tại trường ĐHPT đa số đều đã có việc làm trước khi đăng ký dự tuyển tại Trường. Các học viên đăng ký dự tuyển cao học ngành LKT tại Trường ĐH Phan Thiết đa số làm việc tại các cơ quan, sở, ban, ngành, doanh nghiệp, các văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC vẫn tiến hành khảo sát NH sau khi tốt nghiệp ra trường những nội dung liên quan đến sự thăng tiến trong công việc, chức vụ, thu nhập trung bình và những ý kiến đóng góp về CTĐT cho Nhà trường. Sau khi thực hiện các khảo sát liên quan, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổng hợp, phân tích và gửi đến Khoa LKT nhằm mục đích cải tiến CTĐT theo nhu cầu thực tế đáp ứng công việc tại các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp như kỹ năng quản lý nhân sự, kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng xử lý các tình huống trong kinh doanh.

Từ tháng 07/2018, trường ĐHPT đã thành lập P.CTCTSV- QHDN&HTVLSV. Đến tháng 10/2024, P.CTCTSV- QHDN&HTVLSV được đổi tên thành Phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp. Đơn vị này là cầu nối nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV, HV **[H11.11.03.02]**. Hàng năm, đơn vị này phối hợp với các khoa, phòng tổ chức ngày hội việc làm để đưa SV, HV đến gần hơn với nhà tuyển dụng, tăng cơ hội tìm được việc làm phù hợp. Thông qua hoạt động này Trường thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia, trong đó có cả những học viên là quản lý, chủ các doanh nghiệp trong địa phương đang theo học CTĐT thạc sĩ LKT hỗ trợ việc làm cho sinh viên tốt nghiệp. Bên cạnh hỗ trợ các hoạt động trong ngày hội việc làm sinh viên, các học viên thạc sĩ LKT đang công tác tại các doanh nghiệp với vị trí quản lý, giám đốc hoặc chủ doanh nghiệp cũng đã tạo điều kiện và hỗ trợ rất nhiệt tình cho Nhà trường khi giới thiệu nơi thực tập tốt nghiệp, đi tham quan học tập, đi thực tế tại các doanh nghiệp cho sinh viên của các Khoa.

Hàng năm, P.KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với P.QLSDH và Khoa LKT triển khai việc khảo sát để tìm hiểu, theo dõi, giám sát khả năng thăng tiến trong công việc, mức độ đáp ứng hiệu quả công việc và thu nhập bình quân của HV tốt nghiệp **[H11.11.03.04]**. Theo đó, P.QLSDH gửi đường link khảo sát online đến email của tất cả HV tốt nghiệp

1 năm. Sau một thời gian nhất định, những cựu HV không phản hồi qua email P.KT-ĐBCL-TT&PC sẽ gọi điện thoại trực tiếp cho cựu HV hoặc liên hệ qua facebook, zalo, người thân,... đảm bảo thu được dữ liệu tin cậy và đáp ứng yêu cầu quy định. Đây là một trong những kênh thông tin để Nhà trường nhận được những phản hồi của người học, người sử dụng lao động về sự đáp ứng của CTĐT đối với nhu cầu lao động thực tế. Kết quả khảo sát sẽ được P.KT-ĐBCL-TT&PC tổng hợp, đối sánh, đánh giá gửi cho BGH và khoa để theo dõi và có những giải pháp, kế hoạch hằng năm để đảm bảo tăng tỷ lệ đáp ứng hiệu quả công việc, tăng khả năng cung cấp các kỹ năng làm việc cho học viên, cũng như Khoa có căn cứ để điều chỉnh CTĐT, tổ chức ngày hội việc làm, giới thiệu học viên đến các doanh nghiệp có thỏa thuận cộng tác.

2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ có việc làm của HV sau tốt nghiệp được xác lập và do P.KT-ĐBCL-TT&PC thực hiện việc khảo sát và đối sánh với các CTĐT khác trong nhà trường cũng như CTĐT của trường ĐH khác trong nước về tình trạng việc làm từ đó có thông tin đầy đủ về tình trạng việc làm của HV tốt nghiệp, mức độ đáp ứng so với nhu cầu thị trường lao động, các yêu cầu thực tế từ NTD từ đó đưa ra các giải pháp để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo.

Các HV và cựu HV thạc sĩ ngành LKT đều rất nhiệt tình hỗ trợ trong công tác hỗ trợ việc làm, thực tập, đi thực tế tại doanh nghiệp và đóng góp học bổng cho Nhà trường. Học viên tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ LKT được Nhà trường tạo điều kiện để tham gia giảng dạy và làm việc tại Trường.

3. Điểm tồn tại:

Chưa đối sánh tỷ lệ có việc làm của HV tốt nghiệp với nhiều trường đại học khác trong và ngoài nước định kỳ.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh và phân tích tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong và ngoài nước định kỳ hơn để đề ra giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm.	P.KT- ĐBCL-TT&PC	Từ năm 2025-2026	
		Tiếp tục đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho HV kỹ năng và môi trường nghề nghiệp. Đồng thời, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường có kế hoạch quảng bá CTĐT, về ngành LKT đối với xã hội.	Khoa LKT, P.QLSDH, Ban TTTT	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh công tác hợp tác với các DN tổ chức trong việc giới thiệu, tuyển dụng HV sau tốt nghiệp. Tiếp tục thực hiện khảo sát DN tìm hiểu nhu cầu của người sử dụng lao động để điều chỉnh cập nhật CTĐT đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của TTLĐ.	Khoa, P.CTCTSV & HTDN, P.QLSDH	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		Phát huy vai trò của cựu HV trong việc hỗ trợ thực tập và giới thiệu việc làm.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT xác định hoạt động NCKH trong Nhà trường là cần thiết, quan trọng song hành với hoạt động đào tạo để phát triển 1 trường ĐH. Từ năm 2015, Trường đã thành lập Phòng QLKH-HTQT nhằm tham mưu cho Nhà trường xây dựng KHCL phát triển NCKH phù hợp với điều kiện CSVN, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường [H11.11.04.01]. Bên cạnh Kế hoạch của P. QLKH-HTQT, Khoa và Phòng cũng xây dựng kế hoạch về hoạt động NCKH hằng năm của đơn vị mình trong đó xác lập được loại hình nghiên cứu đặc thù đối với khối ngành kinh tế là nghiên cứu xã hội và số lượng các hoạt động NCKH cho người học là tương thích với mục tiêu, sứ mạng - tầm nhìn của Nhà trường và CDR của CTĐT [H11.11.04.02]. Căn cứ vào kế hoạch NCKH trong năm của toàn Trường, Phòng và Khoa sẽ lập danh mục các đề tài NCKH của CB-GV và HV khoa mình. Sau đó, Khoa sẽ hướng dẫn HV đăng ký đề tài. Ngoài ra, hằng năm, P.QLSDH sẽ hỗ trợ P. QLKH-HTQT tổng kết thống kê hoạt động NCKH của HV trong năm và gửi lại thông tin để Phòng và Khoa theo dõi, giám sát [H11.11.04.03].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa thường tổ chức hội nghị, hội thảo về KHCN dành cho HV [H11.11.04.04]. Học viên Khoa LKT có tham gia hoạt động NCKH dưới nhiều

hình thức khác nhau như: viết tiểu luận, bài báo, làm đề án tốt nghiệp (theo quy định trong CTĐT, trong ĐCCT môn học), hoặc tham gia, học hỏi các đề tài NCKH ở các cấp, các Hội thảo khoa học. Phạm vi nghiên cứu của đề tài thường chủ yếu trong lĩnh vực LKT, ngoài ra còn mở rộng sang các chủ đề cần nâng cao nhận thức của HV như các tọa đàm, hội thảo khoa học “Các hướng nghiên cứu mới và Tiêu chuẩn công bố khoa học hiện nay”, báo cáo chuyên đề. Từ tháng 08 năm 2023, Nhà trường đã được cấp Giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử. Nhà trường cũng đã ra quyết định thành lập Tạp chí khoa học Trường Đại học Phan Thiết vào tháng 08 năm 2023. Đây là bước ngoặt lớn để mở ra một sân chơi mới và là nơi để CBNVGV, học viên tham gia nghiên cứu khoa học [H11.11.04.05]. Đề tài NCKH của HV có thể được thực hiện theo cá nhân hoặc nhóm nghiên cứu (không quá 3 tác giả/đề tài), đề tài đăng ký sẽ được các tác giả trình bày, trao đổi trong cuộc họp chung của Khoa tổ chức nhằm mục đích giúp HV xác định rõ hơn tên đề tài, mục tiêu, phương pháp và trình tự tiến hành nghiên cứu. Hiện nay, hoạt động NCKH chủ yếu của học viên cao học ngành LKT là các bài báo được đăng tại các tạp chí trong và ngoài nước. Bên cạnh đó phát triển các bài báo thành các đề án tốt nghiệp [H11.11.04.06].

Việc tổ chức hoạt động NCKH cho HV của Trường ĐHPT tuân theo Thông tư 19/2012/TT-BGDĐT ban hành quy định về hoạt động NCKH của HV trong các CSGD đại học của Bộ GDĐT. Ngoài ra, hoạt động theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của HV được thực hiện Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường [H11.11.04.06]. Phòng QLKH - HTQT chịu trách nhiệm về các đề tài NCKH từ cấp Trường trở lên, hướng dẫn HV lập hồ sơ, theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả [H11.11.04.07]. HV được hỗ trợ chính bởi các GV của Khoa và GV hướng dẫn thực hiện đề án như chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu, làm thực nghiệm, sửa bài, đánh giá... Đối với các hoạt động nghiên cứu là những bài báo, đề án tốt nghiệp, tùy theo ngành đào tạo, bài báo hoặc đề án tốt nghiệp được áp dụng cho HV đạt mức quy định của Trường [H11.11.04.08]. Khoa sẽ phân công và công bố danh sách GV hướng dẫn HV thực hiện nghiên cứu. Các đề tài có chất lượng tốt sẽ được báo cáo trước HĐKH của Khoa [H11.11.04.09]. Chất lượng hoạt động nghiên cứu của HV của trường các năm qua chủ yếu được đánh giá bởi các hội đồng nghiệm thu trong và ngoài trường [H11.11.04.10].

Chính sách về NCKH của HV cũng được HĐQT đưa vào nghị quyết để thực hiện [H11.11.04.11]. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH (trong đó có hoạt động NCKH của HV), chuyển giao công nghệ và PVCĐ. Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của HV, HĐQT đã tăng cường hỗ trợ về tài chính: tăng định mức NCKH, tăng định mức khen thưởng cho những HV đạt thành tích cao trong NCKH và các cuộc thi học thuật các cấp [H11.11.04.12].

Việc rà soát tiến độ, chỉ tiêu các hoạt động NCKH của HV được thực hiện hằng năm do P.QLKH-HTQT tổng kết thống kê hoạt động NCKH của GV, HV trong năm từ các Khoa, đơn vị và gửi lại thông tin để Khoa theo dõi, giám sát [H11.11.04.13]. Việc rà soát kết quả HV làm tiểu luận, bài báo, làm đề án tốt nghiệp do GV giảng dạy và các Khoa và P.QLSDH thực hiện theo quy chế đào tạo. Kết quả NCKH của các dạng hoạt động này thể hiện qua kết quả tốt nghiệp của HV [H11.11.04.14]. Cuối mỗi năm học, Khoa tổng kết hoạt động NCKH của CB-GV và của HV trong Khoa, thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của HV giữa các năm, giữa các CTĐT trong Trường để xây dựng kế hoạch KHCN cho năm học mới [H11.11.04.15].

Bảng 11.4. Bảng tổng hợp đề tài NCKH học viên

Năm	2022	2023	2024	2025	TỔNG
Khoa LKT	0	0	0	3	3

Số lượng HV tham gia đăng ký và thực hiện các đề tài NCKH rất ít, do một số yếu tố như: HV bận kế hoạch cá nhân, HV chưa lựa chọn đúng đề tài nên chưa đủ khả năng nghiên cứu, một số đề tài thuộc lĩnh vực kinh tế kết quả nghiên cứu không có sản phẩm cụ thể khó thuyết phục, việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn, kinh phí cho nghiên cứu còn hạn chế... Khoa đề xuất một số các hoạt động NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học như tổ chức các hội nghị khoa học về hoạt động NCKH của HV, tổ chức các Workshop về NCKH, đẩy mạnh hoạt động NCKH trong HV, CLB học thuật của Khoa thường xuyên tổ chức những buổi sinh hoạt về học thuật phù hợp với từng chuyên ngành của HV, tổ chức buổi seminar NCKH, buổi hội thảo giúp HV định hình hướng nghiên cứu và triển khai nghiên cứu. Về tài chính, để động viên HV làm NCKH, Nhà trường nên tăng định

mức khen thưởng cho những HV đạt thành tích cao trong NCKH và các cuộc thi học thuật các cấp [H11.11.04.16].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, thực hiện đối sánh và có những đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học.

Nhà trường và Khoa LKT đã ban hành các văn bản chi tiết về NCKH của HV và triển khai sâu rộng đến tất cả đối tượng HV. Hoạt động HV NCKH, hoạt động khởi nghiệp được Khoa quan tâm, điều chỉnh trong những năm gần đây nên tỷ lệ HV tham gia bắt đầu khởi sắc. Khoa LKT đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm khuyến khích HV tham gia NCKH.

3. Điểm tồn tại:

Hiện nay, loại hình để thu hút và khuyến khích HV tham gia NCKH của Khoa LKT còn chưa đa dạng, mới dừng lại ở việc chọn đề tài NCKH theo nhóm hoặc cá nhân dưới sự hướng dẫn của GV; chưa có các hoạt động và chính sách hấp dẫn thu hút HV tham gia đề tài NCKH các cấp cùng với GV do đó mà số đề tài NCKH do HV thực hiện còn rất khiêm tốn.

Chưa đối sánh số lượng NCKH của HV ngành LKT với các trường trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách khuyến khích NCKH trong đó có tăng kinh phí dành cho NCKH của HV, nâng cao kỹ năng NCKH cho người học.	Khoa LKT	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		Thực hiện đối sánh số lượng học viên NCKH cùng ngành đào tạo trong và ngoài nước định kỳ hơn để đề ra giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao số lượng NCKH của HV.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH HV, đẩy mạnh và truyền thông tốt hơn vai trò của CLB NCKH nhằm khơi gợi HV niềm đam mê NCKH và xem hoạt động này vừa là nhiệm vụ bắt buộc với loại hình CLB và vừa có quyền lợi do được cộng điểm khuyến khích trong đề án tốt nghiệp.	Khoa, P.QLKH&HTQT	Từ năm 2025-2026	
		Tiếp tục cải thiện các quy định, văn bản bản chi tiết về NCKH của HV.	P.QLKH&HTQT	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành quy trình khảo sát lấy ý các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của trường; qua đó có phân công cho các đơn vị , bộ

phận phụ trách hằng năm tổng hợp, theo dõi giám sát, đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan là P.KT- ĐBCL – TT & PC phối hợp với P. QLSĐH, P.CTCTSV- HTDN và các khoa [H11.11.05.01].

Trường ĐHPT đã xác lập và duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan từ sau khi có khóa học tốt nghiệp. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Nhà trường thông qua một quy trình Khảo sát gồm các loại: khảo sát ý kiến của HV về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát ý kiến HV năm cuối về khóa học; khảo sát ý kiến HV tốt nghiệp về việc làm; khảo sát ý kiến GV và HV về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ; khảo sát ý kiến NTD, cựu HV và GV về CTĐT và CĐR; khảo sát ý kiến HV về hoạt động NCKH và PVCD [H11.11.05.02].

Mức độ hài lòng của HV đối với hoạt động giảng dạy của GV được xác lập, giám sát và theo dõi định kỳ qua kết quả khảo sát ý kiến học viên sau khi kết thúc môn học. Khảo sát ý kiến HV về hoạt động giảng dạy các môn học: Khảo sát online thông qua email, zalo kết hợp trực sau khi kết thúc mỗi học kỳ, với các nội dung (TC1) Phương pháp giảng dạy, (TC2) Nội dung giảng dạy, (TC3) Kiểm tra, đánh giá môn học, (TC4) Tác phong sư phạm.

Bảng 11.11. Tỷ lệ hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên các học kỳ

STT	GV thuộc Khoa	Tỷ lệ hài lòng của HV về hoạt động giảng dạy các môn học (%)	
		NH 2022 - 2023	NH 2023 - 2024
1	LKT	99.42	98.58
Toàn trường		98.36	98.52

Kết quả bảng trên cho thấy tỷ lệ hài lòng của HV về hoạt động giảng dạy các môn học thuộc khoa LKT đều trên 90% và gần bằng mức trung bình của toàn trường qua các học kỳ [H11.11.05.03].

Khảo sát ý kiến cựu HV còn giúp Trường và Khoa tìm hiểu những thông tin cơ bản về CTĐT của khóa học, những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung giúp HV sau khi

ra trường nhanh chóng tìm được việc làm và sớm thích nghi với công việc nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng trong giai đoạn hiện nay. Qua khảo sát cho thấy HV hài lòng về phương pháp giảng dạy cũng như chuyên môn, kiến thức cung cấp có ích cho công việc hiện nay [H11.11.05.05].

Khảo sát ý kiến GV và CB quản lý: các ý kiến đánh giá được thu thập thông qua các cuộc họp của khoa LKT hàng năm cho thấy đa số hài lòng về chất lượng HV tốt nghiệp [H11.11.05.06].

Mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với chất lượng HV tốt nghiệp của Trường thông qua khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng. Mức độ hài lòng của NTD đối với HVTN (>80%) được khảo sát qua các tiêu chí:

- + TC1: Về Kiến thức chuyên ngành, khả năng ứng dụng và các kiến thức khác của HVTN có liên quan đến ngành nghề
- + TC2: Về Kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, phân tích, xử lý vấn đề...
- + TC3: Về Kỹ năng mềm như khả năng ngoại ngữ, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp trong và ngoài đơn vị...
- + TC4: Về Thái độ: khảo sát sự hài lòng với các thái độ của HVTN như ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, thái độ lắng nghe học hỏi...

HVTN đa số đáp ứng được yêu cầu, hài lòng cao từ các doanh nghiệp, NTD về kiến thức ngành và thái độ làm việc. Về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm thì có sự phân tán, không đồng đều ở các bạn cựu HV, doanh nghiệp đánh giá một số HV có kỹ năng khá tốt nhưng một số lại không như mong đợi, cần được đào tạo thêm về các kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc. Điều này cũng hoàn toàn hợp lý vì HV mới ra trường, nhiều bạn cũng chưa từng hoặc ít đi làm thêm trước đó nên chưa có kinh nghiệm trong giao tiếp và xử lý các tình huống thực tế nơi làm việc. Về khả năng ngoại ngữ thì hầu như tất cả HV các ngành đều cần được tăng cường đào tạo và tự rèn luyện thêm mới có thể đáp ứng sự hài lòng của các nhà sử dụng lao động.

Hầu hết các đơn vị đều chọn tương đối đồng ý và đồng ý với mục tiêu, nội dung của chuẩn đầu ra và CTĐT các ngành của trường (>80%). Ít có ý kiến chuyên môn gì

thêm. Có thể do các đơn vị không có nhiều thời gian để xem xét kỹ các CTĐT của Trường [H11.11.05.07]. Và thông qua tỷ lệ có việc làm cao của HV sau khi tốt nghiệp và phản ánh của các bạn cựu HV về mức độ hữu ích của kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo trong nhà trường so với yêu cầu thực tế của công việc. Kết quả trên cho thấy xu hướng hài lòng của NTD ngày càng tăng. Điều này chứng tỏ sản phẩm đào tạo của Trường ngày càng được doanh nghiệp và xã hội tiếp nhận [H11.11.05.08].

Thông qua việc xác lập, theo dõi giám sát và đối sánh định kỳ mức độ hài lòng và ý kiến đóng góp của các bên liên quan như HV, cựu HV, CBGV, NTD... Nhà trường và Khoa LKT đã có những cải tiến để nâng cao chất lượng như điều chỉnh CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường hoạt động hỗ trợ người học, thiết kế các môn học đi sát thực tế hơn, nâng cao kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên ngành [H11.11.05.09].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng các quy định quy trình về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD.

Mức độ hài lòng của người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành LKT được Nhà trường, Khoa xác lập rõ ràng, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành.

3. Điểm tồn tại:

Việc khảo sát ý kiến cựu HV và NTD được thực hiện chưa đồng bộ chưa đầy đủ các năm. Chưa thực hiện việc và phân tích đối sánh với các trường đại học trong nước để cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1		Phòng, Khoa sẽ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ	Phòng QLSDH,	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
	Khắc phục tồn tại	thông qua các hội nghị, hội thảo đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật nhằm thu hút số lượng cựu người học và người sử dụng lao động tham gia nhiều vào các cuộc khảo sát.	P.KT- ĐBCL-TT&PC		
		Thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với các trường đại học trong nước.	P.QLSDH, P.KT- ĐBCL-TT&PC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTDH, chất lượng dịch vụ, kết quả đào tạo của ngành LKT.	Phòng QLSDH, P.KT- ĐBCL-TT&PC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 11:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Chất lượng đầu ra của người học được đảm bảo, Trường và Khoa LKT đã giám sát việc đạt được các CDR, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thời học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Ngành LKT hiện nay có tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn thấp. Khoa LKT và Phòng QLSDH luôn cố gắng duy trì sự quan

tâm, hỗ trợ, khuyến khích và động viên để người học có thể hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp đúng hạn. Tỷ lệ có việc làm của HV tham gia CTĐT thạc sĩ ngành LKT của Nhà trường gần mức tuyệt đối trước khi đăng ký tuyển sinh và sau khi tốt nghiệp có sự thăng tiến trong công việc, HV có việc làm với mức thu nhập tương đối cao so với mặt bằng của Tỉnh. NCKH của HV cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư, các đề tài của HV có chất lượng, HV ra trường đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Hiện nay, loại hình để thu hút và khuyến khích HV tham gia NCKH của Khoa LKT còn chưa đa dạng, chưa có các hoạt động và chính sách hấp dẫn thu hút HV tham gia đề tài NCKH các cấp cùng với GV do đó mà số đề tài NCKH do HV thực hiện còn rất khiêm tốn. Còn một tỷ lệ nhất định HV ngành LKT vẫn còn chậm tiến độ bảo vệ đề án do nhiều lý do khách quan lẫn chủ quan của người học.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 11:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt điểm 5/7, 01 tiêu chí đạt điểm 4/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy của CTĐT thạc sĩ ngành Luật Kinh tế

1.1 Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT thạc sĩ ngành LKT xác định rõ ràng theo hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực Kế toán; được xây dựng phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của GDĐH. CDR thạc sĩ ngành LKT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện định kỳ theo quy định của Trường, trong đó có tiếp thu các ý kiến phản hồi các BLQ và có tham khảo, đối sánh với các CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước nhằm đáp

ứng nhu cầu nguồn lực của thạc sĩ ngành LKT.

1.2 Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT được bố cục rõ ràng, đầy đủ thông tin, và thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CĐR rất rõ ràng. Bản mô tả CTĐT luôn được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo định kỳ đáp ứng tốt nhất nhu cầu người học và xu hướng phát triển của xã hội. ĐCHP được chuẩn hóa, liên tục được cập nhật và điều chỉnh theo quy định của Trường và cung cấp đầy đủ thông tin cho người học và các BLQ. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP thạc sĩ ngành LKT được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

1.3 Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH thạc sĩ ngành LKT được thiết kế được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học. Đồng thời, để góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, GV của Khoa LKT đã lựa chọn tổ hợp các PPDH, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp. Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH và toàn bộ ĐCHP được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các PPDH, phương pháp KTĐG đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTĐT. CTDH thạc sĩ ngành LKT có cấu trúc hợp lý, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo tính tích hợp và tính cập nhật của nội dung CTDH.

1.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục của thạc sĩ ngành LKT là rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học các học phần của thạc sĩ ngành LKT được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Phương pháp giảng dạy đảm bảo tích hợp được việc giảng dạy các kỹ năng cá nhân, kỹ năng cộng đồng, hình thành thái độ vào việc dạy các kiến thức chuyên môn. Việc xác định các tài nguyên, công cụ cần thiết cho các phương pháp giảng dạy cũng được quan tâm nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng tư duy, thuyết

trình, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Các quy định về kiểm tra đánh giá người học được công bố công khai. Có quy trình, kế hoạch, hướng dẫn GV lựa chọn, thiết kế các tổ hợp phương pháp đánh giá phù hợp để có thể đo lường được mức độ đạt được CDR. Nhà trường ban hành và triển khai các quy chế quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế khiếu tố khiếu nại của người học và các nội dung liên quan khác trong các kỳ thi một cách rõ ràng; Tất cả các quy chế quy định về kiểm tra đánh giá đều được GV, Khoa, Trường công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học, năm học, học kỳ và đầu mỗi HP.

Khoa LKT áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với chuyên ngành LKT trình độ thạc sĩ.

1.6 Đội ngũ GV, NCV

Trường, Khoa đã ban hành và triển khai các quy chế, quy định, kế hoạch về tuyển dụng GV với các tiêu chí rõ ràng dựa trên chiến lược phát triển đội ngũ, đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Các tiêu chí này được tổ chức góp ý và được phổ biến công khai trong toàn trường. Đội ngũ GV của Khoa LKT có trình độ cao, cơ cấu nhân lực trẻ mạnh về năng lực, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Phần lớn GV trẻ của Khoa đều nỗ lực học tập và có nhu cầu tham gia các CTĐT, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Khoa, Trường đã khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của GV để xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ. Quy trình đánh giá rõ ràng, kết hợp giữa tự đánh giá, đánh giá của đơn vị và phản hồi từ học viên. Kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả trong thi đua, khen thưởng, nâng lương và phát triển đội ngũ.

1.7 Đội ngũ nhân viên

Nhà trường và Khoa đã lập kế hoạch, tuyển dụng, thu hút đội ngũ NV hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Đội ngũ CB-NV hỗ trợ có trình độ và chuyên môn, có thâm niên và kinh nghiệm trong công tác hỗ trợ đạt hiệu quả và sự hài lòng từ GV và SV.

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội NV hỗ trợ của Khoa LKT đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Tất cả nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc.

1.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường đã xác định các tiêu chí lựa chọn người học, hình thức thi/xét tuyển và phương pháp tuyển chọn cho từng CTĐT nói chung và bậc cao học ngành Quản trị kinh doanh nói riêng một cách rõ ràng; Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học không ngừng được Nhà trường rà soát, đánh giá và cải tiến.

Nhà trường/Phòng đã xây dựng hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện cũng như theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của HV phù hợp, chặt chẽ với nhiều hình thức khác nhau. Có bộ phận và phân công trách nhiệm các cá nhân rõ ràng từ BGH đến CBGVNV. Việc tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như tư vấn việc làm cho HV được triển khai xuyên suốt trong quá trình đào tạo. Nhà trường thường xuyên cải tạo CHVC, cải thiện môi trường cảnh quan, có những quy định và các bộ phận chức năng chuyên trách nhằm duy trì môi trường văn hóa trong học đường, tạo tâm lý ổn định, vệ sinh an toàn và thoải mái cho tập thể các CBGVHV và HV, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

1.9 Cơ sở vật chất và trang thiết bị

CSVC và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH luôn được đầu tư và phát triển mạnh trong vòng 5 năm nay, trong thời gian sắp tới, Nhà trường có nhiều kế hoạch mở rộng ra các khu giảng đường và phòng thí nghiệm - thực hành. Với số lượng HV, nhu cầu đào tạo và NCKH ngày càng tăng, Nhà trường vẫn luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng và mang lại nhiều sự hài lòng cho các bên liên quan. Giáo trình và các đầu sách tại thư viện đa dạng cho học viên tham khảo. Trường đang nỗ lực xây dựng thư viện điện tử, nguồn học liệu cũng như cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục hỗ trợ cho việc đào tạo và nghiên cứu khoa học. Phòng thí nghiệm – thực hành tin học được trang bị máy móc đầy đủ và hiện đại, đáp ứng đủ cho nhu cầu học viên trong

thời gian hiện tại.

Hệ thống thiết bị CNTT và thiết bị mạng lưới Internet, hệ thống máy chủ, máy dự phòng, chế độ bảo mật của trường ĐHPT được đầu tư và phát triển phù hợp với nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của toàn trường cũng như Khoa Luật kinh tế. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn luôn được nhà trường đầu tư, quan tâm triển khai, giám sát chặt chẽ và cải tiến nhằm cung cấp những điều kiện làm việc, học tập và nghiên cứu tốt nhất cho đội ngũ CBGVNV và HV trong trường.

1.10 Nâng cao chất lượng

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, hệ thống văn bản quy định hướng dẫn việc thu thập xử lý và sử dụng thông tin phản hồi các bên liên quan đầy đủ, các văn bản quy định và hướng dẫn liên quan đến việc rà soát, đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học.. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên, đặc biệt duy trì được kênh liên lạc với các cơ sở thực tập, doanh nghiệp và mạng lưới cựu học viên.

1.11 Kết quả đầu ra

Nhà trường và Phòng QLSDH đều có bộ phận chuyên trách phân công cá nhân phụ trách giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của học viên; có các quy chế, quy định cụ thể về đào tạo và phần mềm quản lý điểm để quản lý chung cơ sở dữ liệu và giám sát tỷ lệ học viên tốt nghiệp, thôi học. Tỷ lệ có việc làm của HV sau tốt nghiệp được xác lập và do P.KT-ĐBCL-TT&PC thực hiện việc khảo sát và đối sánh với các CTĐT khác trong nhà trường cũng như CTĐT của trường ĐH khác trong nước về tình trạng việc làm từ đó có thông tin đầy đủ về tình trạng việc làm của HV tốt nghiệp, mức độ đáp ứng so với nhu cầu thị trường lao động, các yêu cầu thực tế từ NTD từ đó đưa ra các giải pháp để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường có xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, thực hiện đối sánh và có những đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học. Đồng thời, có xây dựng các quy định quy trình về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD.

Mức độ hài lòng của người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng đối với CTĐT

ngành LKT được Nhà trường, Khoa xác lập rõ ràng, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại cần cải tiến của CTĐT thạc sĩ ngành Luật Kinh tế

2.1 Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

CDR chưa phản ánh kịp thời, đầy đủ các yêu cầu từ các nhà tuyển dụng do sự tham gia của cựu người học và các nhà tuyển dụng trong việc xây dựng CDR còn hạn chế. Khoa LKT đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng hiệu quả còn hạn chế.

2.2 Bản mô tả chương trình đào tạo

Tiến trình đào tạo được mô tả trong bản mô tả CTĐT chưa được linh động, vì vậy chưa đáp ứng nhu cầu học vượt của người học. Các thông tin chi tiết về CTĐT và ĐCHP chưa được công bố hết trên các tài liệu quảng bá về tuyển sinh và trong Sổ tay HV. Các ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng và cựu HV cho việc cải tiến cập nhật chỉ mới tập trung cho CTĐT và CDR, việc góp ý cải tiến, cập nhật ĐCHP còn hạn chế.

2.3 Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Quá trình khảo sát các BLQ ngoài trường (*Nhà tuyển dụng, cựu HV*) về CTDH chưa nhận được nhiều phản hồi và mức độ đóng góp chưa rõ nét. Việc điều chỉnh CTDH có tham khảo các CTĐT tiên tiến nhưng hiệu quả đem lại chưa cao.

2.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo với sự tham gia của đông đảo cơ quan nhà nước, cơ quan tư pháp, nhà tuyển dụng nên việc phổ biến cũng như lấy ý kiến góp ý về mục tiêu giáo dục của Nhà trường còn hạn chế. Các phương pháp đánh giá hiện tại còn theo phương pháp thủ công truyền thống, chưa ứng dụng tích cực công nghệ số vào việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HV.

Việc tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HV, các bên liên quan còn nhiều hạn chế.

2.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Kế hoạch xây dựng Ngân hàng đề thi của các HP chưa được triển khai cụ thể, chưa thường xuyên rà soát mức độ phù hợp của đề thi, phương pháp kiểm tra để đánh giá của từng môn học mà chỉ thực hiện theo kế hoạch chung của Nhà trường nên tổ hợp phương

pháp của một số HP chưa đo lường được CDR một cách rõ ràng. Nhà trường và các phòng/Khoa liên quan chưa thực hiện khảo sát đầy đủ các đối tượng NH để lấy ý kiến phản hồi về các quy định kiểm tra đánh giá của các HP để điều chỉnh đảm bảo NH hiểu và nắm rõ đầy đủ các quy định về kiểm tra đánh giá NH.

Việc công bố điểm thi cho NH được thực hiện thông qua phần mềm quản lý nhưng một số ít NH không thường xuyên sử dụng tài khoản cá nhân cho việc theo dõi tình hình học tập của mình mặc dù đã được phổ biến, hướng dẫn. Một số học viên chưa thực sự quan tâm đến quyền lợi khiếu nại kết quả học tập của bản thân theo quy định Nhà trường.

2.6 Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Số lượng GV có học hàm học vị GS, PGS, TS của Khoa vẫn còn ít. Đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các tổ chức, doanh nghiệp còn chưa nhiều, do vậy, phần nào hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn tại các tổ chức DN. Một số khóa đào tạo bồi dưỡng do Nhà trường có kế hoạch thực hiện. Năng lực NCKH, trình độ ngoại ngữ của các GV chưa đồng đều. Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế chưa nhiều, chưa có các đề tài NCKH cấp Tỉnh, Bộ và cấp Nhà nước. Nhiệm vụ về hoạt động PVCD dành cho GV chưa được lượng hóa cụ thể.

2.7 Đội ngũ nhân viên

Công tác NCKH và phục vụ cộng đồng ở đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa chưa thường xuyên và chưa có tính tiên phong. Một số CBNV hỗ trợ của các phòng, ban còn thay đổi vị trí công việc nên việc quy hoạch đội ngũ nhân viên còn chưa đảm bảo tính ổn định, lâu dài. Các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên có học hàm, học vị cao, giàu kinh nghiệm nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích dành riêng cho CB NV hỗ trợ trong việc NCKH, viết bài đăng tạp chí... Số lượng NV hỗ trợ đạt các danh hiệu thi đua còn ít, các hình thức khen thưởng cho đối tượng này chưa được đa dạng, chỉ tiêu khen thưởng hàng năm còn hạn chế.

2.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Phòng/Trường chưa hiệu quả, cũng như chưa lấy ý kiến các bên liên quan là các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn. HV còn gặp áp lực thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp, áp lực công việc trong công tác chuyên môn hiện đang đảm trách khiến HV gặp nhiều khó khăn trong

việc rút ngắn thời gian học và hoàn thành tốt nghiệp đúng tiến độ yêu cầu.

2.9 Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nguồn tạp chí và nguồn tài liệu ngoại văn chuyên ngành thạc sĩ Luật kinh tế còn hạn chế. Các thiết bị sử dụng trong phòng học đối với học viên thường xuyên hư hỏng do khí hậu thời tiết gần biển bị ăn mòn nhanh chóng. Hệ thống wifi trong các giờ cao điểm đôi khi bị quá tải khiến việc truy cập và tìm kiếm thông tin trong giờ học cảm bị bất tiện.

Trường vẫn chưa có hệ thống CSVC phục vụ cho những trường hợp có nhu cầu đặc biệt cho người khuyết tật.

2.10 Nâng cao chất lượng

Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Phần mềm khảo sát online còn hạn chế cùng với việc đối tượng là HV ít tham gia phản hồi ý kiến, dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của HV về các hoạt động đào tạo của Trường. Số lượng cơ quan, doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT thạc sĩ ngành LKT chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn trong phạm vi tại địa phương. Số lượng dữ liệu khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH còn hạn chế.

2.11 Kết quả đầu ra

Hiện tại, Phòng QLSDH chưa thực hiện được việc đối sánh tỷ lệ thôi học và tỷ lệ học viên tốt nghiệp với các trường trong và ngoài nước. Số liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình chưa được đối sánh với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước vì gặp khó khăn trong việc thu thập số liệu. Chưa đối sánh tỷ lệ có việc làm của HV tốt nghiệp với nhiều trường đại học khác trong và ngoài nước định kỳ. Hiện nay, loại hình đề thu hút và khuyến khích HV tham gia NCKH của Khoa LKT còn chưa đa dạng, mới dừng lại ở việc chọn đề tài NCKH theo nhóm hoặc cá nhân dưới sự hướng dẫn của GV; chưa có các hoạt động và chính sách hấp dẫn thu hút HV tham gia đề tài NCKH các cấp cùng với GV do đó mà số đề tài NCKH do HV thực hiện còn rất khiêm tốn.

Việc khảo sát ý kiến cựu HV và NTD được thực hiện chưa đồng bộ chưa đầy đủ các năm. Chưa thực hiện việc và phân tích đối sánh với các trường đại học trong nước để cải tiến chất lượng.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT thạc sĩ ngành Luật Kinh tế

3.1 Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo

Từ năm 2025-2026, khi rà soát CTĐT, Khoa thực hiện đối sánh với các CTĐT trong nước và nước ngoài để hoàn thiện hơn mục tiêu và CĐR của CTĐT. Khoa tiếp tục hoàn thiện công tác nghiên cứu nhu cầu của thị trường lao động, lấy ý kiến của các BLQ khi thiết kế CTĐT, khảo sát về CĐR định kỳ với quy mô toàn diện hơn để đảm bảo cho CTĐT của Khoa đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

3.2 Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2025-2026, Khoa tiếp tục công tác điều chỉnh định kỳ 2 năm 1 lần rà soát, điều chỉnh CTĐT, CĐR. Trong đó, cập nhật thông tin của ngành vào bản mô tả CTĐT, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các học phần thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành, đặc biệt là chuyên ngành cho phù hợp hơn. Xây dựng thêm các kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng về ĐCHP để cập nhật, hiệu chỉnh ĐCHP học phần ngày càng hiệu quả hơn. Nâng cao chất lượng công khai thông tin bản mô tả CTĐT và ĐCHP.

3.3 Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Từ năm học 2025-2026, Khoa sẽ phối hợp cùng Phòng QLĐT rà soát, hoàn thiện CTDH theo định kỳ, cập nhật bám sát CĐR của CTĐT; rà soát ma trận CĐR của CTĐT và các học phần để thể hiện xem xét sự phù hợp và phân bổ các học phần; hiệu chỉnh PPDH, tăng cường năng lực giao tiếp tiếng Anh cho SV; cập nhật đầy đủ hơn nữa sự phản hồi của các BLQ, trong đó chú trọng phản hồi của nhà sử dụng lao động; Lựa chọn các CTĐT để tham khảo tương đương, phù hợp với bối cảnh ngành Kế toán của Trường.

3.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Từ năm học 2025-2026, Khoa tiếp tục thực hiện công tác truyền thông về triết lý giáo dục của Trường cho các bên liên quan, đặc biệt là các GV thỉnh giảng một cách sâu sắc hơn qua các hội nghị, hội thảo, các buổi sinh hoạt gặp gỡ của Khoa với GV trước khi bắt đầu mỗi học kỳ...Khoa tổ chức thêm nhiều buổi tọa đàm về phương pháp học tập và NCKH đối cho HV. Khoa tăng cường thực hiện công tác định hướng, hỗ trợ, khơi dậy tính chủ động học tập trong HV trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của Khoa với SV.

3.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Từ năm học 2025-2026, Khoa định kỳ tổ chức tổng kết và rà soát mức độ bám sát CĐR trong nội dung các bài kiểm tra đánh giá kết quả của người học; tổ chức khảo sát và đánh giá mức độ phù hợp của các loại hình kiểm tra đánh giá từng học phần so với đặc thù ngành thạc sĩ LKT; xây dựng ngân hàng đề thi cho các HP của ngành thạc sĩ LKT. Khoa kiến nghị với Nhà trường cải tiến phần mềm quản lý, công bố kết quả học tập của người học. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC kết hợp với P.QLĐT tiếp tục tổ chức tập huấn về công tác tổ chức thi; Cố vấn học tập thường xuyên nhắc nhở thái độ, nề nếp thi cử của HV.

3.6 Đội ngũ GV, NCV

Khoa sẽ đề xuất Nhà trường tuyển thêm GV đúng chuyên ngành, ưu tiên tuyển dụng và thu hút các ứng viên là những GS, PGS, TS đến giảng dạy và làm việc để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của Khoa.

Từ năm học 2025-2026, Khoa LKT sẽ tăng cường ký kết hợp tác để mời thêm chuyên gia từ các tổ chức, DN tham gia giảng dạy một số nội dung của các học phần chuyên ngành. Nhà trường và Khoa tăng cường công tác tuyển dụng các GV có học hàm, học vị cao về công tác tại Khoa. Khoa sẽ tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích giảng viên chủ động đăng ký các khóa học nâng cao, đặc biệt là trình độ Tiến sĩ. Khoa LKT tăng cường, khuyến khích các GV của Khoa khi tham gia các chương trình hợp tác quốc tế, các Hội thảo trao đổi chuyên môn và nghiên cứu khoa học ở nước ngoài, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ GV cho sự phát triển và hội nhập của Khoa LKT nói riêng và của Trường nói chung trong thời đại CMCN 4.0.

Nhà trường sẽ nghiên cứu, xây dựng và lượng hóa rõ ràng các tiêu chí đánh giá hoạt động PVCD trong bảng đánh giá công tác năm học, đảm bảo phản ánh đầy đủ và toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân. Khoa đẩy mạnh hoạt động NCKH của GV bằng nhiều hình thức như: khen thưởng xứng đáng đối với các GV có các đề tài cấp Bộ và cấp Nhà nước; chế tài các GV chưa hoàn thành nghĩa vụ NCKH.

3.7 Đội ngũ nhân viên

Từ năm 2025-2026, Nhà trường cần tăng cường chính sách động viên nhân viên, quy hoạch đội ngũ nhân viên phù hợp giữa vị trí việc làm với trình độ chuyên môn, năng lực để đảm bảo tính ổn định lâu dài của đội ngũ CBNV hỗ trợ. Đồng thời, Nhà trường và Khoa khuyến khích và tạo điều kiện hơn nữa để đội ngũ NV hỗ trợ có thể tham gia

bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, khuyến khích nhân viên tự nguyện NCKH để hoàn thiện khả năng đáp ứng các nhu cầu xã hội ngày càng đổi mới đa dạng và phát triển trong những giai đoạn tiếp theo.

Nhà trường sẽ tăng cường các kênh thông tin khác nhau để các ứng viên có thể được tiếp cận nhiều hơn. Khoa LKT sẽ đề xuất Nhà trường cần xem xét lại quy định đánh giá đối với đội ngũ NV hỗ trợ nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Năm học 2025-2026, Phòng QLSDH tiếp tục cập nhật điều chỉnh chính sách tuyển sinh hằng năm, công khai và tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh dự tuyển. Tiếp tục phát triển tốt môi trường sinh thái của Nhà trường, đảm bảo an toàn, xanh, sạch, đẹp, tạo thuận lợi và hứng thú cho người học.

Thường xuyên, tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động phục vụ, hỗ trợ HV, tích cực phổ biến rộng rãi thông tin về các hoạt động cho HV kịp thời, nhanh chóng thông qua tất cả các kênh.

3.9 Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Từ năm 2025, Nhà trường đang có dự án mở rộng thêm khu giảng đường và phòng thí nghiệm/thực hành trong năm 2026 nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học ngày càng tăng. Khoa đề xuất thư viện tăng cường mua những đầu sách, tạp chí chuyên ngành, đặc biệt là các sách mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Luật kinh tế. Rà soát định kỳ, kiểm tra và thay thế kịp thời các trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập nhằm đảm bảo việc học tập cho HV. Khoa LKT đề xuất Nhà trường lắp đặt thêm máy chủ cầu học ngoài giờ của người học. Tăng cường đường truyền wifi nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu học ngoài giờ của người học. Trồng thêm cây xanh tạo nhiều bóng mát. Đồng thời, có các kế hoạch sửa chữa, thay mới và lắp đặt thêm CSVC tạo môi trường học tập và thực hành tốt nhất cho các học viên. Nhà trường đang có kế hoạch sửa chữa, bổ sung thêm cơ sở hạ tầng phục vụ cho người khuyết tật để dự phòng khi có nhu cầu sử dụng.

3.10 Nâng cao chất lượng

Nhà trường tăng cường rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt. Nâng cấp hệ thống wifi đủ mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho GV, HV khai thác và chia sẻ thông tin. Nhà trường

tiếp tục duy trì và mở rộng việc lấy thông tin phản hồi của các bên liên quan để phát triển chương trình đào tạo. Mở rộng phạm vi khảo sát các doanh nghiệp, cơ quan trên địa bàn và các tỉnh lân cận. Thực hiện việc lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan về cải tiến quy trình thiết kế, phát triển CTDH nhiều hơn. Tiếp tục rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy-học, và việc đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp CDR.

Khuyến khích GV tham gia NCKH, viết bài tham luận, tạo điều kiện cho GV tham gia các hội thảo trong và ngoài nước. Đề xuất Nhà trường điều chỉnh quy chế Chi tiêu nội bộ, tăng đầu tư kinh phí dành cho NCKH GV và HV.

3.11 Kết quả đầu ra

Từ năm 2025-2026, Phòng QLSDH và Khoa LKT thực hiện đối sánh và phân tích tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong và ngoài nước định kỳ hơn để đề ra giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm. Tiếp tục đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho HV kỹ năng và môi trường nghề nghiệp. Đồng thời, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường có kế hoạch quảng bá CTĐT, về ngành LKT đối với xã hội. Xây dựng chính sách khuyến khích NCKH trong đó có tăng kinh phí dành cho NCKH của HV, nâng cao kỹ năng NCKH cho người học. Phòng, Khoa sẽ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ thông qua các hội nghị, hội thảo đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật nhằm thu hút số lượng cựu người học và người sử dụng lao động tham gia nhiều vào các cuộc khảo sát.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Phan Thiết.

Mã: DPT

Tên CTĐT: CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế

Mã CTĐT: 8380107

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 1.3				4						
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								4,00	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								4,40	5	100
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								4,71	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4,60	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5,00	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,60	5	100
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								4,50	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6					5			4,80	5	100
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,57	50	100

Bình Thuận, ngày tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Cục Quản lý chất lượng - BGDDT;
- TTKĐCLGD Sài Gòn;
- HĐT, BGH Trường (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.

PGS. TS. Võ Khắc Thường

PHẦN IV. PHỤ LỤC**Phụ lục I****CƠ SỞ DỮ LIỆU****KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 25/6/2024)

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Tiếng Anh: University of Phan Thiet

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Trường ĐHPT

Tiếng Anh: UPT

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Số 02 Đại lộ Võ Nguyên Giáp, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (0252) 2461372-2461373

E-mail: dhphanthiet@upt.edu.vn

Website: www.upt.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2009

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2009

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2013

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☐

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☒

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Luật Kinh tế

Tiếng Anh: Faculty of Business Law

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa LKT

Tiếng Anh: FBL

14. Tên trước đây (nếu có):

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 8380107

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

18. Số điện thoại liên hệ: (0252) 6271166

E-mail: khoa_lkt@upt.edu.vn Website: <http://fl.upt.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2015

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2022

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2024

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa LKT được thành lập vào năm 2015 theo quyết định số 124/QĐ-ĐHPT ngày 19/5/2015 của Chủ tịch HĐQT trường Đại học Phan Thiết. Khoa LKT hiện đang đào tạo 03 ngành là Luật Kinh tế; Luật trình độ đại học và Luật kinh tế trình độ thạc sĩ. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa tính đến 25/6/2025 có 19 CBGV cơ hữu, trong

đó có 1 PGS, 6 Tiến sĩ, 12 ThS. Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về chuyên ngành Luật học và Luật Kinh tế tại TP. HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa. Khoa đã có các ký kết hợp tác với các doanh nghiệp như Văn phòng công chứng Huỳnh Lê Hoàng; Công ty TNHH MTV Kết Hoa;...

Khoa LKT thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách. Khoa đã đạt kiểm định chất lượng 01 CTĐT ngành Luật Kinh tế theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2022 do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (về sơ đồ riêng).

a) Cơ cấu tổ chức của Nhà trường bao gồm: HĐT, BGH (gồm Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng); Hội đồng KH-ĐT; Hội đồng ĐBCL; Hội đồng thi đua khen thưởng; 09 Khoa đào tạo (Khoa Cơ bản, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Tài chính - Kế Toán - Ngân hàng, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Luật Kinh tế, Khoa Du Lịch, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Kỹ thuật công nghệ, Khoa Khoa học sức khỏe); 8 phòng và 2 ban thuộc phòng (Phòng TC-HC, Phòng QL&PTDA, Phòng QLĐT, Phòng KH-TC, Phòng QLKH&HTQT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng CTCTSV&HTDN, Phòng QLSDH); Thư viện; 2 trung tâm chức năng (Trung tâm PTNNL, Trung tâm tư vấn du học) và các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội cựu SV, HV).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2	BGH	Đinh Phi Hồ	1957	PGS.TS, P. Hiệu trưởng	0938170757	dpho@upt.edu.vn
3	BGH	Nguyễn Phước Quý Quang	1974	TS, P. Hiệu trưởng	0772108899	npqquang@upt.edu.vn
4	BGH	Võ khắc Trường Thanh	1984	TS, P. Hiệu trưởng	0767896999	thanhvkt@upt.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Khoa LKT	Phạm Ngọc Thắng	1976	TS, Trưởng khoa	0825528528	pnthang@upt.edu.vn
2.	Khoa LKT	Nguyễn Thị Bích Phượng	1985	NCS.ThS, P. Trưởng Khoa	0774505696	ntbphuong@upt.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Đảng bộ	Đinh Phi Hồ	1957	PGS.TS, Bí Thư	0938170757	dpho@upt.edu.vn
2.	Đoàn thanh niên	Lê Ngọc Duy	1996	ThS, Bí Thư	0793832868	lnduy@upt.edu.vn
3	Công đoàn trường	Lâm Ngọc Điệp	1958	ThS, Chủ tịch	0983899193	lndiep@upt.edu.vn
4.	Hội SV	Lê Ngọc Duy	1996	ThS, Chủ tịch	0793832868	lnduy@upt.edu.vn
III	Các phòng, ban					
1	Phòng QLĐT	Võ Khắc Trường Thi	1983	TS, Trưởng phòng	0783938686	thivkt@upt.edu.vn
2	Phòng CTCTSV&HTDN	Nguyễn Như Trường	1988	ThS, Trưởng Phòng	0981963233	nntruong@upt.edu.vn
3	Phòng TC-HC	Lê Anh Linh	1987	ThS, Trưởng phòng	0938734350	lalinhh@upt.edu.vn
4	Phòng QLKH-HTQT	Trần Tình	1974	TS, Trưởng phòng	0913754312	ttinh@upt.edu.vn
5	Phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Nguyễn Thị Kiều Vi	1989	ThS, Trưởng Phòng	0388182785	nkvi@upt.edu.vn
6	Phòng KH-TC	Nguyễn Anh Đông	1968	ĐH, Trưởng phòng	0933166766	nadong@upt.edu.vn
7	Phòng QL&PTDA	Nguyễn Phước Quý Quang	1974	TS, Trưởng phòng	0913928990	npqquang@upt.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
8	Trung tâm PTNNL	Phạm Thị Minh Hạnh	1965	TS, Giám đốc	0903823415	ptmhanh@upt.edu.vn
9	Thư viện	Huỳnh Thị Thanh Hậu	1993	CN, Nhân viên	0902086206	htthau@upt.edu.vn
10	Ban TTTT& QTM	Lương Quốc Vũ	1991	ThS, Trưởng ban	0785253368	lqv@upt.edu.vn
IV	Các bộ môn					
1	BM Luật Dân sự	Phạm Thị Hồng Tâm	1993	NCS.ThS, Phó bộ môn	0865717925	pthtam@upt.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 03

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☒
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu ¹ <i>Trong đó:</i>	8	11	19
I.1	Đội ngũ trong biên chế	0	0	0
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	8	11	19
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	-	-	-
	Tổng số	8	11	19

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	-	-
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	-	-
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	-	-
4	Tiến sĩ	5	0	4	1	-	-
5	Thạc sĩ	0	0	0	0	-	-
6	Đại học	0	0	0	0	-	-
7	Cao đẳng	0	0	0	0	-	-
8	Trình độ khác	0	0	0	0	-	-
	Tổng số	10	0	10	0	-	-

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 5 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

¹Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi	-	-	1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	-	0	0	0	-	-	-
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	-	-	0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	-	-	0
4	Tiến sĩ	2	0	0	4	1	-	-	8,3
5	Thạc sĩ	1	0	0	0	0	-	-	0
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	-	-	0
	Tổng		0	0	8,0	0,3	-	-	8,3

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	100	4	1	0	0	2	2	1
5	Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	5	100	0	0	0	0	2	2	1

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 57,2 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 100%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2021-2022	0	0	-	0	0	-	0
2022-2023	21	21	-	19	5.5	-	0
2023-2024	18	18	-	18	5.5	-	0
2024-2025	19	19	-	17	5.5	-	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0		37	17
3. Sinh viên đại học				
Trong đó:				
Hệ chính quy	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng				
Trong đó:				
Hệ chính quy	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN				
Trong đó:				
Hệ chính quy	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0
6. Khác...				

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: *Đơn vị: người*

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	5.668,7 2	5.668,7 2	5.668,7 2	5.668,7 2	5.668,7 2
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	278	291	286	257	282
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	278	291	286	257	282
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	20.3	19.4	19.8	22	20

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	2	8
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	-	-	-	2	8
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	-	-	-	-	-
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	100%	-
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	0%	-
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	-	0%	-
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	-	-	-	100%	-
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	-	-	-	0%	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ)	-	-	-	-	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	-	-	-	100%	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	-	-	-	0%	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	-	-	0%	-

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	-	-	-	-	-	-
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	-	-	-	-	-	-
3	Đề tài cấp trường	0,5	-	-	-	-	-	-
4	Tổng		-	-	-	-	-	-

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 0

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020 – 2024	0	0	0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	1	0	0	0	0	1,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng	5,0	1	0	0	0	0	1,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 1,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,3

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	1	0	0

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	0	0

50. Số lượng bài của các đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	-	-	-	0	0	0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	-	-	-	0	0	0
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5	-	-	-	0	0	0
	Tổng	3,0	-	-	-	0	0	0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí/ tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	0	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	2	0	0	1,0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		0	0	1,0	0	0	1,0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 2

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,4

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020 – 2025	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 119.875,9

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 119.875,9

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 3.325 Nơi học: 9.717 Nơi vui chơi giải trí: 2.400

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

Tổng diện tích phòng học: 9.717

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 90

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

Dùng cho hệ thống văn phòng: 01

Dùng cho người học học tập: 271

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,09

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 5

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 0

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 17

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 3,4

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 100%

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):
100

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,3

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,4

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,09

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 20m²/người

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

Phụ lục II

CÁC TƯ LIỆU, TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG (kèm theo file hình ảnh)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 68 /QĐ-ĐHPT

Bình Thuận, ngày 15 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Luật Kinh tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ quyết định số 134/QĐ-ĐHPT ngày 02/4/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trường khoa Khoa Luật Kinh tế và Trường phòng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Võ Khắc Thường

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH LUẬT KINH TẾ
(Kèm theo Quyết định số 18 /QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Võ Khắc Thường	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Phước Quý Quang	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	TS. Phạm Ngọc Thắng	Trưởng Khoa Luật Kinh tế (LKT)	Phó Chủ tịch
4	NCS. ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng	Phó Trưởng Khoa LKT	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế (KT-ĐBCL-TT&PC)	Thành viên - Thư ký
6	NCS. ThS. Phạm Thị Hồng Tâm	Phó trưởng bộ môn, Khoa LKT	Thành viên
7	ThS. Võ Mỹ Duyên	Phó Trưởng phòng Quản lý Sau đại học (QLSDH)	Thành viên
8	ThS. Lê Anh Linh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC)	Thành viên
9	TS. Trần Tinh	Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)	Thành viên
10	ThS. Nguyễn Như Trường	Trưởng phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (CTCTSV&HTDN)	Thành viên
11	CN. Vũ Quang Huy	Đại diện Học viên ngành Luật Kinh tế	Thành viên

(Danh sách gồm có 11 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
 (Kèm theo Quyết định số 68/QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng
 Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Trưởng Ban
2	Trần Phúc Ngôn	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
3	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
4	Trần Minh Quân	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
5	Nguyễn Duy Xuân	Giảng viên Khoa LKT	Thành viên
6	Phạm Minh Gia Ý	Giảng viên Khoa LKT	Thành viên
7	Võ Thị Bạch Hà	Trợ lý Khoa LKT	Thành viên
8	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
9	Võ Đức Nhân	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
10	Nguyễn Kim Long	Nhân viên phòng QLSDH	Thành viên
11	Nguyễn Phú Oanh	Nhân viên phòng QLSDH	Thành viên
12	Vũ Thụy Diễm Chi	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
13	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Nhân viên Thư viện	Thành viên
14	Nguyễn Minh Thanh	Nhân viên phòng KH-TC	Thành viên

(Danh sách gồm có 14 người).



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 68 /QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3			
1	Phạm Ngọc Thắng	Trưởng khoa LKT	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Thị Bích Phượng	Phó Trưởng khoa LKT	Thành viên
3	Võ Mỹ Duyên	Phó Trưởng phòng QLSDH	Thành viên
Nhóm 2: Phụ trách tiêu chuẩn 4, 5, 10			
1	Nguyễn Thị Bích Phượng	Phó Trưởng khoa LKT	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Duy Xuân	Giảng viên Khoa LKT	Thành viên
3	Phạm Minh Gia Ý	Giảng viên Khoa LKT	Thành viên
4	Nguyễn Kim Long	Nhân viên phòng QLSDH	Thành viên
5	Trần Phúc Ngón	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
Nhóm 3: Phụ trách Tiêu chuẩn 6, 7			
1	Phạm Thị Hồng Tâm	Phó trưởng bộ môn, Khoa LKT	Nhóm trưởng
2	Võ Thị Bạch Hà	Trợ lý Khoa LKT	Thành viên
3	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
4	Vũ Thụy Diễm Chi	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
5	Nguyễn Minh Thanh	Nhân viên phòng KH-TC	Thành viên
Nhóm 4: Phụ trách Tiêu chuẩn 8, 9, 11			
1	Võ Mỹ Duyên	Phó Trưởng phòng QLSDH	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Phú Oanh	Nhân viên phòng QLSDH	Thành viên
3	Nguyễn Kim Long	Nhân viên phòng QLSDH	Thành viên
4	Võ Đức Nhân	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
5	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Nhân viên Thư viện	Thành viên
6	Trần Minh Quân	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
Chịu trách nhiệm rà soát toàn bộ nội dung của BCTĐG và viết Phần mở đầu, Phần kết luận của BCTĐG:			
1	Phạm Ngọc Thắng	Trưởng Khoa Luật Kinh tế	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Thị Bích Phượng	Phó Trưởng Khoa Luật Kinh tế	Thành viên
Phụ trách kết nối Danh mục Minh chứng, tổng hợp các Phụ lục, theo dõi tiến độ để báo cáo HĐĐG, lãnh đạo Nhà trường và các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài CTĐT:			
1	Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Trưởng Ban Thư ký
2	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên

(Danh sách gồm có 18 người)/.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 118 /KH-ĐHPT

Bình Thuận, ngày 17 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH LUẬT KINH TẾ

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký KĐCLGD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và ĐGN CTĐT; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng ban hành Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 68/QĐ-ĐHPT ngày 15/02/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết, Hội đồng gồm có 11 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký: Phụ trách kết nối giữa Hội đồng Tự đánh giá (TĐG) và các nhóm chuyên trách, tổng hợp các báo cáo và phân danh mục minh chứng các tiêu chuẩn/tiêu chí, tổng hợp các phụ lục, rà soát hình thức báo cáo và các hoạt động hỗ trợ khác phục vụ cho đánh giá ngoài CTĐT.

b) Các nhóm công tác, cá nhân

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nhóm 1 (Phạm Ngọc Thắng – Trưởng khoa LKT – Nhóm trưởng)	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng từ tháng 02-06/2025;	Các nhóm chuyên

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 10	Nhóm 2 (Nguyễn Thị Bích Phượng – Phó Trưởng Khoa LKT – Nhóm trưởng)	- Bổ sung minh chứng kết quả khảo sát SV sau tốt nghiệp, bổ sung minh chứng sau góp ý của Hội đồng TĐG từ tháng 06-07/2025.	trách đề xuất thêm khi cần.
3	Tiêu chuẩn 6, 7	Nhóm 3 (Phạm Thị Hồng Tâm – Phó Trưởng bộ môn, Khoa LKT – Nhóm trưởng)		
4	Tiêu chuẩn 8, 9, 11	Nhóm 4 (Võ Mỹ Duyên – Phó trưởng Phòng QLSDH – Nhóm trưởng)		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá (nếu có)

1. Thời gian: Đã tập huấn ngày 26/11/2024 theo kế hoạch số 650/KH-ĐHPT ngày 21/11/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết. Hội đồng Tự đánh giá, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ tiếp tục hướng dẫn lại quy trình, biểu mẫu, nghiệp vụ cho các nhóm chuyên trách trong quá trình TĐG theo kế hoạch này.

2. Thành phần: Ban Giám hiệu, các tổ ĐBCL các đơn vị, giảng viên, nhân viên các khoa, phòng, ban của Trường.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Phổ biến các quy định về ĐBCL, KĐCL CSGD và CTĐT; Giới thiệu các nội dung liên quan trên phần mềm Quản lý hệ thống bảo đảm và KĐCLGD của Bộ GDĐT; Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường; Quy trình TĐG CSGD và CTĐT, các biểu mẫu kèm theo; Hướng dẫn thực hiện phân tích tiêu chí, tìm thông tin minh chứng; việc số hóa minh chứng; thảo luận, chia sẻ các đơn vị.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	- Phân công nhiệm vụ cụ thể trong nội bộ mỗi nhóm;	- Nhân lực theo Hội đồng và các nhóm chuyên trách đã thành lập;	Tháng 02-7/2025 và theo đề xuất của các nhóm chuyên trách, Hội đồng TĐG khi cần.	Các nhóm chuyên trách đề xuất thêm trong quá trình thực hiện nếu cần.
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 10	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin minh chứng;	- Tạo điều kiện về thời gian để các cán bộ được giao nhiệm vụ thực hiện;		
3	Tiêu chuẩn 6, 7	- Viết báo cáo TĐG tiêu chí, tiêu chuẩn;	- Các máy in, máy scan, photo sử dụng tại các đơn vị cần được khắc phục sự cố kịp thời (nếu có) trong quá trình tăng cường sử dụng để chuẩn bị, sắp xếp minh chứng, in các báo cáo,...;		
4	Tiêu chuẩn 8, 9, 11	- Đóng góp ý kiến chỉnh sửa/cải tiến ngay những nội dung có thể khắc phục được để	- Hệ thống mạng nội bộ, dữ liệu trực tuyến nội bộ cần được khắc phục sự cố kịp thời (nếu có) để chia sẻ, lưu		

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
		bổ sung vào báo cáo TĐG; - Tổng hợp hoàn thiện báo cáo TĐG và chuẩn bị cho đánh giá ngoài.	trữ minh chứng và tổ chức các hoạt động TĐG trực tuyến; - Kinh phí để đầu tư cải thiện cơ sở vật chất/ các cải tiến khác có thể cải tiến được ngay khi phát hiện sau TĐG (nếu có); - Kinh phí cho Hội đồng, các nhóm thực hiện (theo đề xuất của Hội đồng và chỉ đạo của BGH); - Kinh phí cho các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài.		

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có)

Các nhóm chuyên trách tự xác định và đề xuất thông qua Phòng KT-ĐBCL-TT&PC đối tượng, thời gian thực hiện và các hoạt động hỗ trợ (nếu có).

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG (nếu có)

Theo chỉ đạo của Hội Đồng trường, Ban Giám hiệu (nếu có).

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí, phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng (để riêng ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 (từ ngày 10/02 đến ngày 15/02/2025)	1. Hội BGH và Trưởng/phó các Khoa thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Hội Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG-CTĐT.
Tuần 2 – 3 (từ ngày 17/02 đến ngày 01/03/2025)	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Hội Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ

Thời gian	Nội dung hoạt động
	GDĐT và điều kiện cụ thể của Khoa LKT); - Trình Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch TĐG.
Tuần 4 – 8 (từ ngày 03/3 đến ngày 05/4/2025)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 13 (từ ngày 07/4 đến ngày 10/5/2025)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 14 – 16 (từ ngày 12/5 đến ngày 31/5/2025)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét báo cáo của từng tiêu chuẩn do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 17 – 18 (từ ngày 02/6 đến ngày 14/6/2025)	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT thảo luận với các bộ môn, phòng, ban,... về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 – 21 (từ ngày 16/6 đến ngày 06/7/2025)	1. Công bố bản dự thảo BCTĐG trong nội bộ Nhà trường và Khoa LKT. 2. CBGVNV, người học,... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG. 3. Nhóm chuyên trách cập nhật bổ sung các kết quả đầu ra của khóa 1, 2 vào Tiêu chuẩn 11: Tỷ lệ HV tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm của HV sau tốt nghiệp
Tuần 22 – 23 (từ ngày 07/7 đến ngày 15/7/2025)	1. Hội đồng tự TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện (nếu có); 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét phê duyệt.
Tuần 23 – 25 (từ ngày 16/7 đến ngày 31/7/2025)	1. Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho Cục QLCL, Bộ GDĐT. 2. P.KT-ĐBCL-TT&PC, Khoa LKT. bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã MC đã ghi trong báo cáo TĐG; 3. Theo dõi kết quả phản hồi báo cáo TĐG từ Cục QLCL và đăng ký ĐGN.

Nơi nhận:

- HĐT, BGH (để báo cáo);
- Hội đồng TĐG (để thực hiện);
- Khoa Luật Kinh tế (để thực hiện);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.



PGS.TS. Võ Khắc Thường

- Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG (kèm theo)./.